

TỦ SÁCH TRƯỜNG ĐẠI HỌC TỔNG HỢP

Hồng Hà nữ sĩ ĐOÀN-THỊ-ĐIỂM

TRUYỀN KỶ TÂN PHẢ

Phiên dịch và chú thích:

NGÔ - LẬP - CHI

TRẦN - VĂN - GIÁP

Hiện đính và giới thiệu:

HOÀNG-HỮU-YÊN

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

HÀ-NỘI — 1962

TỦ SÁCH TRƯỜNG ĐẠI HỌC TỔNG HỢP

Hồng Hà nữ sĩ ĐOÀN-THỊ-ĐIỂM

TRUYỀN KỲ TÂN PHẢ

Phiên dịch và chú thích:

NGÔ-LẬP-CHI

TRẦN-VĂN-GIÁP

Hiệu đính và giới thiệu:

HOÀNG-HỮU-YẾN

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

HÀ-NỘI — 1962

LỜI NÓI ĐẦU

« Truyền kỳ tân phả » đã được phiên dịch từ năm 1959. Hàng năm sinh viên năm thứ hai trường Đại học Tổng hợp vẫn dùng làm tài liệu tham khảo.

Giới thiệu với bạn đọc, chúng tôi mong góp phần làm thêm về văn thơ của Đoàn thị Điểm.

Bản dịch Chinh phụ ngâm khúc của nữ sĩ từ trước đến nay lưu hành rộng rãi trong nhân dân. Học sinh cấp ba, sinh viên ngành văn các trường Đại học, các lớp bồi túc văn hóa cấp ba và Đại học đều học tập nghiên cứu giá trị ưu tú của bản dịch xuất sắc ấy.

Đọc « Truyền kỳ tân phả » chúng ta càng thấy sáng tỏ thêm giá trị trữ tình và tinh thần nhân đạo chủ nghĩa sâu sắc của dịch phẩm « Chinh phụ ngâm khúc ».

Ba truyện đầu do cụ Ngõ lập Chi dịch.

Truyện thứ tư do ông Trần văn Giáp dịch.

Nói chung chúng tôi giữ đúng nguyên văn. Chúng tôi có lược đi một ít đoạn là do đoạn ấy trùng ý với đoạn trên hay xét ra không bổ ích.

Tháng 3 năm 1962

TRUYỀN KỶ TÂN PHẢ

I — VÀI NÉT VỀ THÂN THỂ VÀ THỜI ĐẠI CỦA ĐOÀN-THỊ-ĐIỂM

Theo gia-phả (Đoàn-thị thực-lục) thì họ Đoàn nguyên trước là họ Lê. Đến đời Đoàn-doãn-Nghi mới đổi ra họ Đoàn. Đoàn-thị-Điểm sinh năm 1705 ở làng Giai-phạm (sau đổi là Hiến-phạm) thuộc huyện Văn-giang, xứ Kinh-bắc (nay thuộc huyện Yên-mỹ, tỉnh Hưng-yên).

Cha là Đoàn-doãn-Nghi, đậu hương-cống (cử nhân) thời Lê mạt. Thị hội không đậu, ông không ra làm quan, về nhà mở trường dạy học và bốc thuốc. Ông sinh được hai con. Con cả là Đoàn-doãn-Luân và bà. Doãn-Luân học giỏi, thi đậu hương-nguyên (tức là giải-nguyên hay thủ-khoa) nhưng cũng không ra làm quan, nối nghiệp cha làm nghề dạy học và bốc thuốc.

Tuy là gái, nhưng Đoàn-thị-Điểm cũng được theo đòi bút nghiên. Lúc nhỏ học với cha anh, bà thông minh và sớm hay chữ. Người đương thời hết sức hâm mộ. Theo các giai thoại và một số mẩu chuyện có tính chất truyền thuyết thì bà, ngoài việc xướng họa với anh, còn xướng họa với nhiều danh sĩ đương thời. Người ta kể Đoàn-thị-Điểm đã từng làm cho bọn sứ giả Trung quốc bẽ mặt và bà đã đánh bại Trạng Quỳnh (Nguyễn Quỳnh, đỗ hương cống thời Lê mạt, trở thành nhân vật truyền thuyết). Thực ra, đó cũng chỉ là tiếng vang về tài văn thơ của Đoàn-thị-Điểm mà thôi.

Lên 16 tuổi, vì có sắc đẹp, lại có văn tài nên bà đã được thượng thư Lê-anh-Tuấn nhận làm con nuôi. Lê-anh-Tuấn dự định tiến dâng bà vào phủ chúa Trịnh để làm cung phi nhưng bà không chịu. Ít lâu sau, bà trở về theo cha anh đi dạy học ở làng Lạc-viên, huyện Yên-dương (nay thuộc tỉnh Kiến-an).

Năm 25 tuổi (1729) cha mất, cả gia đình lại dời về làng Vô-ngại, huyện Đường-hào (nay là Mỹ-hào) tỉnh Hưng-yên, nơi dạy học của Đoàn-doãn-Luân. Chẳng bao lâu anh cũng mất, một mình bà phải quán xuyến việc nhà. Sau khi đưa linh cữu anh về quê an táng bà trở lại Vô-ngại thay anh dạy học bốc thuốc để nuôi mẹ, nuôi chị dâu và các cháu nhỏ. Học trò bà rất đông, sau này nhiều người thành đạt, có người đậu đến đại-khoa.

Về cuộc đời riêng, lúc tuổi thanh xuân bà chưa gặp ai ý hợp tâm đầu để kết duyên. Mãi đến năm 37 tuổi (1742) bà mới gặp Nguyễn-Kiều (1), đậu tiến sĩ, lại có văn tài. Vì mến tài đức lại cảm thông cảnh góa bụa bà mới thuận kết hôn.

Lấy nhau chưa đầy một tháng thì Nguyễn-Kiều phải đi sứ Trung quốc đằng đằng 3 năm. Một mình bà lại phải lo gia đình nhà chồng và gia đình mình. Đến khi Nguyễn-Kiều về nước ít lâu lại đi nhậm chức Tham-thị Nghệ-an. Bà theo chồng vào Nghệ vừa đến nơi thì cảm bệnh và mất ở đấy, hưởng thọ 44 tuổi (1748).

Về phương diện sáng tác, bà để lại hai tác phẩm : Truyền-ký tân phả và Chinh-phụ ngâm khúc diễn nôm.



Đoàn-thị-Điễm sống gần trọn nửa đầu thế kỷ thứ 18. Đây là một giai đoạn lịch sử hết sức phức tạp.

Từ thế kỷ thứ 16 trở đi chế độ phong kiến đã bước vào thời kỳ suy vong và đến lúc này thì đang nằm trong tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng.

Nhân lúc hưu-chiến, các tập đoàn phong kiến (Lê Trịnh ngoài Bắc, Nguyễn trong Nam) lo mai nãnh giữa vuốt để chờ dịp cẩu xé lẫn nhau. Chúng tăng cường bóc lột quần chúng để chuẩn bị gây chiến và cung phụng cho cuộc sống xa hoa trụy lạc của chúng.

Vì vậy tình cảnh xã hội ngày càng đen tối, đau khổ. Lại thêm thiên tai, bệnh hoạn giáng vò. Sử cũ chép:

— « Tháng giêng Quý ty (1713) : Lúc ấy đã lâu không mưa, giá thóc gạo cao vọt, dân gian có người phải ăn vỏ cây, rễ cỏ, chết đói đầy đường, làng xóm các nơi tiêu điều hiu quạnh » (2).

— « Tháng 8 Tân dậu (1741) : ... Dân phiên tán đất diu nhau đi kiếm ăn đầy đường. Giá gạo cao vọt, một trăm đồng

(1) Nguyễn Kiêu sinh năm 1795, người làng Phú-xá, huyện Từ-liêm, phủ Hoài-dec, tỉnh Hà-dong. Năm 18 tuổi đậu giải nguyên, 21 tuổi đậu tiến sĩ rồi được bổ làm quan. Cuối năm 1742 ông được cử làm chánh sứ đi tuế cống nhà Mãn Thanh. Ba năm trở về lại được bổ làm Trấn thủ Nghệ-an.

tiền không được một bữa no. Nhân dân phần nhiều phải ăn rau, ăn củ, đến nỗi ăn cả thịt rắn thịt chuột, chết đói chồng chất lên nhau. Số dân còn lại mười phần không được một. Làng nào vốn có tiếng trù mật cũng chỉ còn lại độ dăm ba hộ mà thôi » (3).

Đứng trước thảm trạng như trên, các tầng lớp nhân dân nhất là nông dân, chỉ còn một tâm lý duy nhất là « ước ao sự loạn lạc » và một con đường duy nhất là vùng lên khởi nghĩa.

Đặc biệt những năm thứ 30 và thứ 40 của thế kỷ (tuổi trưởng thành của Đoàn-thị-Điểm) phong trào bùng lên sôi nổi như những tàn lửa rơi vào cánh đồng cỏ khô.

Tiếp theo nhà sư Dương-Hưng (1737) là Nguyễn-Tuyền, Nguyễn-Cử, Vũ-trắc-Oánh, Hoàng-công-Chất, Lê-duy-Mật và đáng chú ý hơn cả là Nguyễn-danh-Phương (tục gọi là Quận He) Nguyễn-hữu-Cần (tục gọi là Quận Hèo) lần lượt phát cờ khởi nghĩa. Hàng chục vạn nông dân đã nhiệt liệt hưởng ứng. Chính quyền Lê Trịnh lung lay « Quân ở bốn đạo không đánh mà tự vỡ, thế giặc lại lớn lên, đại phong hỏa báo thông về đến sông Nhị » (4).

Phong trào nông dân khởi nghĩa nửa đầu thế kỷ tuy chưa thành công nhưng đã giáng những đòn sét đánh vào chế độ phong kiến thối nát, xô đẩy các tập đoàn thống trị mau sa xuống hố diệt vong. Trên cơ sở suy tàn của chế độ phong kiến, những thứ đạo đức luân lý lễ giáo Khổng-Mạnh cổ truyền dần dần mất hiệu lực. Phong trào khởi nghĩa đem lại một cuộc sống tự do, thoải mái, lành mạnh thích hợp với yêu cầu của thời đại. Văn học dân-gian phát triển, văn học cổ-diễn đạt đến một bước tiến bộ mới: giàu tính chất hiện thực, giàu tính thần nhân đạo chủ nghĩa và đậm đà phong vị dân tộc về mặt hình thức.

Cũng giai đoạn lịch sử này, nền kinh tế hàng hóa phát triển hơn trước, các đô thị tập trung và phồn vinh hơn trước, làm nảy nở yếu tố thị dân trong cuộc sống xã hội.

Vì vậy trong cuộc sống cũng như trong văn học, tinh thần chống phong kiến phát triển mạnh mẽ, có khi trở nên một trào lưu rất hấp dẫn. Dù muốn hay không muốn, dù có ý thức hay

(2), (3) và (4) Việt sử thông giám cương mục — Viện sử học phiên dịch và xuất bản.

không có ý thức, các nhà sáng tác văn học và nghệ thuật đều chịu ảnh hưởng sâu sắc của những tiến triển mới của thời đại.

Đoàn-thị-Điễm thuộc tầng lớp nhà nho nghèo. Tuy cha anh có đậu đạt nhưng vẫn là những ông đồ sống bên lũy tre giếng nước. Nhờ đó họ rất gần gũi quần chúng và dễ tiếp xúc với trào lưu mới của thời đại.

Gia phả có ghi rõ cả nhà họ Đoàn phải di cư từ Yên-mỹ sang Yên-dương rồi lại đến Đường-hào mà vẫn không được yên ổn. Loạn lạc, đói rét đã tác động sâu sắc đến cuộc sống riêng của nữ sĩ. Lại thêm gánh nặng gia đình mà mình thì gần suốt đời sống lẻ bạn. Chịu ảnh hưởng của thời đại, của hoàn cảnh riêng bản thân và với một khả năng văn tài xuất sắc, Đoàn-thị-Điễm đã sáng tác Truyền-ký tân-phả có giá trị và điển nôm Chinh-phụ ngâm khúc thành công tốt đẹp.



— GIÁ TRỊ NỘI DUNG CỦA TÁC PHẨM TRUYỀN KÝ TÂN PHẢ

Truyền ký tân phả (quyển sách mới ghi chép những truyện ký lạ) cũng có tên « Tục truyền ký » là một tác phẩm bằng Hán văn. Theo « Lịch triều hiến chương loại chí » của nhà sử học xuất sắc Phan-huy-Chú thì « Truyền ký tân phả » bao gồm sáu truyện: Vân cát thân nữ, An-ấp liệt nữ, Bích câu kỳ ngộ, Hoàng sơn tiên cục, Mai huyển, Nghĩa khuyến khuất miên... nhưng bỏ sót Hải-khâu linh-tử (1).

Theo « Tang thương ngẫu lục » của Phạm-dinh-Hồ và Nguyễn-Án trong mục nói về Đặng-trần-Côn lại cho « Truyện Bích câu kỳ ngộ » là của Đặng-trần-Côn. Về sau này, Trúc-Khê, Nguyễn-đỗ-Mục, Hoàng-xuân-Hãn cũng cho « Bích câu kỳ ngộ » là của Đặng trần Côn; nhưng Đinh gia Thuyết, Trần văn Giáp lại khẳng định Bích câu kỳ ngộ là của Đoàn-thị-Điễm.

Chúng tôi căn cứ vào tác phẩm chính bằng Hán văn, nhan đề Truyền ký tân phả ký hiệu A.48 Thư viện Khoa

(1) Dẫn theo sách Chinh phụ ngâm bị khảo của Hoàng-xuân-Hãn.

học nhà nước, nhà xuất bản Lạc thiện đường in năm Gia-long thứ 10 (1811).

Tác phẩm trên in bản gỗ, nét chữ rõ ràng, chân phương, chưa rách nát, bao gồm 6 truyện sau này:

- | | |
|---------------------|---------------------------|
| 1. Hải khấu linh từ | 2. Vân cát thần nữ |
| 3. An ấp liệt nữ | 4. Bích câu kỳ ngộ |
| 5. Long hồ đấu kỳ | 6. Tùng bách thuyết thoại |

Chúng tôi dịch gần nguyên văn (lược đi rất ít có chú thích) bốn truyện trên và tóm tắt đại ý của hai truyện sau để giới thiệu với bạn đọc.

Hải khấu linh từ (Đền thiêng ở cửa bể) kể chuyện nàng Bích Châu cung phi của vua Trần Duệ-long. Nàng học giỏi văn thơ hay, người đẹp, lại có lòng quan tâm đến vận mệnh quốc gia nên được nhà vua hết lòng yêu mến. Nàng đã từng dâng lên nhà vua một bản điều trần gồm mười điều bổ ích (thập sách). Đại ý nàng khuyên vua «năng giữ gìn cội gốc của nước» trừng trị bọn «quyền thần những lạm» «cổ động nho phong» và chỉnh đốn quân đội. Khi biết nhà vua sắp sửa đi đánh Chiêm-thành nàng hết lời can ngăn. Vua không nghe, nàng tình nguyện đi theo giúp sức. Đến cửa bể Kỳ-hoa (Kỳ-anh, Hà-tĩnh), chiến thuyền gặp bão táp, đông tố, mười phần nghiêng ngả vì tên Giao thần đòi nhà vua cho hẳn một người vợ mà không được. Để cứu vua và quân sĩ, nàng xin hy sinh thân mình xuống biển làm vợ Giao thần. Nhờ đó sóng yên bể lặng. Non 200 năm sau Lê Thánh-tông đem hải đội qua Kỳ-hoa, Bích-Châu hiện lên báo mộng cho nhà vua biết nỗi oan khuất của mình. Nhờ có hạt minh châu thần diệu của nàng, nhà vua gửi được thư cho Quảng-lợi-vương (vua dưới nước). Quảng-lợi-vương trừng phạt Giao thần và nàng được trở về trần gian, giúp vua đánh thắng giặc. Vua cho lập đền thờ sắc phong thần Chế-thắng. Hiện nay còn miếu đền ở cửa bể Kỳ-hoa.

Vân cát thần nữ (Truyện nữ thần ở Vân-cát) là câu chuyện về bà chúa Liễu Hạnh. Bà là tiên nữ vì đánh vỡ chén ngọc nên bị Ngọc-Hoàng đày xuống trần gian làm con Thái công ở Vân-cát (Nam-định). Lớn lên đẹp người, tốt nết kết duyên với Đào sinh (cũng người nhà trời). Sinh được một con trai thì nàng phải về trời. Nhưng vì « lơ tinh còn nặng » nên nàng lại xuống trần lần thứ hai. Khi thì hóa thành cô gái mỹ miều, có khi lại hóa thành bà già. Có khi ở Lang-sơn, có khi lại về hồ Tây (Thăng-long) và hai lần xường họa với danh sĩ Phùng khắc-Khoan (tục gọi là Trang Bùng). Một hôm, Liễu Hạnh gặp một thư sinh ở vườn đào. Thư sinh này lại là hậu sinh của Đào lang trước kia. Hai người lấy nhau sinh được một con. Không bao lâu hết hạn, Liễu Hạnh lại về trời để lại cho Đào sinh không biết bao nhớ thương buồn tủi. Chàng bỏ quan và có lần đã định tự tử. Ít lâu sau nàng lại xin phép xuống trần mang theo hai nữ tỳ là Quế-Hương và Ngọc-Hương đến ở Phố-cát (thượng du Thanh-hóa). Triều đình tưởng là yêu quái mang binh đến phá. Liễu Hạnh hóa phép gây bệnh dịch khắp nơi. Về sau triều đình phải cho lập đền thờ, hàng năm mở hội rất to. Hiện nay miếu đền đã bị giặc Pháp ném bom, tàn phá.

An-ấp liệt nữ (Truyện người liệt nữ ở An-ấp). Đời Lê Du-tôn (1706 — 1721) Đình-Hoàn ở làng An-ấp xứ Nghệ-an, (nay thuộc huyện Hương-sơn, tỉnh Hà-tĩnh) có một người vợ lẽ họ Nguyễn rất mực thương yêu chồng. Nàng sắc đẹp, ăn nói đoan trang, có tài nữ công lại rất sành văn thơ. Đình-Hoàn đậu tiến-sĩ, làm quan lại được Triều đình cử làm chánh sứ đi tuế cống nhà Thanh. Đình phu nhân lưu luyến sầu não từ ngày chồng bước chân ra đi. Nàng theo dõi từng bước chân đi của chồng. Ngày tháng đằng đẳng gửi gắm tất cả tình thương nỗi nhớ vào thơ văn để đợi ngày tái hợp. Không ngờ,

Đình-Hoàn sức yếu, lại trải qua mấy độ phong sương, lên đến Yên-kinh (Bắc-kinh ngày nay) thì lâm bệnh nặng và mất. Được tin chồng chết, nàng cảm thương vô độ đã toan tự tử theo chồng. Nhờ người nhà an ủi khuyên giải nàng tạm yên. Lòng nhớ thương vẫn ngày càng dồn dập không thể kéo dài cuộc sống bề bàng, nàng đã xé áo « la y » của chồng để lại thắt cổ tự tận. Triều đình liền cho lập đền thờ và sắc phong bốn chữ « Trinh liệt phu nhân ».

Bích câu kỳ ngộ (Cuộc gặp gỡ kỳ lạ ở phường Bích-câu, Hà-nội). Kể chuyện Trần-tú-Uyên một nho sĩ học giỏi thơ văn nổi tiếng đang dùi mài kinh sử để chờ dịp chiếm bằng vàng. Nhân một hôm đi dự hội chùa, chàng gặp một người đẹp rồi đem lòng yêu mến. Chàng đến đền Bạch-mã xin báo mộng. Ngày hôm sau chàng mua một bức tranh tố nữ giống hệt người đã gặp. Dem về treo lên tường và săn sóc người trong tranh như người có thực. Ít lâu sau tiên nữ từ tranh hiện ra kết duyên cùng chàng. Sống trong hạnh phúc ái ân chàng sao nhãng sách đèn và ham mê rượu chè. Lúc say tiên nữ khuyên bảo, chàng giận dữ đuổi đi. Tỉnh dậy thì hối lại không kịp. Chàng hết sức buồn rầu chán nản, ai khuyên giải cũng không nguôi. Một hôm chàng sắp thắt cổ tự tử thì Giáng-Kiều hiện về đỡ lấy chàng. Từ đó vợ chồng sum họp, ân ái mặn nồng, hạnh phúc toàn vẹn và Giáng-Kiều lại sinh con trai. Một hôm vợ chồng bàn bạc, thấy rằng sống côi trần gian ngắn ngủi, phải lên cảnh tiên để kéo dài hạnh phúc lứa đôi. Tú-Uyên bằng lòng, ra công học phép tu tiên. Ít lâu sau một con hạc vàng đậu xuống giữa sân, cả vợ chồng con cái cười hạc lên tiên. Ở nơi ấy sau lập nên miếu Bích-câu, gọi là Bích-câu quán hiện nay đang còn.

Long hồ đấu kỳ (Truyện con rồng và con hồ tranh nhau về tài lạ). Cốt truyện kể một đạo sĩ ẩn cư ở núi Phượng-hoàng. Một hôm đạo sĩ lên núi ngồi chơi thấy con rồng hiện ra ở lưng chừng núi, con hồ phục sẵn ở ngay sườn núi. Hai con gặp nhau và lên tiếng tranh cãi gay go. Đề ý lắng nghe thì : rồng khoe cái tài chuyển vận trời đất làm mưa làm gió của mình và chê hồ kém ; hồ lại phô trương nanh vuốt, oai phong lâm liệt của chúa sơn lâm mà coi thường rồng. Cả hai loài đều viện dẫn kinh truyện của thánh hiền để khen mình chê người...

Nghe xong đạo sĩ đem chuyện nói với ta (lúc giả tự xưng), ta nói : « Rồng là dương-tinh là vật lành và thiêng liêng ; hồ là âm-tinh là vật yếu quái và độc dữ. Người ta phải bắt chước rồng làm mưa làm gió có bổ ích cho thế gian ; chớ nên bắt chước hồ giơ nanh múa vuốt cắn hại loài người. Dù chuyện ấy là chuyện hoang đường quái lạ, thánh nhân không nói đến để mê hoặc lòng người nhưng đề ra đây để làm răn thiên hạ. »

Viết truyện này nữ sĩ có ý đề cao kẻ hiền tài và phê phán bọn thống trị gian ác hiểm độc. Đằng sau hình thức ly kỳ vẫn bao hàm ý nghĩa xã hội rõ rệt. Qua đó ta thấy một phần nào hiện thực đen tối của thời đại và lòng mong ước của mọi người.

Tùng bách thuyết thoại (Câu chuyện về cây tùng cây bách). Truyện này thuật lại tình bè bạn thắm thiết chí tình. Nội dung giống hệt như truyện Lưu-Bình Dương-Lê, chỉ có khác nhau về tên người và một vài tình tiết nhỏ. Có một nho sinh họ Hà thông minh, linh lợi nhưng không thích đàn sách. Lấy được con gái họ Vương chàng bèn bỏ học làm ruộng. Một hôm, một nho sinh họ Nguyễn đi qua cánh đồng nghỉ chân dưới cây tùng, ngồi ngâm thơ. Hà sinh đang cày ruộng chú ý lắng tai nghe.

Nguyễn sinh tỏ ý coi khinh, Hà bảo rằng tôi cũng biết chữ. Để thử tài, Nguyễn liền ra câu đối:

Bách xích trường tòng, kham tác quốc gia chu tiếp khi
(Tùng cao trăm thước, làm thuyền chèo cho nhà nước).

Hà sinh liền đáp:

Thiên tâm kính bách, tiện vi lang miếu đồng lương tài
(Bách cứng nghìn tâm, làm cột trụ chốn miếu đường).

Phục tài Hà, Nguyễn bèn khuyên Hà nên tiếp tục học. Vương thị cũng khuyên như thế. Hà sinh tìm thầy học đạo. Sau ba năm đèn sách chàng liền trúng thi hương và thi hội. Trong lúc ấy Nguyễn cậy tài, thi hỏng. Nghe tin bạn đậu đại khoa, liền đem lễ vật đến mừng. Để kích lệ bạn, Hà tỏ vẻ lạnh nhạt và không tiếp. Nhưng sau đó cho người thiệp ra đi giúp bạn. Được người đẹp giúp đỡ, khuyến khích và hứa hẹn sau khi đậu đại khoa sẽ làm vợ, lại phân chi nên Nguyễn chăm lo học tập và đậu Hoàng-giáp. Lúc đã thành danh, Nguyễn sang nhà Hà sinh tỏ vẻ kiêu ngạo và say sưa kể chuyện tiên giúp. Hà mỉm cười cho gọi thị nữ bưng quả trầu ra hầu. Nguyễn vô cùng ngạc nhiên vì chính người này đã giúp mình ăn học. Lúc ấy mới vỡ lẽ ra là bạn đã chí tình với mình. Từ đấy tình bạn lại trở nên vô cùng thắm thiết.

Chúng ta chưa biết truyện Lưu-Bình Dương-Lê được xây dựng từ hồi nào. Giữa hai truyện có liên quan gì không; nhưng thiện ý của nữ sĩ khi sáng tác «Tùng bách thuyết thoại» là đề cao tình bè bạn chân thành khăng khít, một phẩm chất tốt đẹp của nhân dân ta.

Đọc Truyện kỳ tàn phá ai cũng dễ nhận thấy bốn truyện chúng tôi phiên dịch và giới thiệu (1) đều mang

(1) Truyện «Long hồ dấu kỳ» có ý nghĩa một truyện ngụ ngôn. Truyện «Tùng bách thuyết thoại» không có màu sắc hoang đường.

màu sắc hoang đường quái dị. Từ nàng Bích-Châu, công chúa Liễu-Hạnh, Đình phu nhân cho đến chàng Tú-Uyên đều có tính chất huyền bí. Hình tượng Liễu-Hạnh, Giáng-Kiều sinh sinh hóa hóa, Tú-Uyên cười hạc lên tiên v.v... thể hiện cốt cách của Đạo giáo sâu sắc (1). Lại nữa, Bích-Châu vì vua mà liễu mình, Đình phu nhân vì chồng mà thất cổ cho tròn chữ tiết, Nguyễn-sinh, Vương-thị khuyên Hà sinh bỏ cây cầm bút, Bích-Châu Trần-vương coi Chiêm thành là rợ v.v... rõ ràng là Đoàn-thị-Điểm còn bị ràng buộc chặt chẽ bởi tư tưởng phong kiến.

Các truyện kể nói chung nặng nề. Tác giả nhiều khi nhẹ về kể chuyện, nặng về phô trương kiến thức, vì vậy mà câu chuyện kém phần hấp dẫn, nữ sĩ muốn đưa vào tác phẩm tài chơi chữ, tài xướng họa thơ văn và dùng điển cổ. Câu chuyện phát triển thường thiên về kể sự việc mà thiếu đi sâu vào đời sống nội tâm của nhân vật.

Phần thành công căn bản là sự nhất quán chủ đề tư tưởng của các truyện trong tác phẩm. Tác giả hết lời ca ngợi tình yêu và nhiệt tình đề cao đạo đức, tài hoa của người phụ nữ.

Cùng với dịch phẩm Chính phụ ngâm ưu tú, Truyền kỳ tân phả là lời ca tình yêu mặn nồng và thắng lợi.

Tình yêu ở đây là một thứ tình yêu tha thiết xuất phát từ trái tim, tự do phóng khoáng vượt ra ngoài

(1) Đạo giáo: một tôn giáo phát triển từ hồi Hán mạt (Trung quốc). Trương-đạo-Lăng là người sáng lập. Trương tôn Lão-tử làm Thái thượng lão quân nhưng Đạo giáo không mấy may giống triết học của Lão-Trang. Trương mượn uy tín của Lão-tử lợi dụng tính chất mê tín phù phép để mê hoặc quần chúng. Đạo giáo nặng về phù chú không có giá trị triết học. Đạo giáo truyền sang ta từ lâu. Có lẽ thế kỷ thứ 18 là thịnh thời nhất. Về sau suy tàn chỉ còn để lại những hình thức mê tín dị đoan như đồng bóng, cầu tiên, năm mọng v.v...

mọi lễ giáo phong kiến. Tình yêu đã trở thành một lẽ sống tuyệt đối. Tình yêu là cuộc đời của hầu hết các nhân vật.

Đinh phu nhân trong « An-ấp liệt nữ » yêu chồng say đắm mãnh liệt. Khi gần chồng thì săn sóc chồng cả trong giấc ngủ:

« Ấy ai rỏ thêm giọt nước vào đồng hồ cho đêm thêm dài, để cho thiếp khỏi nỗi bồn khoăn về lang quân mỗi khi gặp buổi sáng sớm. »

Lúc xa chồng thì nhớ thương, sầu muộn như dâng lên ngập cả đất trời:

« Mỗi khi gặp cảnh xuân quang, tiết trời thay đổi, mưa trời hoa lạnh, khói ngậm quất hồng, đó là những lúc phu nhân đau từng khúc ruột. Có khi nghe ve kêu buổi tối, chim hót buổi sáng đó là những lúc phu nhân buồn não nuột. Ngẩng trông trăng càng thêm than thở, hóng gió mát luống những ngai ngừng. »

Ngày qua tháng lại cô phòng vẫn lẻ bóng, hạnh phúc lứa đôi sao mà ngày một xa vời. Nàng giờ lại kỷ vật ngày xưa để đưa mình trở về những ngày ái ân nồng thắm. Này chiếc áo la y chồng nàng để lại trước khi ra đi. Nàng mặc vào mình nhưng cũng không an ủi được chút nào:

« Ta ở một mình với buồng không buồn đứt ruột, Buồn thay! với chiếc áo cô đơn, làm bạn với ánh trăng suông. »

Càng trông càng xa, càng chờ càng vắng. Hết lo cho chồng « tiếng xe lăn lộc cộc nơi chân trời xanh biếc đầy những cát lăm » lại lo cho mình. Nàng lo sợ nhất là tuổi trẻ chóng qua « tuổi thanh xuân chạy nhanh như bóng mặt trời chớp nhoáng ».

Tâm trạng Đinh phu nhân cũng giống tâm trạng người chinh phụ trong Chinh phụ ngâm. Nếu xưa kia

khi chồng sắp sửa nhận phận sự của quân vương, chàng nghĩ rất đúng lễ giáo: «chồng ra đi là thỏa mãn chí bình sinh». Nàng sẵn sàng nghe theo lời khuyên bảo của chồng: «Ta sinh vào triều Lê, nhận quan tước triều Lê, ăn bổng lộc triều Lê, đông tây nam bắc, vua sai đi đâu là đi đấy.» Nhưng nàng không phải là con người của lý trí. Những khái niệm ấy dần dần chìm ngập trong tình thương nỗi nhớ ngày một bồi rối như tơ vò. «Tình trăm mối dậy lên trong lòng không biết ngày nào nguôi». Hạnh phúc ái ân trở nên hương vị duy nhất của cuộc sống. Chồng nàng trở về là ước mong tha thiết nhất. Công danh phú quý cũng không bằng được sống bên chồng. «Chồng ta về lòng ta vui sướng không phải vì chồng được đeo ấn phong hầu». Nhưng Đinh-Hoàn không trở về «ca khúc hải hoàn», Đinh Hoàn không bao giờ trở về nữa. Đời phu nhân bỗng nhiên tối tăm lại. «Trăm năm như đêm tối, trời kia độc địa chi!» Chồng chết nàng đau đớn quá chừng. Nàng đã mất tất cả. Nàng đã quỳen sinh vì nàng không tìm thấy hạnh phúc nào nữa. Chồng nàng là tất cả đời nàng.

Về sau, vua chúa sắc phong cho nàng là người «tiết liệt» nhưng Đinh phu nhân chết theo chồng không phải nàng bị ám ảnh bởi công thức cứng nhắc «Liệt nữ bất canh nhị phu» (người liệt nữ không lấy hai chồng). Đinh phu nhân là con người của tình cảm chứ không hoàn toàn chịu sự câu thúc của lễ giáo hẹp hòi.

Nhưng tình yêu trong «Truyện kỳ tân phả» không chỉ có nhớ thương sâu muộn. Nàng Liễu-Hạnh trong «Vân cát thần nữ» tượng trưng cho lòng khao khát hạnh phúc trần gian. Tình yêu đối với nàng là một lẽ sống cao nhất. Trên trời dưới đất ở đâu dường như cũng chỉ có tình yêu. Liễu-Hạnh nguyên là Giáng-Tiên xuống trần gian làm người mẹ hiền, dâu thảo, vợ tốt.

21 tuổi đã phải về châu Trời nàng không sao chịu được. Nàng xuống trần lần thứ hai. Nhưng vì «tơ tình còn nặng» nàng lại phải xuống trần lần thứ ba mang theo hai nàng tiên khác và không về trời nữa. Hạnh phúc ái ân đã có sức hấp dẫn kỳ diệu. Bằng hình tượng nghệ thuật nữ sĩ họ Đoàn đã khẳng định dứt khoát chỉ có ở cõi trần này mới có yêu đương nồng thắm.

Tình yêu ở đây cũng đặc biệt. Lần thứ hai Liễu-Hạnh xuống trần gặp Đào sinh ở vườn đào, nàng ngỡ ý muốn cùng chàng kết tóc xe tơ. Đào sinh còn e ngại muốn phải có mối lái cho hợp lễ — lễ giáo phong kiến — Nàng liền gạt đi mà nói rằng :

« Người trượng phu làm việc gì không cần câu chấp lễ nghi lặt vặt. Kìa xem như nàng Văn-Quân, nàng Hồng-Phát đời sau cũng chẳng ai chê là trái nghĩa mà chỉ khen là biết yêu tài. Thiếp với chàng trên không có cha mẹ, dưới không có thân thích, tri kỷ gặp nhau một lời vàng đá, còn cần gì phải mối lái ! »

Liễu-Hạnh công chúa của nhà trời chắc hẳn có thân thích ruột rà với đấng Thiên tử (con trời — vua chúa phong kiến tự xưng như thế) đã nguy biến với lễ giáo phong kiến, hơn nữa đã tuyên chiến với lễ giáo phong kiến ! Tình yêu xuất phát từ trái tim nồng cháy đã hạ lễ giáo xuống hàng « lặt vặt ». Trác Văn-Quân đang có tang chồng nhưng vì mê khúc « Tư mã cầu hoàng » mà trốn theo Trương-Như. Hồng-Phát đang đem lần ra khỏi nhà Dương-Tổ để đoạn tuyệt với cuộc đời kỹ nữ. Nàng đi theo Lý-Tĩnh vì Lý là người có tài, mặc dù Lý là bề tôi của Dương-Tổ. Lần đầu tiên trong văn học ta Văn-Quân, Hồng-Phát được đề cao như gương mẫu của tình yêu tự do.

Tình yêu không phải chỉ đối với Đình phu nhân, Liễu-Hạnh mới là lễ sống mà ngay như Đào sinh

(trong « Vân cát thần nữ ») theo đòi cửa Không sân Trình, đầu đại khoa và sung chức Hàn lâm, thế mà khi Giáng-Tiên về trời, chàng tình nguyện vất bỏ tất cả công danh sự nghiệp để đi theo tiếng gọi của yêu đương :

« Tiệp sinh nay có phúc được gặp tiên, sinh con đẻ cái, gia đình sum họp, ngờ đâu giữa đường chia phối, phượng loan gãy cánh, chẵn đơn gối chiếc, tịch mịch nương nào, nay tiệp sinh xin đi theo để thỏa tâm lòng khao khát. »

Không được cùng người yêu chung hưởng ái ân, chàng thấy trước mình có thể chết mất :

« Tiệp sinh không phải không biết giữ gìn lấy hơi tàn nhưng chỉ e vì buồn rầu về nỗi thương con nhờ vợ không chắc gì có thể sống được. »

và cuối cùng cáo quan về đắm mình trong khói mây và thơ rượu, cho khuây khỏa nỗi nhớ thương sâu muộn.

Nổi gót Đào sinh là Trần-tử-Uyên trong truyện « Bích câu kỳ ngộ ». Trần sinh là con nhà « thi lễ », sớm thông minh đỉnh ngộ nổi tiếng là kỳ đồng. Lên 6 tuổi đã biết luật thơ, 15 tuổi « tay không rời quyển sách, lúc nào cũng chỉ nghĩ sao nổi được chí cha ». Nhưng trong dịp trẩy hội chùa Ngọc-hồ chàng đã gặp giai nhân « trạc độ 17, 18 tuổi, mày vẽ liễu, má hoa đào... nghiêng nước nghiêng thành », hai bên chuyện trò thân mật. Từ đó đời chàng đổi thay nhanh chóng. Chàng bỏ ăn, bỏ ngủ, bỏ cả học hành rồi đi nằm mộng cầu tiên, mặc dầu trước kia chàng vẫn coi chuyện thần tiên là hoang đường.

Được báo mộng, chàng mua bức tranh tố nữ treo lên vách, trước bàn học ngày đêm khẩn nguyện bức tranh, ăn ở với bức tranh, than thở với người trong

tranh; định ninh rằng người trong tranh có duyên nợ với mình, là người yêu của mình:

« Ba sinh duyên lộ gần đây

Rõ ràng tiên cảnh ở ngay bên mình! »

Ít lâu sau, chàng được toại nguyện. Vợ chồng sống trong hạnh phúc tràn trề. Mến vì đức, trọng vì tài, nữ sĩ đã cực tả cảnh ái ân đầy thơ mộng ấy.

Tình duyên có trắc trở vì Trần sinh sao nhãng mọi việc, lại say đắm ma men. Nàng khuyên giải không được liền bỏ đi. Đến lúc Trần sinh hối lại cũng không kịp. Trần sinh chỉ biết gục đầu « trước bức tranh mỹ nhân kêu khóc » bỏ cả ăn ngủ học hành, chết đi sống lại không biết bao nhiêu lần. Hết làm thơ đoạn trường lại đi cầu cúng đền chùa nhưng đều vô hiệu. Cuối cùng chàng quyết định lấy dải khăn là của nàng ngày trước toan thắt cổ tự ái.

« Thà rằng chết gấp mặt

Không nỡ sống biệt ly »

Tình yêu đối với chàng là tất cả.

May thay Giáng-Kiều vì nặng tình, nặng nghĩa không nỡ dứt áo ra đi hẳn. « Thiếp vẫn ở đây !... Khi biệt ly, đi mười bước có đến chín bước quay đầu lại ». Và tình duyên lại càng nồng đượm hơn trước.

Chúa Liễu-Hạnh lưu luyến cõi trần vì tơ duyên còn vương víu nhưng Tú-Uyên — Giáng-Kiều quyết định từ bỏ cõi trần vì cõi trần ngăn ngủ sắc đẹp tuổi xanh mau bị tàn phá. Họ lên tiên để được ngày dài tháng rộng, kéo dài và tận hưởng hạnh phúc bên nhau.

Khác với truyện « Vân-cát thần nữ » ca ngợi hạnh phúc trần gian; trong « Bích-câu kỳ ngộ » nữ sĩ lại dài lời thuyết lý về cõi đời là mây nổi, là chim bay, còn cõi tiên thì thanh nhàn, lộng lẫy, nguy nga... Không có gì khác, nữ sĩ vẫn trước sau nhiệt tình ca ngợi hạnh

phúc ái ân. Dù trên trời dưới đất ở đâu có lửa đời là ở đấy bỗng lại tiên cảnh.

Tóm lại, tình yêu trong « Truyền kỳ tân phả » thật là say đắm, mãnh liệt và táo bạo. Tình yêu là cuộc đời, là lẽ sống. Hết tình yêu là hết sự sống. Ở dân có tình yêu là ở đấy sức sống dâng lên sôi nổi, đầy hương sắc.

Đoàn-thị-Điểm đã tiếp thu sâu sắc trào lưu tình cảm của thời đại. Cùng với ca dao, dân ca, các truyện kể dân gian, các truyện nôm khuyết danh và hữu danh, « Truyền kỳ tân phả » đã phản ánh được một yêu cầu lớn của thời đại: yêu cầu giải phóng cuộc sống tình cảm, chống lại « khuôn vàng thước ngọc » của đạo đức và lễ giáo phong kiến.

Đọc « Truyền kỳ tân phả » chúng ta còn thấy xuất hiện vai trò người phụ nữ. Những nhân vật chính trong ba truyện đầu đều là phụ nữ. Họ là những người phụ nữ đẹp, tài hoa và hành động cao cả.

Những nhân vật phụ nữ này được tác giả miêu tả với ngòi bút tế nhị, trau mến và kính trọng.

Trước hết đó là những người đẹp người tốt nết. Đinh phu nhân « dung nghi nhân nhã, ăn nói đoan trang thêu thùa khâu vá rất lành nghề »; Giáng-Tiên thì « da trắng như sáp đọng, tóc sáng như gương soi, my cong như mặt trăng mới mọc, mắt long lanh như sóng mùa thu... ví với hoa là hoa biết nói, ví với ngọc là ngọc có hương, thờ cha mẹ chồng rất hiếu, đối với chồng giữ lễ thừa thuận... »; Giáng-Kiều thì « mày lá liễu, má hoa đào... cốt cách như ngọc, da dẻ trắng ngần, có vẻ nghiêng thành nghiêng nước... thờ phụng gia tiên rất hiếu, trông nom việc nhà rất chăm ».

Họ còn là những người có tài văn học. Đinh phu nhân đã từng làm thơ khuyên chồng khi thấy Đinh-Hoàn lo là việc nước. Những ngày xa chồng nàng gửi gắm tâm

sự vào hàng chục bài thơ và từ. Giáng-Tiên đã hai lần xướng họa với Trang nguyên Phùng Khắc Khoan, làm cho các danh sĩ đương thời hết sức mến phục. Giáng-Kiên đã dùng thơ làm mối tơ duyên, cùng chồng xướng họa rồi lại lấy thơ khuyên chồng đừng ham mê rượu chè.

Đặc biệt hơn cả là nàng Bích-Châu trong Hải-khẩu linh từ, Vua Trần Duệ-tông yêu quý nàng không phải chỉ vì nàng sắc đẹp thơ văn hay mà chính vì nàng thông minh sáng suốt và có lòng quan tâm đến việc nước. Nàng đã dâng bản điều trần gồm có 10 điều gọi là « Kê minh thập sách »

- « Một là nàng giữ cội gốc của nước trừ hà bạo thì lòng người yên vui
- « Hai là giữ nếp cũ bỏ phiền nhiễu thì kỷ cương không rối
- « Ba là nén kẻ quyền thần để ngăn ngừa chính sự một nát
- « Bốn là thải bớt kẻ những lạm để trừ tệ khoét đục của dân
- « Năm là xin cớ động nho phong...
- « Sáu là mở đường cho người nói thẳng...
- « Bảy là kén quân nên chú trọng dũng lực...
- « Tám là chọn tướng nên cần người thao lược mà không căn cứ vào thế gia
- « Chín là khí giới quý hồ bền sắc không chuộng hình thức.
- « Mười là trận pháp cốt cho chính tề, cần chi diệu mũa... »

Những điều Bích-Châu trình bày có ý nghĩa tích cực. Sống trong thời đại ấy ta không thể đòi hỏi khác hơn. Một triều đại có minh quân, lương thần vẫn là ao ước của cả xã hội.

Lúc vua tôi nhà Trần sắp sửa binh nhung để đi đánh Chiêm-thành, vua đã quyết nhưng nàng hết sức can ngăn. Nàng bày tỏ nên dùng đức để chinh phục nhân tâm, nên nghỉ binh cho dân chúng yên hàn.

«... Trị đạo trước gốc sau ngọn, xin nghỉ binh cho dân chúng yên hàn, trị cái rắn dùng mềm, phục người xa lấy đức».

Vua không nghe lời, nàng tình nguyện đi hộ giá Nam chinh. Lúc các chiến thuyền lâm nạn, số phận nhà vua và hàng vạn sĩ tốt muôn phần nguy ngập, nàng xin liều mình vì đại nghĩa. Đức hy sinh của nàng thấm tình nhân đạo sâu sắc. Cái chết của nàng làm cho sóng yên bể lặng trong lúc cả vua quan đang bỏ gối võ kể khả thi! Ý nghĩa của cái chết dũng cảm đẹp đẽ đã vượt xa cái khái niệm « Quân sử thần tử, thần bất tử bất trung » (Vua bảo bề tôi chết, bề tôi không chịu chết là không trung). Phương chi lần cuối cùng nàng còn muốn lấy cái chết để cảnh tỉnh vua Trần u mê: « Sau khi thiếp chết xin bề hạ sửa văn nghỉ võ, sên dùng người hiền, làm điều nhân nghĩa như đế vương, dựng chước lâu dài cho nhà nước, được như thế thì u hồn thiếp có thể ngậm cười nơi chín suối vậy. »

Viết « Truyền kỳ tân phả » Đoàn-thị-Điễm không có ý thức phản ánh hiện thực của xã hội nhưng khách quan tác phẩm toát lên ý nghĩa xã hội khá đậm đà.

Người phụ nữ Việt-nam đã đóng một vai trò tích cực trong quá trình phát triển của lịch sử. Trong thời đại của nữ sĩ vai trò của họ cũng được biểu lộ sắc nét hơn. Hàng vạn phụ nữ nông dân đã cùng nam giới vùng dậy khởi nghĩa. Hình tượng Bùi-thị-Xuân (sau Đoàn-thị-Điễm mấy chục năm) phát cờ từ chiến với quân Nguyên Gia-long đến giọt máu cuối cùng là kết tinh tinh thần anh hùng của chị em. Các văn

thi gia phụ nữ nổi tiếng từ Đoàn-thị-Điễm, Lê-ngọc-Hàn, Hồ-xuân-Hương cho đến bà huyện Thanh-Quan... là kết tinh tâm hồn nghệ sĩ của hàng muôn ngàn chị em không tên tuổi sống sau lũy tre xanh gắn mình vào câu hò giọng hát và các truyện kể tuyệt đẹp của nền văn học dân gian. Trong thực tế cuộc đời cũng như trong văn học truyền miệng, văn học thành văn hình ảnh người phụ nữ Việt-nam thật là đẹp đẽ. « Truyền kỳ tân phả » đã góp phần xứng đáng xây dựng hình ảnh người phụ nữ Việt-nam đẹp đẽ ấy.

Tinh yêu trong Truyền kỳ tân phả như trên đã phân tích vượt rất xa các tác phẩm thời trước và đứng về mặt chủ đề tư tưởng mà nói, còn hơn cả « Hoa tiên » nữa. Rõ ràng không phải là chuyện ngẫu nhiên. Nó có ý nghĩa xã hội sâu xa. Phải trải qua sự đấu tranh mạnh mẽ của phong trào quần chúng, và trên cơ sở một nền kinh tế hàng hóa, phát triển đến một chừng mực nào đó; cả hai đã tấn công mãnh liệt vào thành trì phong kiến kiên cố mới mở ra một trào lưu tinh cảm lạnh mạnh, tự do và hấp dẫn như thế.

Ngoài ra Truyền kỳ tân phả còn ghi khá đậm sự suy sụp về mặt tinh thần, tư tưởng của từng lớp nho sĩ. Lui tới cửa Khổng sân Trình nhưng Tú-Uyên đã bỏ rơi « tam cương » để đi theo mối tình say đắm ngoài lễ giáo. Tình yêu là nguồn sống chính của chàng.

Đào sinh vì không được cùng vợ lên tiên đã vứt bỏ cả công danh, sự nghiệp, sống thất thểu để chờ ngày chết.

Cho cả đến những hạng lương đồng của triều đình như Phùng Khắc-Khoan, Ngô sinh, Lý sinh cũng không lấy gì làm nhiệt tình với quốc gia đại sự. Họ tỏ ra chán ngán với công danh:

« Danh lợi bon chen một cuộc đời

« Tây hồ phóng bộ thảnh thơi chơi

« Bồng lai », « phương tượng » đều hư huyền
« Tiên tục chẳng qua chỉ ở người. »

Họ muốn rút lui ở ẩn để vui thú với gió trăng:

« Phú quý sao bằng thú gió trăng

« Thanh cao không nhuộm bụi trần ai

Bên cạnh đó một hạng quan lại khác lại thi nhau đục khoét, tàn hại nhân dân, gây vô vàn khổ ải cho những người lương thiện. Hình tượng tên Giao thần ở cửa bể Kỳ-hoa khá tiêu biểu cho hạng này. Trong bản điều trần của nàng Bích-Châu ta có thể hình dung được chế độ phong kiến đang suy vong. Bốn trong 10 điều đòi hỏi « trừ hà bạo », « bỏ phiền nhiễu », « nên quyền thần », « thải bớt kẻ những lăm » đã tố cáo tình trạng thối nát của chế độ phong kiến.

Đoàn-thị-Điểm xuất thân từ giai cấp phong kiến, tuy ít nhiều bà đã chan hòa cuộc sống của mình với cuộc sống của thời đại nhưng vòng vây của tư tưởng phong kiến còn khá chặt chẽ. Tác phẩm Truyền kỳ tân phả còn mang ít nhiều yếu tố tiêu cực ấy. Phê phán đúng mức để rồi sa thải phần lạc hậu, chúng ta sẽ tìm được ở đây giá trị trữ tình hết sức sâu sắc của tác phẩm. Với bản dịch Chính phụ ngâm khúc và tác phẩm Truyền kỳ tân phả, Đoàn-thị-Điểm xứng đáng là nhà thơ, nhà văn của phụ nữ và của tình yêu.

Hà nội, 31-3-62

HOÀNG-HỮU-YÊN

Đền thiêng ở cửa bể

Cung phi triều nhà Trần có Nguyễn-cơ là con gái nhà quan, tiểu tự là Bích-Châu, tính cách đứng đắn, tư

dung tươi đẹp, thông hiểu âm luật Lê-viên (1) theo dõi
văn từ nghệ phổ (2). Vua Duệ-tôn nghe tiếng, cho kén
vào hậu cung.

Có một hôm, gặp tiết trung thu, hội yến các phi
tần, Vua tựa câu lon, nhìn trông bốn mặt, thấy một
lòai lâu đài nơi nào cũng múa hát, bóng người và bóng
dèn lấp loáng, xen lẫn với bóng trăng soi. Nhân lúc
tửu hứng nẩy ra thi hứng, ngẫu nhiên thành một vế
đối-liên rằng :

Thu thiên họa các quả ngân đăng, nguyệt trung
đan quế

Dịch nghĩa : Trời thu gác tia treo đèn bạc, quế đỏ
trong trăng (tả cảnh đẹp).

Vua ngâm nga một lát, đoái trông Nguyên-cơ mà
rằng : « Nàng có thể họa lại câu ấy chăng ? » Nàng liền
dời gòt ngọc mỉm miệng cười, ung dung ứng khẩu
đối rằng :

Xuân sắc trang đài khai bảo kính, thủy đề phù dung

Dịch nghĩa : Sắc xuân đài trang mở gương báu, phù
dung đầy nước (tả người đẹp).

Vua khen ngợi hồi lâu, ban cho một đôi « ngọc long
kim nhĩ » (3) và đặt tên hiệu cho nàng là Phù-dung.

Từ đó nàng được vua yêu quý hơn cả mọi cung phi.

Khi ấy, nàng cảm thấy chính sự trong nước, tiếp
sau đời Hôn đức (4) ngày càng suy kém liền thảo « Kê
minh thập sách » (5) dâng lên, đại lược rằng :

(1) Lê-viên : Đường Minh Hoàng thông hiểu âm luật, chọn các
tử đệ phụng nhạc và cung nhân dạy khúc ca nhạc ở Lê-viên.

(2) Nghệ phổ : Vườn văn nghệ

(3) Ngọc long kim nhĩ : Hoa tai vàng nạm ngọc hình rồng leo.

(4) Chỉ Đường-nhật-Lê tiến ngôi, làm điển bốn bạo

(5) Kê minh : gà gáy. Thơ kê minh trong Tề phong kinh Thi,
người vợ hiền khuyên chồng thức dậy sáng sớm lúc gà gáy để đi
chăn. Thập sách là 10 điều kê sách.

« Trộm nghĩ, dời củi khỏi bếp gianh (1) giữ cháy trước khi chữa cháy. Dùng dậu rang cửa tổ (2) phòng mưa trước lúc chưa mưa, vì nhân tình dễ chìm đắm vào sự yên vui, mà thế vận khó lòng giữ được luôn bình trị. Cho nên tiến lời răn hoang đãi, Cao-Đao (3) trước hết ngợi khen, ở vào đời thái bình, Giả-Nghị (4) đã tâu lời than thở. Chỉ vì yêu vua mà ngăn trước, không phải trái chứng để khoe tài. Kể thiếp hèn này tên là Bích-Châu lúc nhỏ sinh ở nơi nghèo hèn, khi lớn được vào cung cấm, chưa chan thương tứ, đắm thắm thương yêu, thêu xiêm áo vua Ngu, dám dẫu sánh với người nam tử, trút trăm gải Khương-hậu (5) tiến lời can đứng trước đình thần. Bày tỏ mười điều, bản khoản tắc dạ: Một là *năng giữ cội gốc của nước*, trừ hà bạo thì lòng người yên vui. Hai là *giữ nếp cũ*, bỏ phiền nhiễu thì kỷ cương không rối. Ba là *nén kẻ quyền thần*, để ngăn ngừa chính sự một nát. Bốn là *thái bớt kẻ những lạm* để trừ tệ khoét đục của dân. Năm là *xin cổ động nho phong* khiến cho lửa bỏ đuốc cùng với ánh mặt trời cùng soi sáng. Sáu là *mở đường cho người nói thẳng* để cho cửa thành cùng với đường can gián đều mở toang. Bảy là *cách kén quân* nên chú trọng dũng lực hơn là cao lớn. Tám là *chọn tướng* nên cần người thao lược mà không căn cứ vào thế gia. Chín là *khí giới quý* hồ bền sắc không chuộng

(1) Bởi chữ «khúc đột tỹ tân», nghĩa là làm cái bếp cho cao lên và dời củi ra nơi khác để phòng cháy nhà (Hán thư Hoắc-quang truyện).

(2) Kinh Thi, thơ Chi-hiến có câu: «Trước khi trời chưa mưa, lấy gốc cây dậu rang rịt cửa tổ» (lời con chim nói).

(3) Cao-Đao: Bày tấu vua Thuấn.

(4) Giả-Nghị: Bày tấu Hán Văn đế.

(5) Khương-hậu: Vợ Chu Tuyên-vương là bà vợ hiền đức. Tuyên vương thường ngủ dậy muộn. Khương-hậu trút bỏ trăm cái dậu, hoa đeo tai, tỏ lòng khuyên can, Tuyên vương cảm ngộ, từ đó chăm cần chính sự.

hình thức. Mười là *trận pháp* cốt cho chỉnh tề cần chỉ
điều mùa. Mười điều kể trên, rất là thiết thực, phơi
bày tấm lòng trung, mong được bề trên xét. Hay tất
lắm, đồ tất bỏ, vua nghĩ đến chẳng? Nước được trị,
dân được yên, thiếp mong lắm vậy!»

Tờ sớ ấy, dâng lên vua, vua thích quá đập vào cái
phách mà rằng : « Không ngờ một nữ tử lại thông tuệ
đến thế! thật là một Từ-phi (1) ở trong cung của trăm
vậy. » Nhưng vẫn do dự chưa dám thi hành. Long-khánh
năm thứ tư, trấn tướng Đỗ-tử-Bình tâu rằng bờ cõi
phía nam có giặc muốn xâm lấn. Vua hăm mộ võ công
của Tần hoàng, Hán-võ bèn với đình thần bảo rằng :
« nước nhỏ mọn kia dám gây thù với nước lớn, hôn
mê, ngông cuồng thật là vô lễ. Nước Việt ta nước rộng,
binh mạnh, há lại không san phẳng được đất Đồ-bàn
(2) quét sạch hang lỗ của Bồng-ngà (3) để rửa cái hổ
dối Thiệu-Khánh (4) hay sao? ». Quần thần biết ý vua
sẽ đem quân đánh Phù-nam (5). Mọi người đều xin đánh
qua loa thôi. Duy có Ngự-sử trung tán Lê-Tịch đứng
lên can rằng : « Hiện nay mới dẹp yên nội nạn, vì như
cái nhọt bọc chưa khỏi hẳn, vua không nên lấy giận
riêng mà khởi binh, tướng không nên cầu công mà
dánh bậy. Kẻ địch kia chỉ là một hang giặc nhỏ như
hòn đạn, cần gì làm mệt nhọc đến nhà vua phải thân
chính! » Vua nghe lời can ấy có ý lạng ngật không vui.
Lúc ở triều lui vào trong cung vẫn còn giữ ý chủ chiến.
Nàng biết rõ vua không chịu nghe theo lời nói thẳng

(1) Từ-phi : Từ Huệ-phi, một hiền phi của Đường Thái-tông dâng
sớ can ngăn vua xa xỉ, khuyên lo việc võ công.

(2) Đồ-bàn : kinh đô nước Chiêm-thành

(3) Bồng-ngà : Vua Chiêm-thành

(4) Thiệu-Khánh : niên hiệu Trần Nghệ-tông. Đời ấy, Chiêm-thành
đem quân thẳng đến kinh đô cướp phá.

(5) Phù-nam : Chiêm-thành

và có ý khinh địch, bèn làm bài biểu văn nhờ bà phó mẫu dâng lên rằng: « Thiếp trộm nghĩ, rợ Hiêm-doãn (1) ngang tàng quá lắm, từ trước quen thân, rợ Hung-nô (2) kiệt hiệt gớm ghê, đến nay càng tệ. Vì cướp bóc là cái thói thường của man di mà dùng binh không phải bản tâm của vương giả. Nhỏ xiu kia Chiêm-thành, ở méch nơi hải đảo. Năm xưa kéo quân vào Nhị thủy (3) nhóm thấy nước ta bất hòa, khi ấy tiếng trống động ngoài biển, chỉ vì lòng dân chưa ổn. Cho nên dám tung đàn ruồi nhặng để mùa cỏ (4) có khác nào giờ cang bộ ngựa ngăn bánh xe (5). Nhưng thánh nhân rộng lượng bao hàm không thêm cùng với chó đẻ so sánh, và trị đạo trước gốc sau ngọn, xin nghỉ binh cho dân chúng yên hàn, trị cái rắn dùng cái mềm, phục người xa lấy đức. Ngu-bệ mùa can vũ, bảy tuần tức khắc Miêu đến châu (6) Hạ-cung gầy sắt cầm, chấn thàng tự nhiên Hồ quy phục (7). Đó thật là thượng sách, xét đoán cho minh.

Tờ biểu ấy dâng lên vua không trả lời, hạ lệnh duyệt binh, định nhật kỳ đến tháng chạp kéo quân đi đánh. Nàng thấy lời can không được nghe theo, so sức mình, lường sức giặc, tấm lòng lo nước nhớ vua phát hiện ra sắc mặt, than rằng: « Nghĩa là vua tôi, ơn là

(1) Hiêm Doãn: một thứ bộ tộc ở bắc Trung-hoa, tản cư các vùng Cam-túc, Thiểm-tây, Sơn-tây, đời Chu gọi là Hiêm Doãn.

(2) Hung-nô: đời Hán gọi là Hung-nô (Đời Tần gọi là Hồ)

(3) Nhị thủy: Nhị hà

(4) Loài ruồi nhặng bay mùa ở bãi cỏ

(5) Bộ ngựa giờ cang dịch lại bánh xe (Trang Tử) nói ví không đủ sức chống lại).

(6) Vua Thuần không dùng vũ lực, chỉ dùng văn đức, trong khi mùa nhạc 70 ngày, tự nhiên rợ Hưu-Miêu đến phục tội, Hưu-Miêu, hay là Tam Miêu ở về Từ-xuyên, Văn-nam, Tây-tạng, Quý-châu, Quảng tây (đời Thuần)

(7) Hạ-Vũ cũng dùng văn đức mà rợ Hưu-hồ quy phục. Hưu-hồ là tên một nước về thời cổ, ở vào tỉnh Thiểm-tây bây giờ.

vợ chồng, đã không hay can ngăn để giữ nền bình trị, lại không biết khéo lời để ngăn lòng hiếu chiến, thật là sống thừa trong cõi trời đất vậy. » Từ đó nàng không để lòng đến sự trang điểm, ăn ngủ không yên cố ý nài xin đi hộ giá. Vua chuẩn y lời tâu ấy. Đùng nhật kỷ, phát binh 20 vạn, bóng cờ xi rợp trời, thuyền bè đầy sông, ba quân thuận dòng sông mà tiến thẳng tới địa giới Kỳ-hoa (1). Phụ lão nghe tin quân nhà vua đến, tranh nhau dâng lụa dâng thức ăn, đứng sắp hàng ở bờ sông tâu rằng: « Thần miếu ở phía trước rất là hiền linh, tàu thuyền đi lại, đến đó lễ bái thì sẽ được thuận buồm xuôi gió, nếu không thì một cái chèo, một mảnh buồm đều bị đắm xuống đáy bể hết! » Vua ủy lạo các phụ lão rồi cho lui về. Vua liền hạ lệnh tạm đóng quân ở bên bãi Bạch-tân (2). Khi ấy là cuối mùa đông mưa tuyết mới tạnh, trăng lơ mờ sáng, tiếng gió tiêu điều, cá bơi lượn đớp bóng cây mai, chim về tổ đậu cành cỏ thụ. Nàng cuốn rèm gấm, tựa mạn thuyền ngồi một mình, rót rượu ngon, đốt hương thơm, bao nhiêu cảnh trời bể thiên nhiên đều thu vào trong tầm con mắt. Lúc gần nửa đêm, ngửa mặt lên trời xem thiên tượng, thấy một đạo hắc khí từ phương đông lại, lẫn vào ngôi sao thứ tư bắc-cực rất kíp. Nàng sợ hãi chỉ vào sao ấy mà rằng: « Ngôi sao kia là ứng vào phản phi tần chúng ta vậy, chẳng biết yêu khí nơi nào dám đến xâm phạm, có lẽ sao kia khinh ta không có thanh gươm Bao-công (3) hay sao? Nói xong, nàng liền đóng cửa sổ đi nằm, trăn trọc không yên giấc, chợt nghe chiến thuyền phía trước phía sau đã điểm trống canh tư rồi. Ngồi dậy bói một quẻ kinh dịch, trúng vào quẻ

(1) Kỳ-hoa : nay thuộc huyện Kỳ-anh (Hà-tĩnh).

(2) Bạch-tân : nay thuộc tỉnh Quảng-binh.

(3) Bao công : Bao Chửng, người đời Tống Nhân-tông, tính công bằng liêm chính, người ta tôn là Diêm la Bao lão.

« phục » (1) biến sang quẻ « di » (2) trong lòng tự đoán rằng : Trong quẻ « dụng đẳng » nhiều, « thể đẳng » ít, ngoài khi vượng, nội khí suy. Vả bảo từ nói « mê lại dữ, có tai va » đi hành quân thể nào cũng đại bại. Có lẽ chuyến đi này bị cái nhục Nhu-cát (3) chẳng ! » Ngày hôm sau, nàng có ý đến trước mặt vua tâu bày quẻ bói, mong được thay đổi chủ trương. Khốn vì quân cơ bận rộn, tiến hành cần kíp, không cách nào tìm được chút thì giờ nhà vua nhận hạ để dâng lời. Khi mặt trời đã chiều vào cửa sổ trong thuyền, quân tiến đến cửa bể, bỗng có một trận gió lốc cuồn cuộn thổi vào thuyền vua, lá cờ bị gió cuốn sang phương nam. Nàng nói : « Trận gió ấy lạ thay ! tiếng ào ào, sắc thâm đậm, chắc là một thứ gió gian tà ! » Vua hỏi « là nghĩa thể nào ? » Nàng nói : « Thiếp từ khi nhỏ đọc sách, đã biết phong giác (4). Vả lại, thủy cùng cực ở ngôi thìn, mộc cùng cực ở ngôi mùi tính thủy khôn, khôn cùng cực thì làm gian, tính mộc nhân, nhân cùng cực thì đi lệch. Hiện nay là giờ mùi, thể mà giờ ấy từ ngôi thìn đến, e có xảy ra việc dâm loạn hại người ! Xin nhà vua cấp tốc chỉnh bị lục quân (5) để đối phó ». Nàng nói chưa hết lời, quả nhiên gió bão nổi lên, sóng bể gào thét. Vua hạ lệnh bỏ neo để lánh gió mạnh. Cuối canh ba bỗng thấy một người nanh to râu xồm, diện mạo hung tợn, đầu đội mũ lưu tinh, mình mặc áo gấm vảy, bước

(1) Quẻ phục : chẵn dưới khôn trên

(2) Quẻ di : chẵn dưới cấn trên

(3) Nhu cát : cái nhục thua trận ở đất Nhu-cát. Chu Hoàn-Vương đánh nhau với Trịnh-Trang công ở Nhu-cát. Quân nhà Chu bị đại bại.

(4) Phong giác : xem gió bốn phương bốn góc để đoán việc lành, việc dữ, đó là phép Chiêm bậu đời cổ, lấy ngũ âm xem gió mà biết việc lành dữ.

(5) Lục quân : Chu Lễ 12.500 người là 1 quân ; thiên-tử có lục quân, nước lớn có tam quân, nước vừa có nhị quân, nước nhỏ có nhất quân.

rộng, cúi đầu, nghiêng mình, đi lặc lư bước thẳng đến trước mặt vua thi lễ. Vua hỏi: «Người là ai? đêm khuya tới đây tất có điều gì muốn hỏi?» Người ấy thưa: «Tôi là đồ đốc vùng Nam-hải, đi làm quan ở nơi giang hồ, hiện còn thiếu người nội trợ, nghe nói bệ hạ cung tần rất nhiều, nay ngẫu nhĩ gặp nhau, cho nên nổi cơn sóng mạnh để thay câu thơ Hoa dương (1). Vậy xin ban cho nàng Tử-vân, tôi sẽ kết cỏ (2) ngậm vành (3), mong có ngày báo đáp. Nếu chỉ để làm của riêng thì tôi không thể nào bỏ qua được vậy.» Vua gạt đầu. Bỗng chốc tỉnh thức dậy, kịp với phi tần, kể chuyện lại việc trong mộng, các cung phi tái mét sắc mặt nhìn nhau im lặng không ai nói gì cả. Trong lúc đó nàng chưa chan nước mắt, ghen ngào nói không ra lời, quỳ trước mặt vua tâu rằng: «Ngôi đền thiêng liêng kia phụ lão đã trình bày, cái nguy sóng gió kia, chúng nghiệm đã báo trước. Nếu không phải là oan khiến ngày trước cũng tất là nghiệp chương ngày nay. Thiếp đây không dám tham luyện phồn hoa, tiếc thân bỏ liễu, xin trả cho xong cái nợ trước mặt vậy.» Vua buồn rầu nói rằng: «Cát hung có mệnh, phúc họa do trời, thiêng như Kiềm-doanh (4) cũng không tự chủ được. Nay xem Duyệt Minh (5), là một tráng sĩ còn chém được con thường luồng cướp ngọc bích, Kinh-Chi (6)

(1) Hoa dương: thơ Đường-lệ ở Kinh Thi nói chuyện con gái vua Chu lấy vua chư hầu.

(2) Kết cỏ: Tả truyện Lão nhân kết cỏ làm vương chân giặc để báo ơn Ngụy Khôa đã cứu con gái mình.

(3) Ngậm vành: Truyện Tề hải, con chim sẽ ngậm vành trả ơn Đương Bảo đã cứu sống nó.

(4) Kiềm-Doanh: tên một vị thiên thần.

(5) Duyệt-Minh: Đam-dải Duyệt-Minh mang ngọc bích qua sông, tự nhiên sóng nổi sóng, có 2 con thường luồng bám vào thuyền. Duyệt Minh lấy gươm chém chết hai thường luồng ấy, sóng liền im lặng.

(6) Kinh-Chi: Hứa quân giết loài thằn (tức là loài trai lớn ở ngoài bể hay hiệp dâm người).

là một văn nhân, còn giết được loài trai bẻ hiếp dâm người. Huống chi trăm là ông vua có lẽ nào không tự chủ được lại tin lời cổ hoặc để cho phu nhân nữ nào mắc lụy?» Nàng lại khẩn khoản xin rằng : « Thiếp tuy là phận gái, và cũng theo đời bứt nghiền, có tin mê những việc mà quỷ dâm. Nhưng khốn việc đã đến nơi, thế không dừng được. Vì bằng nấn ná, e rằng xảy ra tai biến to, có khi hải thuyền bị tan vỡ vầy. Vả lại trong khi hành quân, tướng sĩ là trọng, ân ái là nhẹ, đời xưa có người giết vợ vứt con cũng là do vạn bất đắc dĩ ». Vua nghe lời nàng nói lòng thêm buồn bã, không nỡ rời nàng. Chính lúc ấy, tiếng gió cuốn đất, sóng vỗ ngút trời, đã mấy phen thuyền rồng chực lật úp. Nàng khóc than rằng : « Có duyên may được hân chẵn gối, dăm tiếc chết để nghĩa phu phàng, không phải Cai trưởng (1) ngấm oan, cũng khác Ngôi-dinh (2) nuốt giận chỉ hiềm rằng « ra quân chưa thắng thân xuôi trước, luống để anh hùng nước mắt tuôn » (3) điều đó là di hận của thiếp vầy. Sau khi thiếp chết, xin bề hạ sửa văn, nghi võ, sên dùng người hiền làm điều nhân nghĩa như đế vương, dựng chước lâu dài cho nhà nước, được như thế thì u hồn thiếp có thể ngấm cười nơi chín suối vầy ». Nói xong, liền nhảy xuống bể. Trong tiếng gió gào, sóng cuốn, còn nghe văng vẳng tiếng nói : « kính tạ quân vương, từ nay vĩnh biệt, không thể nào hầu bên tả hữu nữa ». Vua và các phi tần kinh hoàng luống cuống, ai cũng thương khóc. Bỗng chốc mưa tanh gió lặng, bể hết nổi sóng. Vua sai thủy quân mò tìm, đã

(1) Cai-trưởng : Hán sử, Hạng Vũ bị thua ở Cai-hạ, nàng Ngu-co tự sát ở trong trướng (Ngu-co là vợ của Hạng Vũ)

(2) Ngôi-dinh : Đường sử, khi Minh-hoàng bị An-lộc-sơn cướp nước, chạy ra Ba thực, bắt Dương Quý-phi thất cổ chết ở núi Mã-ngôi.

(3) Thơ Đỗ Phủ vịnh Khổng Minh : xuất sư vị tiếp thân tiên tử, trướng sử anh hùng lệ mãn khâm »

không thấy tung tích nàng đâu cả, liền làm lễ tế có
đọc đạo văn chiêu hồn như sau :

Than ôi hồn chữ ! yếu điệu phong ty
Chính lòng vua chữ ! nước Sở Phàn-ky (cơ) (1)
Giữ đạo vợ chữ ! bến Ngưu Tương-phi (2)
Nhớ vua không quên chữ ! vĩnh biệt hương vi (3)
Vi vua thác oan chữ ! hồn tan thủy mi (4)
Bề khơi mong mệnh chữ ! kiếp khác bao thì ?
Mặt ngọc xa cách chữ ! tái hợp khó kỳ.
Nhớ lại đức tốt chữ ! lòng ta y ly.
Xem lại giấy mực chữ ! giọt lệ làm ly.
Số mệnh đã định chữ ! trời kia không vi.
Vi dâu nên nổi chữ ! lỗi trăm khó tỳ (từ)
Than ôi thương thay ! hồn bỏ trăm đi
Nếu ở trên trời chữ ! như chim tị dực phi (5)
Nếu ở dưới đất chữ ! như cây liên lý chi (6)
Hồn hieu quanh chữ ! không chốn y qui.
Hồn có thiêng chữ ! cùng trăm truy tùy.
Hồn phẳng phất chữ ! giữ nơi biên thủy.
Thương thay hồn chữ ! hương chén quỳnh chi (7)
Tế xong, văn vũ tam quân đều khóc sụt sùi.
Vua lập tức hạ lệnh tiến quân, tiến sâu vào cửa Động

(1) Phàn-Cơ : phu nhân Sở Trang vương. Trang vương ham săn bắn, năng không ăn thịt cầm thú để can. Trang vương hối lỗi, từ đó chăm lo chính sự (Xuân thu tả truyện)

(2) Tương-phi : Vua Nghiêu gả hai con gái cho Thuấn ở Ngưu-Nhuế, sau hai bà ấy mất hóa làm thần sông Tương, nên gọi là Tương-phi. Khi còn sống giữ tròn đạo làm vợ.

(3) Hương vi : nơi màn trướng thơm phức tức là chỗ các cung phi ở.

(4) Thủy mi : bến sông

(5) Tị dực phi : chim liên cánh bay. ý nói vợ chồng không lúc nào rời nhau được

(6) Liên lý chi : cây liên cành

(7) Quỳnh chi : chén ngọc

Ỗ-mang (1) trúng phải quỷ kế của Bà-ma (2) toàn quân nhà vua bị hãm ở trong động ấy.

Vận suy đã hết, bĩ cực thái lai, lòng trời quyền cố triều Lê, mở mang một vận hội mới, truyền đến vua Thánh-tông trị vì, niên hiệu Hồng-đức, ngoài biên thủy lại có giặc giã nổi lên. Vua nghe tin, bảo tả hữu rằng: « Cát bá giết kẻ đưa lương, Bạc ấp (3) đem quân đi đánh, người Mật không biết vâng mệnh, Kỳ-Chu (4) hỏi tội không tha. Ngày nay hôn chúa Chiêm thành, kiêu căng khinh mạn, đạo ngược luân thường tàn hại sinh dân, nếu không đề binh trị tội thì làm sao cứu được nhân dân địa phương ấy ». Liền hạ chiếu phát binh, vua thân hành thống suất thủy binh tiến phát. Khi ấy gặp mùa xuân, khi trời ấm áp, buồm gấm gió đưa, thuyền rồng êm sóng, hai bờ sông chim oanh học nói, ngang mặt nước cò diệc lặn bơi. Vua liếc mắt xa trông, khái nhiên có chí nuốt chửng vũ trụ, bao quát càn khôn, liền ngâm một bài thơ rằng :

Phiên âm

Hồ lữ thân đề xuất Nhị-hà
Mãn thiên xuân sắc hộ chinh kha
Chu kỳ phát tận trường không ế
Phấn trạo huy trường vạn khoảng ba
Lâm ấp trị lý đa ngã hệ
Đồ bản ngư tức cảm thủy hà

(1) Động Ỗ-mang : tên đất một động thuộc địa phận Chiêm thành

(2) Bà-ma : Đây tôi vua Chiêm thành tức là Chế bồng Nga.

(3) Vua Thánh Thang nhà Thương mang quân từ Ấp Bạc đánh Cát-bá vì Cát-bá giết kẻ đưa lương vô tội.

(4) Vua Văn-Vương nhà Chu dấy quân ở đất Kỳ (thuộc nhà Chu) đánh người nước Mật chống lệnh nhà Chu.

Loan cung cao quải phù tang (1) ngoại
Trực bả hà tu (2) tác nhất gia

Dịch nghĩa

Thống xuất ba quân mạnh như hùm từ sông Nhị-hà
tiến phát,
Xuân sắc tỏa đầy trời như ủng hộ đạo chiến thuyền
Cờ đỏ bay phất phới quét sạch khí đen tối
Mãi chèo sơn phấn trắng lướt sóng nhẹ nhẹ đưa đi,
Ở Lâm-ấp, chim trĩ đang sa lưới chờ mong ta đến
cứu
Đất Đồ-bàn nhỏ (bọn vua tôi) đang thoi thóp thở
không dám ho he
Cung báu của ta treo lên tít tận trời cao
Ta sẽ thu cả chân trời góc bể (tức cả thiên hạ) lại
làm một nhà

Dịch thơ

Thống nhất ba quân tới Nhị-hà
Gió xuân đưa đầy tiến thuyền ra
Cờ hồng quét sạch mây đen tối
Chèo phấn đề êm sóng trắng lòa
Lâm ấp trĩ sa-mong đợi cứu
Đồ bàn cá ngáp (3) cúi xin hòa
Phù tang cao ngất treo cung báu
Thiên hạ thu về cả một nhà

Chưa đầy một tháng, thủy quân đã kéo đến cửa bể Kỳ-hoa. Bỗng nhiên mưa gió mù mịt, sóng bể nổi lên. Vua hạ lệnh các chiến thuyền theo thứ tự đóng lại. Trông sang bên kia bờ, cây cỏ thụ rợp đất, khi u

(1) Phù tang : cây dâu thần cao 3.000 trượng ở trên núi Thang cốc.

(2) Hà tu : nơi góc bể xa xôi.

(3) Cá ngáp : cá thoi thóp thở, ý nói quân giặc hoảng sợ.

nất ngang trời, bèn cho rời thuyền gần đến xem, thì ra đó là một tòa cổ miếu. Hương khói nghi ngút, hương thơm ngào ngạt, cáo chuột ra vào trong bụi rậm, chim sẻ riu rít nơi lau lách, hành khách treo giấy tiền trên cành cây, người làng đậu thuyền con bên cạnh đền. Vua hỏi người sở tại, biết rõ đầu đuôi, liền chỉ vào miếu truyền thị rằng: «Đã lần nay nghe biết nhà người luôn luôn làm nhiều điều ngang ngược. Nay quân của trẫm đi qua đây, còn dám làm điên cuồng như thế! Dầu rằng âm dương cách biệt nhưng phép nước ở trong tay ta, nhà người há lại không biết việc mộc yêu (1), cổ quái (2) chẳng? Nay phải đổi lỗi tự tân, nếu không chịu chữa thì một phiến gạch vụn một mảnh tro tàn đều phá tan làm đất bằng vậy». Nói xong tiếng sóng gió càng mạnh, khi ấy mặt trời đã lặn, bóng trăng lên cao, đêm khuya thỉnh thoảng nghe tiếng người thuyền chài hát văng vẳng ở trong tiểu cảng. Vua bần khoản không ngủ, ngồi xem sách gần lúc gà gáy tựa án rồng nhấp mắt thiu thiu bỗng thấy một người con gái nhan sắc rất đẹp từ dưới nước hiện lên vừa lay vừa khóc mà rằng: «Thiếp là cung nhân đời Trần Duệ-tông, không bị chìm đắm ở bến Đỗ-phụ (3) và cũng không bị nước cuốn ở dải Tiệm-dải (4), chỉ là hồng nhan bạc

(1) Mộc yêu : cây không có gió mà tự nhiên kêu lên, gọi là mộc yêu (Tuân tử).

(2) Cổ quái : cái trống không có người đánh mà tự nhiên kêu. Hán thư : tại không thông suốt mà bị che lấp thời yêu quái sinh ra, nghe như trống tự có tiếng.

(3) Bến Đỗ phụ : bến người vợ ghen ở Lâm-thanh. Tương truyền rằng vợ Lưu-bá-Ngọc có tính hay ghen. Sau khi chết hiển linh làm thủy thần vẫn chưa hết ghen. Khi dân bà con gái qua bến ấy phải bỏ trang sức đi, nếu không sẽ bị sóng gió cuốn đi.

(4) Tiệm dải : cái dải ở trên mặt sông. Ngày xưa Sở Chiêu-vương cùng vợ là bà Trịnh-Khương lên chơi ở Tiệm-dải. Vua lưu bà ở lại đó. Khi nước sông dâng lên, vua cho sứ giả đến mời bà dời chỗ nhưng sứ giả quên không mang phù tin nên bà không chịu đi. Nước sông lên mạnh ngấm vào và cuốn dải đứt. Bà chịu chìm xuống đáy nước.

mệnh, chiếc bóng một mình phiêu lưu vào trong tay
yêu quái. Từ khi về nơi thủy quốc (1) ở lẫn với loài
hỏi tanh. Xấu hổ làm vợ họ Trương (2) bị lụy làm tù
nước Sở (3) ngậm sầu như bể, qua ngày bằng năm,
giận thân không thể hóa ra hồn tinh vệ (4) chỉ đau lòng
mà thốt ra phú ly-tao (5). May sao ngày nay gặp Thánh
hoàng, dám xin cả gan tâu bày, mong được ra tay tế
độ, vớt kẻ trầm luân, để cho tiện thiếp lại được trông
thấy ánh sáng mặt trời, đó là ơn lớn của bệ hạ tái tạo
vậy. » Vua nghe nói có ý xót thương mà rằng: « Trăm
xét tình oan của nàng cũng như Liễu-thị (6) có nghĩa
hơn Tào nga (7) ngàn đời về sau cũng lấy làm đau
lòng cần rằng! Chỉ hiềm âm dương cách biệt, thủy lục
đôi đường, dầu có cây gươm mũi giáo cũng chưa rõ
làm cách gì để cứu vớt? » Nàng thưa rằng: « Việc này
rất dễ. Bệ hạ nhân từ tin nghĩa khắp cả đến mọi loài
vật, tên Đò-đốc Nam-minh kia, tội ác đầy đây, sóng
bề không rửa hết tội. Ngoài bề Nam-minh có Quảng-
lợi Vương là một vị thống trị nó. Xin bệ hạ gửi cho
Quảng-lợi Vương một lá thư, trách y thiếu sự ngăn
phòng kẻ dưới, tự khắc y phải trị tội tên hung thần
kia vậy. » Nàng liền dâng ngọc minh châu mà rằng:
« Ngọc châu này gọi tên là triệt hải, soi thấy cả nơi

(1) Thủy quốc: dưới đáy bể.

(2) Vợ họ Trương: chưa rõ

(3) Sở từ: Nhung-Nghị quê nước Sở bị nước Tấn cầm tù (Tả truyện).

(4) Tinh vệ: chim tinh vệ ngậm đá lấp bể. Con gái vua Viêm-đế chết đuối ở bể, giận bể hóa làm chim tinh vệ thả đá lấp bể.

(5) Phú ly tao: khi Khuất-Nguyên gieo mình xuống sông Mịch-la có làm phú ly tao.

(6) Liễu thị: nàng Liễu-ân là vợ thứ thiếp Tiên-khiêm-ích, khi Khiêm-ích chết nàng chết theo.

(7) Tào Nga: thiếu nữ đời Đông Hán, cha chết đuối, nàng cũng đâm đầu xuống sông chết theo.

âm u, kinh dâng lên để thay thông thiên tế ở Ngưu
chử (1). Nói xong người biến mất, vua duỗi tay ra nhặt
lấy ngọc châu, chợt tỉnh giấc thì tiếng chuông đã báo
sáng rồi, liền sai thị thần Nguyễn-trọng-Ý viết một
phong thư bắn ra ngoài bể, treo ngọc minh châu chiếu
ra, quả nhiên thấy lầu son gác tía, thành đồng ao
nóng, con châu ngư long cưới ngựa đi kiện, qua lại
dưới thành, không lúc nào ngớt bóng người. Khi ấy có
« Kinh Hiệu úy » (cả kinh) đi tuần tiễu về đến đây,
nhặt được bức thư nhà vua, niềm phong cẩn thận, vội
vàng đem về tâu. Chính lúc ấy Quảng-lợi Vương ngồi
ở điện Linh-đức, sai các thần Long thượng thư
(thượng thư rồng) mở thư ra đọc, thư rằng:

« Thường nghe : ban phúc người thiện, ra tai kẻ
dâm, đạo trời nhanh như liêng trống; ban thưởng
người tốt, phạt tội kẻ xấu, vương chính vững như đá
vàng, trên dưới như nhau, xưa nay một lẽ. Nay trăm
nổi ngôi chính truyền của tiên tổ đem quân đánh Chiêm-
thành, là do tội của chúng ; trời, đất, thần, nhân đều
không tha thứ. Châu sư trăm vạn liên phát, ba nghìn
thủy lộ mở đường, hoàng-việt (2) vây thì cá tôm lặn
chìm, loài vật cũng biết ước thúc ; bạch mao (3) trở thì
gió mây biến sắc, ai là không sợ giản thư (4). Ấy thế
mà bày tội điều hậu độc dữ của ông, còn dám chống
lại quân chim cắt (5) oai hùng của trăm làm yêu làm
quái đã hiếp oan cung nữ vua Trần ; tham sắc tham tài

(1) Ngưu chử : ở về tỉnh An-huy đời Tấn, Ôn-kiệu đốt thông thiên
tế chiếu thấy loại yêu quái ở dưới nước.

(2) Hoàng việt : cái búa nạm vàng.

(3) Bạch mao : cờ mao trắng. Hai thứ này Chu Vũ-vương dùng
chỉ huy quân sĩ khi đánh Thương Trụ.

(4) Giản thư : công lệnh.

(5) Quân chim cắt : ưng dương. Quân mạnh như chim cắt gió
cánh ra đánh các loài chim khác.

lại nhiều hại tính mệnh dân chúng. Kê kia thật hung
băng quá lắm! ông sao cứ lặng ngắt ngồi yên! Nên
sáng suốt soi gian, đừng để tiểu nhân lẫn với quân tử,
nên quyết đoán làm việc, nghiêm dùng quốc pháp giết
hơn gian tà. Xin gửi phong thư mong chờ phục bút.»

Quảng-lợi vương nghe đọc xong thư ấy, mặt rồng
nổi giận nói: « Người nào cai quản địa phương ấy? »
Ngao ngư sử (cá ngao) ở trong triều ban nhảy ra tâu
rằng: « Đó là hải khẩu Giao Đô đốc vậy. Y là cảnh
vàng lá ngọc chịu trách nhiệm trông coi một phương
trời. Chuyên quyền phóng túng tham sắc đẹp, ăn hối lộ».
Quảng-lợi vương đập gươm xuống bàn nói: « Quả nhân
ít đức, dùng người không xứng đáng, lũ các người a
dua, để cho y làm rối loạn kỷ cương, mang tiếng với
trần gian, tội ác của y không khác gì tứ hung (1) và
ngũ cầu (2) thực đáng sợ vậy! Nay phải phanh thây y
ra để làm răn cho hạng người tham bạo. » Khi ấy có
Côn thừa tướng (cá Côn) đứng lên tâu rằng: « Đức
xấu của Giao Đô đốc tung khắp cả trên trần gian và
dưới âm ty, nếu ta chỉ dùng hình pháp trị y, chưa đủ
làm cho mọi người hả bụng. Nay không gì hơn viết
thư trả lời, rồi sai tướng đi bắt để làm tội một cách
công khai, cho tỏ rõ hiển cương của chúng ta rất
nghiêm ngặt vậy. » Quảng-lợi vương cho là phải. Liền
hạ lệnh cho Ngạc tổng binh (cá sấu), Miết tông sự (ba
ba) đem theo vài nghìn người lính mặc áo giáp, đội mũ
trụ di tróc nã. Lại sai Lý Hàn-lâm (cá chép) khởi thảo,
Long các thần (rồng) sửa chữa lại, Quy Đốc bưu (rùa)

(1) Tứ hung: bốn kẻ hung ác là: Chung-công (Cùng-ký), Hoan
dậu (Hồn dộn), Tam-miêu (Thao thiết) Côn (báo Ngột), bốn kẻ hung
ác này đều bị vua Thuấn trị tội.

(2) Ngũ cầu: năm con chó. — Đường thư, Vũ-tam-Tư truyện: « Chu-
lợi-Trình, Nhiễm-lỗ-Ung, Tống-chí-Chiến, Lý-Tuấn, Diêu-Thiệu, 5 kẻ
tiểu nhân ấy hòa đồng với tên Vũ-tam-Tư. Đời ấy gọi là 5 con chó
của Tam-Tư (Đài Vũ-tắc-Thiên).

sung chức giang sử (người sử đi tuần vùng sông bể), mang thư ra đầu bãi bể. Vua sai học sĩ Lương-Thế-Vinh nhặt lấy xem, đó là một lá thư viết vào lụa, mở ra đọc, trong bức thư ấy viết rằng:

« Thường nghe khi mùa xuân ấm áp, hang tối chưa kịp thấm nhuần; sáng mặt trời soi chung, chàm úp không thể thấu đến. Vì trời đất còn có chỗ thiếu sót, mà tạo hóa cũng phần nhiều không đều. Tôi đây, hồ là tài hèn, lam giữ đức tốt, hết lòng tìm cầu người hiền tài, mong sự phò giúp của người giỏi. Vốn đã biết vương đạo phải công bằng nhất mực, nhưng khôn nổi gian tà còn che lấp thông minh. Cho nên phiên trấn xa xôi còn có cường thần làm bậy.

... Dầu là hai nơi âm dương có cách biệt, nhưng ba thước guơm sáng chẳng dung tà. Kính cần trả lời, dám mong xét đến. »

Vua xem xong thư ấy, cho quần thần cùng xem, mọi người đều đề mắt trông ra ngoài bể, thấy Ngạc-tổng-binh đi trước, theo sau có các loài cá lớn, các loài rùa, ba ba v.v... như sấm như sét tiến thẳng vào hang hải phận Giao-thần (thần thường luồng). Miết tông-sư đồng dạc tuyên chỉ rằng:

« Tên giao thần kia nhỏ mọn tài hèn, giữ trọng trách ở nơi phen giậu (biên thùy). Không giữ lòng chính trực, lại quen thói tà dâm. Giấn thân vào nguồn lợi tham ô, chìm đắm vào ba đào sắc dục. Thật là đáng đem cu chém giết, dùng chính trăm hình, nhưng nghĩ đến đánh dẹp có công, rộng lòng bát nghị (1) Đày lên lục địa cho được đạo sinh. Khâm thử (2) ».

(1) Bát nghị: Chu lễ có bát tích ngũ gia là đặt ra 8 phép để châu chước giảm bớt cho các người có công khi phạm pháp, tức là 8 nghị: 1. nghị thân, 2. nghị cố, 3. nghị hiền, 4. nghị năng, 5. nghị công, 6. nghị quý, 7. nghị huân, 8. nghị tân.

(2) Khâm thử: kính cần về việc này. Các tờ cáo sắc của vua ban ra, cuối cùng tờ sắc có hai chữ « khâm thử » để tỏ ý phải tôn trọng.

Hương hồn hà xứ điều Tương quân ? (1)

Hu ta bách vạn hùng bi lữ (2)

Bất cập thư sinh nhất hịch văn (3)

Dịch nghĩa :

Nàng là một bà cung phi của vua Trần Duệ-tông
Khi lâm nguy nàng vì việc nước hy sinh thân mình
Một trận gió yêu quái nổi sóng đào hoa
Giấc mộng xuân suối ba canh mơ màng bến Đỗ-nhược.
Dòng nước vô tình chôn vùi người Sở phụ !
Hương hồn nơi nào truy điệu bà Tương quân
Than ôi trăm vạn quân hùng mạnh !
Không bằng một tờ hịch của kẻ thư sinh.

Dịch thơ :

Một vị hiền phi thừa vua Trần
Hy sinh vì nước quân chi thân
Đào hoa chìm nổi cơn dòng tổ
Đỗ-nhược mơ màng giấc mộng xuân
Dòng nước vô tình chôn Sở phụ
Hương hồn nào chỗ viếng Tương quân
Than ôi trăm vạn quân hùng mạnh
Lại kém thư sinh một hịch văn.

Đề xong, chinh đồn quân đội lên đường, quân đi đến đâu như là gió mùa thu bẻ gỗ mục, núi Thái-sơn dè quả trứng, bắt sống tù trưởng, hát khúc khải hoàn. Khi vua kéo quân về, gặp lúc mặt trời xế bóng chiều, lại đi qua nơi cũ, nhân tiện đóng quân ở dưới đền.

(1) Tương quân : bà Tương-phi vợ vua Thuấn, khi chết hóa làm thần ở sông Tương.

(2) và (3) Hai câu kết này ý nói vua Trần Duệ-tông đem mấy chục vạn quân đi đánh Chiêm-thành mà không cứu được một bà cung phi bị giặc thôn bắt xuống bể. Đến khi Lê Thánh-tông đi đánh Chiêm-thành qua bể ấy, chỉ sai thị thần Nguyễn-trọng-Ý làm một tờ hịch mà gao thần phải phục tội.

Đêm ấy trăng sáng sao thưa, nước và trời một sắc, vua hỏi tướng lại việc thần thường lường nỗi sông, bà Duệ phi (1) quyền sinh, ngậm ngùi than rằng : « Quốc gia hưng vượng tất có điềm lành, quốc gia suy đồi tất có điềm dữ. Điềm lành hay điềm dữ thật có liên quan đến đức của ông vua tốt hay xấu. » Nói xong, trong lòng bồi hồi không ngọt. Ngọn đèn tờ mờ, đồng hồ rõ giọt, chợt thấy một mỹ nhân vẽ mặt đoan trang mặc áo trắng đến trước vái chào mà rằng : « Nhờ ơn thánh hoàng tể độ u hồn, nay thiếp đã đăng tiên, tiêu dao ở mây trắng vậy. Thượng đế thương lòng trung thành của thiếp, sai giáng linh xuống trần hoàn, được trông coi họa phúc một phương. Thiếp đã mở xem tiên tích, bề hạ là Tiêu-diện tiên đồng ngày sau được gặp sẽ ngậm vành đáp tạ để trả ơn to như núi cao bể rộng của người. Duy có một điều thắc mắc về câu kết bài thơ vàng ngọc ngự đề ở trên tường, thiếp không được yên lòng về chỗ vua tôi chồng vợ. » Vua gật đầu nói : « Phu nhân trong lòng lúc nào cũng nhớ đến vua, thực là một người anh kiệt trong đám nữ lưu. Trẫm sẽ vì phu nhân đổi lại câu ấy. » Cầm bút định viết liền sức tinh dầy, hóa ra một giấc chiêm bao. Ngày hôm sau, vua cho bồi vôi câu cũ mà viết lại rằng :

Phiên âm

« Cương thường vạn cổ ưng vô quý
Tứ hạ « thư cưu » (2) hỷ thủy văn. »

Dịch nghĩa

Nghĩa vua tôi, tình vợ chồng đều được trọn vẹn, muôn thuở cương thường thật là không hổ thẹn. Ngồi

(1) Duệ phi : cung phi của vua Trần Duệ-tôn.

(2) Thư cưu : loài chim thư cưu có đôi lứa nhất định, không bao giờ lộn lộn. Trong kinh Thi thơ Quan thư đem ví sự sánh đôi của Chu-vân-Vương và bà Hậu-phi.

đền thiêng liêng ở bên sông, khói hương nghi ngút. Tưởng tượng như là đôi chim thư cưu lặn lội ở mặt nước một cách hòa vui.

Dịch thơ :

Muôn thuở cương thường không hồ thẹn,
Thư cưu vờn sóng dưới chân đền.

Sau khi ngự giá hồi kinh, vua hạ chiếu cho lập đền, cấp ruộng tế và cấp người thủ từ, sắc phong thần có hai chữ « chế thắng ».

Đến mãi đời nay, khói hương vẫn nghi ngút, rất có linh ứng.

NGÔ LẬP CHI dịch

TRUYỆN NGƯỜI LIỆT NỮ Ở AN-ẤP (1)

Hoàng triều về đời niên hiệu Vĩnh thịnh (2), có một vị Tiến sĩ trẻ tuổi, tên là Đinh-Hoàn, hiệu là Mặc-trai, người ở làng An-ấp tỉnh Nghệ-an (3) Cha mẹ mất sớm, ít anh em, khi gần đến tuổi thành nhân cưới vợ, nhưng cứ sinh luôn con gái mà chưa được gái nào. Ông lại lấy con gái nhà quan là họ Nguyễn làm vợ thứ. Bà vợ này nghi dung nhân nhã, ăn nói đoan trang, thêu thùa khâu vá rất lành nghề, lại có tài văn thơ nòi tiếng. Khi về nhà chồng, tự sửa mình nghiêm chỉnh, đối với chồng có lễ độ. Ông vừa yêu, vừa kính trọng. Gặp những khi ở triều lui về rảnh việc, thường cùng với bà xướng họa văn thơ, hâm mộ các vị trung thần liệt nữ. Các bài xướng họa đã chép ở tập *Quan thư hóa minh*, nay không lục ra đây. Nhớ lại có một hôm về mùa xuân, ông ngủ dậy muộn, bà làm một bài thơ « thoát trầm » (A) có ý khuyên can.

(1) Chúng tôi không dịch bài « Tổng bình »

(2) Vĩnh thịnh : niên hiệu Lê Dụ-tôn

(3) Nay thuộc huyện Hương-sơn, tỉnh Hà-tĩnh.

Phiên âm

Nhật xuất đoan phi nguyệt xuất quang (1)
Lương nhân (2) độc tự ý tiêm tàng.
Chu công (3) vị ngô quan tâm thiết,
Tương thủy (4) hà phương khứ lộ trường.
Yến dật (5) thăng vong kim chức nghiệp
Kê minh (6) nhần thính cồ thi chương
Ái thủy thiêm trich đồng long (7) thủy,
Miễn sử tam thần (8) hối quán lang (9).

Dịch nghĩa bài thơ trên

Mặt trời mọc rạng đông rồi, không phải ánh sáng
mặt trăng nữa.

(A) Thoát trâm : trút cái trâm gài đầu. Chu Tuyên Vương thường dậy muộn, bà Khương-hậu trút bỏ trâm gài đầu và hoa đeo tai, đứng ở Vĩnh hạo để can vua. Tuyên-Vương cảm ngộ, từ đó ra chầu thật sớm, làm nên nghiệp trung hưng.

(1) Nguyệt xuất quang : chữ kinh Thi nghĩa là ánh sáng của mặt trăng, nói trời còn chưa sáng.

(2) Lương nhân : chồng.

(3) Chu công là bậc thánh nhân, mà rất chăm chính sự, thường đêm dậy ngồi đợi trời sáng để đi chầu vua.

(4) Tương thủy : sông Tương, nơi hai bà Phi vua Tuấn tự đâm đầu xuống sông ấy, hóa làm thần sông Tương.

(5) Yến dật : nhàn hạ chơi bời.

(6) Kê minh : gà gáy. Thơ kê minh (kinh Thi) vợ khuyên chồng nên dậy sớm.

(7) Đồng long thủy : nước đồng hồ rỏ giọt, đời xưa làm đồng hồ bằng đồng, chạm hình con rồng, cho nước chảy từng giọt để xem thời khắc.

(8) Tam thần : ba buổi sớm. Theo chữ Hán « Tam thần » ở đây dùng có lẽ nói cùng như nghĩa chữ « tam triều » : mong một tháng giêng đầu năm, là đầu năm đầu tháng, đầu ngày. Tác giả có lẽ mượn điều này để tỏ ý săn sóc về buổi sáng sớm hàng ngày.

(9) Hối quán lang : ba chữ này nghĩa chưa được xác nhận. Nay tạm dịch nghĩa chữ « hối » là hối hận, chữ « quán lang » là trông nom săn sóc lang quán.

Thế mà lang quân vẫn còn nằm chềnh chệ ở giường
thất bảo.

Chồng đã không như Chu công ngồi đợi sáng để
lo toan việc nước.

Thiếp đành theo gót Tương-phi không quản đường
cùng đâm đầu trầm mình dưới sông.

Chàng nếu mãi yên vui, nhãng quên chức phận
hiện tại.

Thiếp còn lòng nào nghe đọc thơ « Kê minh » của
người vợ hiền đời cò.

Ấy ai rõ thêm giọt nước vào đồng hồ cho đêm
thêm dài.

Đề cho thiếp khỏi nỗi băn khoăn về lang quân mỗi
khi gặp buổi sáng sớm.



Ông xem thơ than rằng: « Lời thơ tao nhã, ngụ ý
sâu xa, đời xưa khen Khương-hậu (1) và Từ-phi (2)
cũng chưa là tốt bậc vậy. » Bèn với phu nhân đến,
nhận lỗi từ tạ. Từ đó, ông vất tóc nhả cơm (3), ăn
muộn dậy sớm, trong hàng quan liêu nổi tiếng là người
cần mẫn. Đến năm ất vị triều đình kén sứ thần đi
Trung-quốc kết mối bang giao, quần thần cử ông sung
vào chức ấy. Ông tạ ơn về nhà riêng, gọi phu nhân
bảo rằng: « Ta sinh vào thời Lê, nhận quan tước triều
Lê, ăn bổng lộc triều Lê, đông, tây, nam, bắc vua sai

(1) Khương-hậu : vợ Chu Tuyên-vương.

(2) Từ phi : vợ Đường Thái-tôn.

(3) Vứt tóc, nhả cơm : Chu công đang gọi đầu có hiền sĩ đến,
ba lần vứt tóc cho khô để ra tiếp, đang ăn cơm, có hiền sĩ đến, ba
lần nhả miếng cơm ra để đón khách.

đi đâu là đi đấy, nếu làm được hết phận sự không phụ lòng ủy thác của nhà vua thì ta cũng lấy làm thỏa mãn cái chí bình sinh của ta vậy. Duy nghĩ nàng liễu bỏ yếu ớt, vắng vẻ cô phòng, chán sương gối tuyết giữ lòng trinh, hoa xuân trắng thu gửi mối hân, nghĩ đến tâm tình ấy, càng thêm bồi hồi, đó là lòng ta quyến luyến vì nàng mà không sao bỏ qua được vậy.» Phu nhân nghe nói ngậm ngùi hồi lâu chứa chan nước mắt mà rằng: «Sứ mệnh cần lao, tang bồng khí khái, là phận sự của trượng phu. Thiếp này không những là không biết, vả cũng không dám can thiệp đến. Còn như bèo bọt chút thân, phấn hoa phận gái, như thiếp này thật không đáng kể. Duy có một điều đáng lo ngại là: lang quân thể chất vàng ngọc, dẫn thân vào nơi giá lạnh, lên núi lội nước, gọi gió tắm mưa, tiêu điều nơi đất khách, vất vả phong trần, khi ấy mỗi người ở một nơi, thiếp này dù có can trường như sắt đá cũng không tại nào không mềm rùn được. Nói xong, nước mắt tràn xuống như mưa. Ông nhiều lần vô về, nhưng phu nhân đo lòng lo buồn mà sinh bệnh. Ông rất lấy làm áy náy nhưng vì việc nước rất cần, nên đành phải tạm khuây khỏa. Đến kỳ đăng trình, trăm quan làm lễ tiễn hành, người nhà ông đi theo đến trạm Lữ lưu, tạm nghỉ lại. Phu nhân nâng chén rượu tặng một bài thơ rằng:

Phiên âm

Nhất tiên trường đình (1) vạn lý tâm.
Thanh xuân dị tịch cách phân âm.
Hoàng hoa (2) phú tự dương tiên khứ.

(1) Trường đình: nơi tiễn biệt. Mười dặm một trường đình, năm dặm một đoàn đình (Bách-thiếp).

(2) Hoàng hoa: thơ Hoàng hoa là thơ vua ủy lạo vị sứ thần (ở Tiêu nhĩ kinh Thi).

Chiết liễu (1) thi thành yểm lệ ngâm.
Bắc quốc quan quang (2) thù chi đại.
Nam thiên trắc lĩnh (3) ứng sâu thâm.
Như hà mịch đặc mê đan dược
Nhất tỉnh du nhiên thỉnh hảo âm.

Dịch nghĩa

Một chén tiên đưa nơi trường đình, tấm lòng rong
ruổi ngoài muôn dặm.
Tuổi thanh xuân chạy nhanh như bóng mặt trời
nhấp nhong.
Chàng vịnh phú « hoàng hoa » cầm roi ngựa lên đường.
Thiếp ngâm thơ « chiết liễu » gạt nước mắt tiễn biệt.
Chàng đi sứ, được du lịch Bắc quốc, thỏa mãn chí
bình sinh.
Thiếp ở nhà, trèo lên núi trời Nam ngậm ngùi buồn
hết sức.
Tìm đâu cho được liều thuốc tiên mê hồn.
Đề khi tỉnh dậy khoan khoái được nghe tin tức tốt.
Ông cảm thấy thơ của phu nhân đầy ý buồn rầu,
liền họa nguyên vận để an ủi. Thơ rằng:

Phiên âm

Tỳ ly (4) thế sự vật quan tâm.
Nguyệt hữu thanh quang diệc hữu âm.

(1) Chiết liễu: bẻ cánh liễu. — Người đời Hán tiễn khách đến Bà Kiêu (bên đông Trường an) bẻ cánh liễu tặng biệt.

(2) Quan quang: đi du lịch một nước ngoài để xem chính trị phong tục. — Kinh Dịch quẻ quan « quan quốc chi quang... » nghĩa là tập biết lễ nghi trong nước.

(3) Trắc lĩnh: lên núi. Bối thơ « quyền nhĩ » kinh Thi « trắc lĩnh thời ngời... » lên núi cao để ngắm chông.

(4) Tỳ ly: ly biệt. — Vương phong (kinh Thi: « hữu nữ tỳ ly ») nghĩa là có người con gái ly biệt.

Khiếp bệnh khiến tình tu cưỡng thực.
Hàm tình xúc cảnh mặc bị ngấm.
Mạn ngôn sĩ đức tao khang (1) bạc.
Trọng cảm quân ân thương hải thâm.
Thử khứ tổ thù thân sự liễu.
Tam thu (2) cầm sắt chỉnh đồng âm.

Dịch nghĩa

Sự ly biệt là việc thường thấy ở trên đời, xin nàng
đừng quan tâm lắm.

Nàng như là mặt trăng có ánh sáng có bóng mát.
Vì nhớ nhau sinh ra bệnh, phải cố gắng mà ăn uống.
Khi thấy cảnh sinh mỗi sầu, đừng có quá bi ai,
Tôi đây không bao giờ bạc bẽo với người vợ tấm cám.
Chỉ vì ơn vua như bể khơi, cần phải báo đền.
Chuyến đi này cố làm cho tròn phận sự một chút.
Trong ba thu chúng ta lại cầm sắt vui vầy.

Khi họa thơ xong, ông liền cởi áo la y (3) tặng phu
nhân làm kỷ niệm. Ngày hôm sau lên đường, cả nhà
ngậm ngùi bài biệt. Ông lên ngựa một cách khoan khoái,
không để ý đến sự ly biệt. Áo cừu nhẹ, ngựa tốt, bóng
hánh trần nhanh như mây, người tùy tùng đồng như
nước, người nhà đứng đợi ở hai bên đường để tiễn hành,
đều ước: « Chuyến đi này vẻ vang nhường nào! » Duy có
phu nhân như tỉnh như say, các thị nữ nâng lên kiệu,
về đến nhà còn chưa tỉnh, chị em phu nhân và thân
thuộc nhà chồng đều đến khuyên giải, phu nhân mới

(1) Tao khang: tấm cám. — Lời ngạn ngữ: « tao khang chỉ thể
bất khả hạ đường » nghĩa là người vợ đã cùng ăn tấm cám với mình
khi còn bần tiện thì không nên ly hôn.

(2) Tam thu: năm có 4 mùa, mỗi mùa ba tháng. Tam thu là tháng
cuối thu. — *Vương phong, kinh Thi*: « nhất nhật bất kiến, như
tam thu hề » một ngày chẳng thấy coi bằng ba tháng thu. Từ Hải trang
14 về sau người ta hiểu là 3 năm.

(3) La y: áo lụa lượt thưa, nhẹ và mềm.

miễn cưỡng ăn uống, tìm cách tiêu sầu. Nhưng mỗi khi gặp cảnh xuân quang, thời tiết thay đổi, mưa trời hoa lạnh, khói ngậm quất hồng, đó là những lúc phu nhân đau từng khúc ruột vậy. Có khi nghe ve kêu buổi tối, chim hót buổi sáng đó là lúc phu nhân buồn não ruột vậy. Mưa Sở mây Tần, cảnh từng ngao ngán, trông mặt trăng thêm than thở, hắng gió mát luống ngai ngừng. Mỗi u sầu phát ra thơ văn, kể có đến hơn ba mươi bài, nay chỉ thuật một bài luật thi, một bài ca, một bài hành để tỏ rõ tâm lòng mà thôi. *Cảm hoài thi* viết:

Phiên âm

Thơ cảm hoài rằng:

Bộc bộ (1) nan phục trắc cao cương (1)
Độc xử u phòng đoạn tận trường
Ta ngã cô khâm không đối nguyệt
Liên tha chích nhận tự minh sương
Mạn đề cầm tự (2) tình thủy tổ
Đặc bá la y ý bội thương
Tứ mẫu (3) như kim hà xử trụ
Động dinh (4) thu sắc tiếp sơn quang.

Dịch nghĩa

Người bồi ngựa của ta đã mệt nhọc lắm rồi, không thể lên núi cao được.

(1) Bộc bộ : người hầu nhọc mệt. { Thơ Quyền nhĩ
(1a) Trắc cao cương : lên núi cao. { quốc phong.

Kinh Thi : « Trắc bi cao cương, ngã bộc bộ kỹ » lên núi cao kia, người đi theo ta nhọc mệt lắm rồi.

(2) Cầm tự : chữ gấm. Vợ Đậu Tháo họ Tô dệt gấm hồi vẫn đề thơ hơn 200 bài gửi cho Tháo ở ngoài biên thủy tỏ ý oán hận.

(3) Tứ mẫu : bốn ngựa. *Kinh Thi*, thơ *Tứ mẫu* nói về người đi sứ.

(4) Động-dinh : hồ Động-dinh ở vào địa phận tỉnh Hồ-nam

Dịch nghĩa

Gió bắc xiết bao lạnh lùng, chồng ta đi việc nước chừ, không biết ngày nào về.

Lòng ta lo phiền chừ, như người bị nhin đời đã lâu. Khi chàng ra đi chừ, xe ngựa rất nhộn nhịp. Nay ở gia hương chừ, phong cảnh vẫn y nguyên.

Trước thiếp tiễn chân chàng chừ, uống rượu ngâm thơ xường họa.

Nay thiếp nhớ đến chàng chừ, ra đường chật cùi ngóng trông.

Ngày mùa xuân nhớ chàng chừ, cảm thấy đào liễu khoe tốt tươi. Ngày mùa hè nhớ chàng chừ, thương con chim yến hót véo von.

Trông thấy trăng thu mà nhớ chàng chừ, nghĩ đến nàng Hằng nga ngủ một mình. Trông thấy hoa mai mùa đông mà nhớ chàng chừ, thương đến nàng tiên núi Cô dịch luống mơ màng.

Không trông thấy vật gì mà không động lòng chừ, chỉ vì chồng xa vắng. Không ngày nào mà không lo phiền chừ, dù mặc áo vải to hay vải nhỏ cũng cảm thấy lạnh lùng.

Than ôi! Mong có một ngày kia gặp nhau chừ, lòng ta yên vui.

Phiên âm

Chinh xa hà nhật « đại đao đầu » (1)

Bất cảm ngưng trang thường thủy lâu.

(1) Đại đao đầu : tiếng ầu ngữ đời xưa, nghĩa là « về ». Vì đầu con đao có cái vòng, tiếng « vòng » chữ Hán là « hoàn », tiếng « về » chữ Hán là « hoàn », hai chữ này đồng âm, nhưng chữ viết khác mà nghĩa cũng khác, cho nên mượn dùng chữ Hoàn làm Hoàn. Thơ cổ có câu « hà đương đại đao đầu ». Theo giải nghĩa ở *Cổ nhạc phủ* tức có nghĩa là ngày nào thì về.

Dương liễu thủy ty khiên cự hân.
 Hoàng oanh phao trử (1) chức tân sâu.
 Tân sâu cự hân bằng thủy tổ.
 Duy hữu mộng hồn đặc tương ngộ.
 Biệt hậu tâm tư bất thị chân.
 Lãnh xâm tiêu trưởng hà lương khô.
 Khởi lai phong vũ nhập lan can.
 Tưởng khởi « U châu » ngũ nguyệt hân.
 Ngũ nguyệt do nhiên hân tiên tiên.
 Tam đông vô ná tuyết man man.
 Kỷ khúc « Hồ già » (3) tâm cố quốc.
 Sở thanh Khương dịch khách quan quan.
 Gian quan thiên bích hoàng sa mãn.
 Đa thiếu chinh nhân thiết tác can.
 Nhiệm nhiệm chinh nhân xa bất yết.
 Cô sâu vạn lý hành nhân tuyết.
 Ngã ưu duy hữu minh nguyệt tri.
 Ngã tâm kham dữ đình hương kết.
 Khả liên Hằng-nga dạ dạ tâm.
 Khả liên Xương lê (4) đoàn đoàn nguyệt.
 Minh nguyệt đoàn đoàn bạn khách trình.
 Bất kiến đảo viên vô hạn tình.
 Tinh trung thượng ước ly tư dịch (5).
 Biệt hậu do kinh xương phụng thành (6).

(1) Hoàng oanh phao trử : cái thoi hình con chim oanh vàng đưa đi đưa lại trong cái gò dẹt khung cửi.

(2) U châu : đời Nghiêu, Thuấn chia đất đông bắc châu Kỳ đặt ra châu U. Nay là tỉnh Hà-bắc và tỉnh Liêu-ninh.

(3) Hồ già : cái kèn rợ Hồ. Quan điểm phong kiến coi giống Hồ là rợ.

(4) Xương-lê : tên đất, thuộc phủ Vĩnh-bình, ở trong Sơn-hải quan.

(5) Tư dịch : trạm tiễn biệt khi Đinh Hoàn mới lên đường.

(6) Phụng thành : thuộc về Phụng-thiên. Con gái Tần Mục công thời ống tiêu, tự nhiên có chim phụng bay xuống thành, cho nên đặt tên là Phụng thành. Đời sau gọi thành ở Kinh đô là Phụng thành. Kinh đô Thương-long xưa cũng có tên là Phụng-thành.

Ký xuất phụng thành đàn lạc ma (1).
Cánh tư cự thất diệu tiêu hành (2).
Biệt lai nhất nhật tam thu tướng,
Chân thị tam thu bách cảm sinh.
Bách cảm công tâm há nhật liễu.
Chinh nhân duật chi thư ngô hận.
Thư ngô hận giả chinh nhân hoàn.
Phi thị kỷ đặc phong hầu ấn (3).

Dịch nghĩa

Xe của người chinh phu không biết đến ngày nào mới về.

Thiếp đây không dám trang điểm lên lầu biếc trông ngóng vì rằng e lại thêm buồn.

Dương liễu dù mảnh như khơi mối hận cũ.

Thoi oanh dẹt vải như dẹt mối sầu mới.

Nào sầu mới, nào giận cũ biết tỏ cùng ai.

Chỉ có mộng hồn hoa chẳng gặp nhau.

Sau khi biết nhau mộng tưởng đều là hão huyền.

Khí lạnh lẫn vào màn lá, thật trần trọc cả đêm.

Khi thức giấc dậy, gió mưa tuôn vào câu lơn.

Lại nghĩ đến cái lạnh của U châu tháng 5 vẫn còn rét.

Tháng năm rét như cắt.

Ba đông tuyết đầy đường.

(1) Lạc mã : con ngựa trắng bờm đen.

(2) Tiêu hành : loài đom đóm, đầu bụng có ánh sáng. *Kính Thi* : « Tập diệu tiêu hành » đom đóm lập lờ.

(3) Phi thị hỷ đặc phong hầu ấn : không phải mừng chồng có ấn phong hầu đeo về. *Đường thi thơ Khuê oán* (Vương xương Linh) làm lời người chinh phụ có câu : « . . . hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc, bối giao phu tử mệnh phong hầu ».

Ý nghĩa câu này là : chợt trông thấy sắc xanh tươi của cây dương liễu thì lại hối hận rằng trước kia mình bảo chồng đi tông quán để kiếm cá: ấn phong hầu cho về vang (tả tâm tình người thiếu phụ nhớ chồng đi tông chinh).

Nghe mấy khúc kèn Hồ, lòng nhớ cổ quốc chỉ biết
mơ tưởng.

Vài tiếng sáo Khương, khách đi đường rất gian nan
Tiếng xe lăn lộc cộc nơi chân trời xanh biếc đầy
những cát lăm.

Bao nhiêu là người chinh phu gan ruột cứng như sắt.
Xe của người chinh phu cứ đi tràn không lúc nào
nghỉ ngơi.

Quãng đường trường muôn dặm, tuyệt nhiên không
có một cái bóng của người đi đường.

Mối sầu của ta chỉ có mặt trăng biết.

Tấm lòng của ta thắt chặt với nụ đỉnh hương.

Đêm đêm ngủ một mình ở Hắc-ngã thật đáng ái ngại.

Tròn tròn bóng trăng soi đất Xương-lê luống những
lạnh lùng.

Bóng trăng theo dõi đường trường của chinh phu.

Không trông thấy đào viên, tình lại lảng vô hạn.

Trong khi mơ tưởng lại nhớ lúc đưa chân ở trạm
Tư dịch.

Sau khi từ biệt lại kinh hồn về khúc hát ở nơi Phượng
thành.

Chàng đã ra khỏi Phượng thành cưỡi con ngựa trắng
hý vang lừng.

Có lẽ còn nhớ đến lúc ở nhà có đom đóm bay sáng
lập lờ trong đêm tối.

Xa nhau một ngày coi bằng ba thu.

Thật là trong ba thu ấy tình trăm mối tơ vương.

Tình trăm mối dậy lên trong lòng không biết ngày
nào nguôi.

Trừ có khi nào người chinh phu trở về thì mối sầu
hân của ta mới cởi mở ra được.

Chồng ta về lòng ta vui sướng, không phải vì chồng
được đeo ấn phong hầu.

Sau khi Đinh-Hoàn đã tiến quá cửa quan, cùng với mọi người đồng sự trải qua đường thủy, đường bộ, qua các danh lam thắng tích không nơi nào là không đề vịnh. Thơ của ông đều có phẩm phát hồn thơ Lý Bạch (1), Hạ tri Chương (2), Mạnh Giao (3), Giả Đảo (4). Thơ ấy có chép ở *Hoàng hoa thi tập* đến hơn 100 thiên. Khi gót ngựa của ông đi qua nơi nào thì bậc danh nhân viện hàn uyên, kể cả khách chốn sơn lâm cũng đòi xướng họa, xin văn thơ, không lúc nào ngớt. Người ta cảm thấy văn tài của ông gần hầu như Thiếu-lăng (5), Vệ Giới (6), nên hình dung ra lời tán tụng có câu rằng: «Tha thời hải quốc dương phạm khứ, trùng đồ phong tư hữu kỷ niên».

Dịch nghĩa

Sau này ông giương cánh buồm về nước, biết ngày nào lại được gặp ông?

Lại có câu rằng: «Ác thủ diện đàm do hận thiếu, hoài quân, quân diệc thả hoài ngô».

Dịch nghĩa

Năm tay nói chuyện chưa được bao lâu, tôi nhớ ông, chắc ông cũng nhớ tôi.

Còn nhiều bài khác, không kể xiết.

Có một hôm, ông đến Hàng-châu, trông thấy hai ngôi mộ «Sơn bá, Anh đài (Lương sơn Bá, Chúc anh Đài), trong lòng sinh mối hoài cảm, liền đề thơ rằng:

Phiên âm

Thủ phát tân đài (a) nhận cựu bi (b)

Hu ta đại nghĩa thế gian hy

(1), (2), (3), (4) đều là thi nhân có danh tiếng đời Đường.

(5) Thiếu-lăng: Đỗ Phủ, vì ông ở Thiếu-lăng cho nên người ta gọi là Đỗ Thiếu lăng, thơ hay nhất đời Đường.

(6) Vệ Giới: người đời Tấn, lúc nhỏ nổi tiếng là con người ngọc, sau thích bàn về huyền lý.

(a) Rêu mới. (b) Bia cũ.

Tuyết môn (1) thụ nghiệp kiên giao khế.
Hoa hạ (2) đề minh ước xương tủy
Nhậm lịch phong ba tâm bất chuyển
Nhược quan danh giáo tử hê lý (tử)
Hương hồn nhất đời kim hà tại
Thời kiến song song yến tử (3) phi.

Dịch thơ

Tay phải rêu mờ nhận chữ bia.
Nghìn non nghĩa trọng dễ ai bi.
Tới lui cửa tuyết duyên bè bạn
Thề thốt bên hoa chữ xương tủy
Sóng gió bao phen lòng chẳng chuyển
Cương thường muôn thuở chết hê chi.
Hương hồn phảng phất nay đâu tá?
Chỉ thấy song song yến liệng đi.

Khi ông đi gần đến Yên kinh, lúc ấy gặp tiết mùa đông, gió bắc thổi mạnh, tuyết rơi đầy đường, con lừa Bá kiền (4) luống khiếp sợ, vó ngựa Lam quan (5) phải ngừng bước. Ông vốn sức yếu, trong khi đi đường nhọc nhằn, rét mướt, liền bị cảm hàn, các người đi theo nối tiếp ồm chết, lòng ông càng thêm thương cảm, cho nên bệnh tình lại nguy kịch hơn. Người chủ quán có ý muốn lưu ông lại, nhưng ông sợ sự mệnh

(1) Tuyết môn : cửa có tuyết tức là cửa thầy học. Điền này ở Chu tử ngũ lục chép « đời Tống, Dương-Thời và Du-Tạc cùng học một thầy là Trình-Dĩ (Y-xuyên). Một hôm, trời rét, ngoài cửa tuyết xuống sâu một thước, mà hai ông ấy vẫn đứng hầu thầy không về nhà. Do đó, người ta gọi cửa thầy học là tuyết môn.

(2) Hoa hạ : dưới khóm hoa nơi ước hẹn.

(3) Yến tử : chim yến thường đậu đôi với nhau, nên gọi là yến tử nối ví với vợ chồng.

(4) Bá kiền : cái cầu ở trên sông Bá thủy, ở về Thiểm-tây. Người xưa thường tiễn biệt ở đó.

(5) Lam quan : cửa Lam quan thuộc tỉnh Thiểm-tây.

quá kỳ hạn, nên phải đi ngay. Khi đi qua một vùng rừng rậm thì mặt trời đã sắp lặn, sương khói phủ kín, ông định ý tìm nhà dịch trạm thì không kịp nữa, đành phải nằm ngủ lộ thiên một đêm, khi đến Yên-kinh, bệnh ông càng trầm trọng. Hôm ấy là ngày 30 tháng chạp, ông bảo một người đi theo rằng: « Ta nằm mộng thấy thần Thượng đế vời ta cho một cái bút lớn, bệnh ta chắc là không khỏi, ta xuất thân do khoa giáp, chết vì sự mệnh, chết sống đều không có hối hận gì. Duy không làm trọn vẹn được việc nước, đó là đáng phàn nàn vậy. » Đêm ấy ông mất ở Công quán Yên kinh. Các quan đồng sự và quan tiếp tân làm lễ khâm liệm chu tất. Khang-hy hoàng đế ban lễ Thiếu lao (1) cử người tế ông. Xong rồi cho đem linh cữu về nước. Triều đình ta tỏ lòng thương nhớ ông chết vì việc nước, truy tặng Hình bộ Tá Thị lang. Phu nhân tiếp được tin buồn mê man bất tỉnh. Khi tỉnh muốn chết theo, thân thuộc đề phòng và khuyên giải. Phu nhân bèn làm lễ thành phục tống táng và làm một bài văn tế rằng:

Dịch nghĩa (dịch theo đọc vận)

« Than ôi! Phu quân là người giỏi trong nước chứ, là diêm lảnh của nhân gian, là kỳ lân ở trên đời, đức hạnh cao cả, văn chương sáng ngời. Đại khoa trúng giải, làm quan nhiều nơi, phụng mệnh đi sứ, rong ruổi đường dài, chống cờ tiết Tô-Vũ (2) chỉ về phương Bắc, hướng cửa khuyết phương Nam luống những quan hoài. Tấm lòng trung trinh chứ, kém gì Nguyễn-Trãi (3), công trạng lừng lẫy chứ, chẳng nhường

(1) Thiếu lao : cổ Thiếu lao dùng một dê một lợn để tế (Thiên nghi lễ)

(2) Đời Hán Vũ đế. Tô Vũ cầm cờ tiết đi sứ Hung nô.

(3) Nguyễn Trãi tên tự là Ức Trai, công thần bậc nhất đời Lê Thái-tổ.

Nghị Trai (1). Nài sao ! Trời già không tựa, người khôn qua đời. Nở đâu ! chôn cây ngọc thụ ở dưới đất, bẻ đàn chim uyên (2) khi đêm tuyết, để cho lòng thiếp rồi bời bời. Y hi ! Y hi ! đất khách vợ vắn, hồn thơ phiêu phi. Trước kia chàng cùng thiếp chừ, sớm tối không lìa, nay chàng cùng thiếp chừ, hội ngộ vô kỳ. Ới hỡi ời ! Trăm năm như đêm tối, trời kia độc địa chi ! Điều mà rất lấy làm đau đớn : hầu hạ thiếu người, lạnh lòng Yên địa (3), thuốc thang không sẵn, lơ lênh Ngô ki (4) (cơ). Muôn dặm đường trường chừ, xe đi cọt kẹt (5). Cô đơn quán khách chừ, tuyết bay phi phi (6). Đến nỗi ốm không dậy, phứt chốc l òn bay đi. Biết bao giờ đàn dứt lại nổi, trăng lặn trùng huy (7), khiến cho nguyện ước của thiếp không sai vi. Thôi thì thôi ! Nước trôi không lại, hoa rụng còn gì. Mưa lác đác trên lá chuối chừ, mơ màng nơi tam giáp (8) ; mây phủ kín lưng chừng trời chừ, xa cách núi « cửu nghi » (9). Màn the lạnh lùng chừ, thấy đâu chiếc đàn cầm sắt ; buồng không lịch mịch chừ, chỉ thấy y uy (10). Tưởng đến chàng sinh bình sáng suốt, tử hậu hữu tri (11), sao không để cho

(1) Nghị Trai là tên hiệu Phùng Khắc-Khoan là công thần đời Lê Trung-hung, đã từng đi sứ Trung-quốc.

(2) Đàn uyên là đàn chim uyên ương hay đi đôi với nhau, ý nói tình vợ chồng.

(3) Yên địa : đất Yên-kinh tức là Bắc-kinh ngày nay, trước là Bắc bình.

(4) Ngô cơ : con gái bên Ngô.

(5) Xe cọt kẹt : dịch nghĩa chữ *Kinh Thi* « mại xa hạm hạm ».

(6) *Kinh Thi* « vũ tuyết phi phi » nhiều tuyết.

(7) Nguyệt trùng huy : mặt trăng hai lần sáng.

(8) Tam giáp là Cỗ đường giáp, Vu giáp, Tây lạng giáp, ba ngọn núi này ở vào miền thượng du sông Trường-giang.

(9) Cửu nghi tức là núi Thượng Ngô, có 9 ngọn núi, ở vào địa phận tỉnh Hồ Nam.

(10) Y uy : tên một loài sâu, sinh ở dưới tường vách.

Kinh Thi « y uy tại thất »

(11) Hữu tri : thiêng liêng có biết.

thiếp thừa nhan tiếp tý (từ) (1). Vì bằng âm dương nay đã cách biệt, không thể thỏa tằm tình si. Thiếp này xin hy sinh tình mệnh, cho được truy tùy (2). Thiếp nói không hết, chàng xét làm ghi.»

Người nhà thấy lời lẽ bài văn tế ấy bà có ý quyền sinh, mọi người đều khuyên giải nói: «Phu nhân ngày thường vốn nổi tiếng là người thông tuệ. Sao nay cố chấp quá như thế? Nay, vợ chồng đâu là đạo cả, nhưng âm dương hai ngã khác nhau. Cho nên nàng Lục Chấn (3) tự gieo mình xuống lầu, chưa chắc theo được chồng; người trinh nữ (4) đứng trên núi hóa ra đá, cũng chỉ là vô ích. Huống chi sứ quân chết về việc nước, phu nhân cần gì phải nát ngọc chim châu. Nếu vậy không phải là tấm lòng trung của sứ quân lúc ngày thường vậy. «Phu nhân gạt nước mắt mà rằng: «Vị vong nhân này (5) không dám mua cái tiếng chặt vai (6) khoét mắt đau, chỉ vì xuân về hoa héo, lòng chết hình còn, không tưởng gì đến nhân gian nữa.»

(1) Thừa nhan tiếp tý từ: gặp mặt tiếp lời

(2) Truy tùy: theo chàng

(3) Nàng Lục-Chấn là thiếp yêu của Thạch-Sùng rất đẹp. Khi Sùng bị Tôn Tú bắt, nàng dám liều nhảy ở trên lầu xuống đất chết theo. (Tấn sử)

(4) Núi Vọng phu ở tỉnh An-huy. Ngày xưa có người đàn bà, chồng đi xa vắng, thường ngày lên núi ngóng chồng, lâu ngày hóa ra hòn đá (Hoàn vu ký).

(5) Vị vong nhân: người chưa chết, người vợ trinh thủ tiết tự xưng là «vị vong nhân».

(6) Sử Ngũ đại: Vương-Ngưng làm Tư-hộ ở Quốc-châu, mất ở nơi làm quan. Người vợ là họ Lý đem con nhỏ về quê, đi đường vào quán trọ, người chủ quán không cho trọ, kéo tay nàng lôi ra. Nàng Lý than rằng: Ta làm đàn bà không giữ trinh tiết, bị người ta cầm tay làm ô nhục». Nói xong liền cầm dao tự chặt cánh tay, việc ấy quan sở tại tâu vào triều đình: họ Lý được ban thuốc cứu chữa và được cấp tiền tuất. Còn người chủ quán trọ bị phạt đòn.

Người nhà thấy khuyên giải không ăn thua gì, có ý đề phòng cẩn thận. Một hôm, phu nhân đốt đèn ngồi một mình, khi ấy là mùa thu muộn, gió vàng hiu hắt, tiếng ve kêu sâu, phu nhân càng thêm thâm đạm, ngồi tựa ghế khóc thầm, mơ màng thấy một người khăn vuông dài rộng từ xa đến gần, nhìn kỹ ra chính là chồng vậy. Phu nhân đón chào, mừng quá chảy nước mắt mà rằng : « Từ khi cách biệt đã bốn năm rồi, biết bao nỗi bí sầu, mộng hồn tàn nát, không nơi nào là không tìm tung tích lang quân, ấy thế mà lang quân chẳng có đoái hoài gì đến thiếp. Nếu bảo rằng trần gian và thiên thượng hai nơi cách biệt, thì sao Thuấn phi (1) có hội ngộ, Chức nữ (2) lại tương phùng, vậy thì lang quân đối với thiếp rất là bạc tình. » Ông buồn nết mặt mà rằng : « Ta từ khi về châu thiên đình, được trông coi về việc bút nghiên, nơi thiên tào công việc nhiều, không có thì giờ đến thăm nàng, còn tấm lòng khăng khít thủy chung không bao giờ thay đổi. » Phu nhân muốn lưu ông ở lại tự tình. Ông vỗ về nói : « Chết sống là lẽ thường xưa nay hợp tan là tuần hoàn việc thế. Vì Ngọc Tiên (3) có duyên tái hợp, Dương thái Chân (4) có ước tái sinh. Nàng không cần phải bi phiền về nỗi bạc lảnh gương tan, cái ngày chúng ta gặp nhau gần đến rồi. » Nói xong, có một trận thành phong,

(1) Thuấn phi : vợ vua Thuấn, Nga hoàng và Nữ Anh hai chị em (con vua Nghiêu) đều lấy Thuấn, khi mất làm thần sông Tương.

(2) Chức nữ : Tích Ngưu lang Chức nữ, hằng năm được gặp nhau một lần vào ngày mồng 7 tháng bảy.

(3) Vi Ngọc Tiên : Đồi Đường, Vi-Cao lúc hàn vi, ở trọ nhà họ Khương, chung tình với nàng Ngọc-Tiên, Cao tặng nàng một cái vòng tay, hẹn 7 năm đến cưới làm vợ. Quá hạn không đến, nàng tự sát. Cách đó 13 năm, Cao được làm Tiết độ sứ Ba Thục, có người dâng một ca sĩ rất đẹp, tên là Ngọc-tiên, Cao nhận rõ là diện mạo y như nàng Ngọc-Tiên ngày trước.

(4) Dương thái Chân : Dương quý Phi bị chết ở núi Mã ngôi, sau tái sinh cùng với Đường Minh Hoàng kết làm vợ chồng lần nữa.

không biết ông biến đi đâu mất. Phu nhân thương khóc
chợt tỉnh dậy, sai thị nữ ra xem trời chỉ thấy sương
mù trắng mờ, đêm đã gần sáng rồi. Từ đó phu nhân
lại càng có ý chán đời, nhưng chưa có dịp. Đến ngày
lễ tiểu tường (1) ông, người nhà bận việc, phu nhân ở
trong buồng xé cái áo mà ông lặt ngày trước tự thắt
cổ chết. Đến khi người nhà biết thì phu nhân đã tắt
thở rồi. Cả nhà thương cảm, tổng táng theo lễ. Việc ấy
tâu lên, triều đình cho lập đền thờ, đề bằng nêu ra
cửa, khắc chữ: «Trình liệt phu nhân từ», ban cấp tế
điền, bốn mùa có tế lễ, người làng cầu đảo đều có linh
ứng. Vài năm sau, có một người họ Hà cuối mùa thu
đi lên tỉnh thành, nghỉ chân ở quán rượu thôn bên cạnh,
thừa hứng cùng một tiểu đồng mang rượu phóng bộ đi
dao chơi xem phong cảnh, đi vài dặm gần đến ngoài
đền, thấy cây cỏ không um tùm cho lắm, nhưng cảnh
trí có vẻ u nhàn, cửa đổ lỏng lách, chữ vàng huy hoàng.
Hà sinh nhân biết đó là đền Liệt nữ, vén áo vào, đến
ngồi dưới chân bia dựng ở bên giải vũ, vừa uống rượu,
vừa đọc bia, uống hết một bầu rượu, đọc hết các hàng
văn, mới biết rõ nguyên ủy, thì hứng dạt dào liền cầm
bút đề một bài ở tường rằng:

Phiên âm

Thiếu niên hữu hạnh sĩ phùng thân.
Mãn phúc văn chương khả trí quân
Ngọc phát (2) hàm lai tri bắc lạc
La y dĩ hạ chí nam thân
Tuyết xâm sử dịch mê kim tiết (3)
Xuân tỏa hương khuê truy thúy cần (4)

(1) Lễ tiểu tường: lễ tang chầu một năm, cũng gọi là luyện t.

(2) Ngọc phát: tờ chiếu của vua viết vào lụa.

(3) Kim tiết: cờ tiết mao vàng, người đi sứ được ban cờ ấy.

(4) Thúy cần: khăn mũi biếc, thứ khăn đàn bà đội.

Bình tích huân danh hà xứ kiến
Trung hồn lạc đắc phối giai nhân

Dịch nghĩa

Lúc tuổi trẻ gặp dịp may mắn ra làm quan
Văn chương chứa đầy trong bụng có thể phò vua
giúp nước.

Cưỡi con ngựa trắng vâng mệnh nhà vua sang sứ
đất Bắc.

Đề lại chiếc áo la cho vợ ở nhà làm vật kỷ niệm.
Nơi đường trường gió tuyết lạnh lùng sứ quân bị
ốm chết.

Chốn khuê phòng phấn hương phai nhạt, người
vợ cũng chết theo.

Công danh của sứ quân lúc bình sinh không có biểu
hiện ở chỗ nào ?

Tấm hồn trung chỉ vì có khách giai nhân mà cũng
được thờ cùng.

Hà sinh đề thơ xong, thừa tửu hứng trở về chỗ trọ,
lúc ấy trời đã tối, mặc cả áo đến giường ngủ. Bỗng một
cơn gió lạnh thoảng đến, thấy một người con gái mặc áo
xanh tiến đến trước mặt nói : « Vâng mệnh phu nhân
tôi, xin mời tiên sinh quá bộ lại chơi. » Sinh cười nói :
« Đắt khách quê người chưa từng quen biết, chẳng
hay bà chủ nhân của nàng gọi ta có việc gì? » Người
mặc áo xanh ấy nói : « Tiên sinh đừng lấy làm lạ, cứ
theo tôi sẽ biết. » Nói xong, dẫn Sinh đi, đến một nơi,
lầu son cửa lía, cột vẽ hiên cao, Sinh sợ hãi khom lưng
đi vào, trái ba, bốn lần cửa, thấy điện lưu ly, đặt giường
thất bảo, trên giường có một vị phu nhân ngồi nghiêm
chỉnh, đầu đội thoa kim phụng, mình mặc áo gấm rồng.
Sinh không rõ là vị nào, đứng cúi đầu chắp tay ở ngoài
điện. Văng vẳng nghe thấy một tiếng nói ở trên đầu « cho
phép ngồi », liền thấy người sứ giả mặc áo xanh lúc
ban nãy dẫn Sinh sang điện bên, đặt một chiếc đệm

gắm, Sinh chỉnh đốn quần áo đến ngồi, bắt đầu pha nước trà vào chén hồ phách tiếp dâng trầu cau vào hộp xà cừ, Sinh vừa uống trà ăn trầu xong, chợt nghe phu nhân đồng dục nói: « Bài thơ đề ở vách của tiên sinh từ điệu cũng không phải là tầm thường, mấy câu trên diễn tả cũng hợp lý, duy câu kết « bình tích huân danh hà xứ kiến, trung hồn lạc đặc phối giai nhân ». Xem ra có vẻ thiếu niên khinh bạc dám hồn xược với bậc tiền bối! Nay sứ quân tôi xuất thân khoa giáp, dự tuyển « Hoàng hoa » (1), lúc sống là người có tài, lúc chết vẫn giữ trung nghĩa, trước sau một tiết, sống chết đều vinh, không phải như bọn mơ tưởng giàu sang nằm chiêm bao được hươu (2), giấc mơ màng thấy kiến (3) đầu. Duy sứ quân có tiền duyên hương lửa ở đất bắc, không thể bảo chỉ vì cái chết của thiếp mà sứ quân được phối hưởng (A). Nay thiếp xin cùng với tiên sinh đàm luận: này, đạo người quân tử gốc ở vợ chồng, việc trị nước nhà bắt đầu phải làm khuôn phép cho người nội trợ. Cho nên *kinh Thi* 300 thiên, bắt đầu là thơ « quan thư » (4) *kinh Thư* đều chép hai điển khen ngợi việc « l

(1) Hoàng hoa : thơ Hoàng hoa trong *Kinh thi* nói về người đi s

(2) Mơng được hươu — Sách Liệt tử : « Có người đi kiếm củi, gặp con hươu, đánh chết rồi đem giấu ở trong bụi rậm, lấy lá chuối đi lên trên. Khi chặt củi xong, về nơi giấu để con hươu lúc trước, đi lấy đem về nhà thì tìm chẳng còn thấy cái chỗ ấy và cũng không thấy hươu đâu cả, liền cho là giấc mộng ».

(3) Mơng thấy tổ kiến — *Nam kha ký chép* : « Bên phía Nam n Thuần vũ Phần có một cây hòe, Thuần say rượu nằm ngủ, nằm chiêm thấy đến nước Đại hải An, lấy vợ công chúa, làm quan Thái thú N kha trong 20 năm vinh hiển, sau đánh giặc bị thua, công chúa bị bãi chức về. Bỗng tỉnh dậy, chỉ trông thấy cái tổ kiến ở cạnh nam cây hòe.

(A) Đoạn này trong nguyên bản có một câu xét ra không chính xác dịch ý.

(4) Thơ Quan thư : thơ ca tụng Chu Văn vương và Hậu phi.

giảng» (1), không phải là không có ý nghĩa vậy. Vì rằng chính lòng mình có ngay ngẩn thì mới cảm hóa được người ta, chính thân mình có tự tu thì mới lễ chỉnh được trong nhà. Xem như vua Ngu Thuấn băng hà mà « giọt trúc lệ » (2) ở sông Tương trời thơm muốn thừa; Từ-hiến-Phong mất sớm mà « lầu yến tử » (3) thủ tiết để tiếng ngàn thu. Đó chẳng phải căn do từ chỗ tu thân tề gia mới được kết quả tốt như thế ru? Bàn đến người quân tử không hao giờ vì yêu quý vợ mà bị chê cười.

Còn như hạng say đắm về tình ái, ngồi vẽ lông mi (4) cho vợ; nghe tiếng sư tử rống (5) lên, tay run « rơi gậy » (6) không biết, về hạng người nhu nhược hèn nhát này, chính trong khuê môn đã không có khuôn phép, ấy thế mà còn muốn lấy chữ trinh tiết mong người khác noi gương thì làm sao cho được? Nhớ lại sử quán lúc còn sinh thời, lấy lễ kinh giữ mình, lấy ơn huệ dãi người, cho nên khi nghe tin sử quán mất, không ai là không ngưng đường đi Tây lộ (7), rơi nước

(1) Lý giảng : kinh Thư, Nghiêu điển « Vua Nghiêu chỉnh lý đồ trang sức, hạ giá hai con gái cho Thuấn ở đất sông Vi ».

(2) Trúc lệ : Khi vua Thuấn mất, hai bà phi thương khóc rỏ giọt lệ thành ra cây trúc. Hai bà ấy chết làm thần sông Tương.

(3) Lầu Yến tử : ở góc thành Đông sơn về tỉnh Giang tô, Trương-hiến-Phong xây lầu ấy cho người ái thiếp tên là Miện-Miện ở. Ông là người Từ châu, khi ông mất, Miện Miện suốt đời ở lầu ấy không chịu đi lấy chồng khác.

(4) Vẽ lông mi : Đời Hán, Trương Sương chiều vợ, thường vẽ vợ vẽ lông mi.

(5) Sư tử rống : Đời Tống, Trần Tháo tính sợ vợ.

(6) Tay run rơi gậy : Tháo đãi tiệc mời khách, gọi ca kỹ đến giúp vui. Vợ nổi cơn ghen, quát âm lên, khách đều bỏ tiệc chạy trốn. Tô Thước làm câu thơ trào phúng rằng : « Chợt nghe sư tử Hà-dông rống tay rơi gậy chống sợ kinh hồn ».

(7) Tây lộ : Cờ nhạc phủ có bài « Tây môn hành » nói về mối tình ly biệt.

mắt Nghiễn sơn (1), chứ có phải chỉ một thiếp này đau buồn đau! Xem như khi linh cửu sứ quân còn ở bên đất, các người có quen biết sứ quân trong khi lữ thú đều có câu viếng rằng: « Người ta ai không sống ở đời, sống ở dương khoa mục là cái sống vinh hiển, người ta ai không biết có lúc chết, chết về việc quốc gia thì chết cũng như sống. » Đó là người nước ngoài mà còn vì sứ thần ca tụng như thế, huống chi là người trong nước vậy ru! Kịp đến khi linh cửu sứ quân rước về đến nước nhà, các bạn hữu có câu viếng rằng: « Than ôi! than ôi! Trời kia không tựa người hiền tài! sứ quân qua đời, có lẽ vì sương tuyết què người, hay chỉ là vì khí số đó mà thôi. » Đó là người bạn học mà còn vì sứ quân thương tiếc như thế huống chi là người trong nhà vậy ru? Do đó nên biết rằng thiếp này tiếc sứ quân, không những vì tình ân ái mà thôi, thực là cảm cái lòng trung nghĩa của sứ quân vậy. Vậy xin tiên sinh biết rõ cho tấm lòng của thiếp. » Hà sinh nghe phu nhân nói xong, bỗng tỉnh ngộ, vội vàng đứng dậy tạ rằng: « Tiểu sinh ham chơi sơn thủy, thích hứng rượu thơ, nhân lúc say sưa, phóng bút viết bậy, thực tự biết đắc tội rất nặng với bậc tôn linh, nay tình nguyện nói lại nguyên văn để chuộc lại cái lỗi nói càn. » Phu nhân nói: « Bằng lòng cho họa lại. » Hà sinh liền lấy bút giấy đề rằng:

Bắc lộ tri khu viên bắc thần (2)

Tư gia nhất độ nhất tư quân (3).

Mới viết xong hai câu ấy, chợt nghe tiếng người con gái mặc áo vàng đứng ngoài điện bẩm rằng:

(1) Rời nước mắt Nghiễn-sơn: Đời Tấn Vũ đế, Dương Hổ làm đô đốc Kinh châu, có tài có đức. Khi mất nhân dân lập bia kỷ niệm ở núi Nghiễn-sơn (Phúc-kiến) ai đi qua càng nhớ ông, dọc bia chảy nước mắt.

(2) Bắc thần: ngôi sao bắc đẩu. Đây nói ví như vua.

(3) Xem dịch toàn bài trang sau.

Thượng đế có chiếu chỉ với phu nhân, hiện xe loan đã sắp sẵn đợi ở ngoài rồi ». Phu nhân đi rào bước xuống thềm, ngoảnh lại bảo Hà sinh rằng : « Tiên sinh sau này phát đạt. Nhưng phải cẩn thận lời nói, về lời phê bình khinh bạc từ nay chớ có bữa bãi như trước. Còn bài thơ trùng họa, xin đề đến ngày khác sẽ lĩnh giáo sau ». Hà Sinh đứng dậy vâng lệnh lui ra, bỗng thấy mây lành bao phủ, khí thoang thoang, phu nhân bước lên xe loan đi như bay, Sinh có ý muốn theo thì chợt nghe tiếng gà gáy, trở mình thức dậy hóa ra một giấc mộng. Liền tắm gội sạch sẽ, lại đến ngồi đèn Liệt nữ làm tiếp tục bài thơ trong mộng còn làm dở dang, viết tiếp hai câu trên rằng :

Phiên âm

Kỳ đề (1) bán quệ « hoàng hoa » lộ
« Hồ tử » (2) nhưng triền nguy khuyết (3) thân
Truy ngọc đoan phi thương nhâm tịch (4)
Tặng y nguyên thị ức cơ cân (5)
Thiên thu trung nghĩa song hồn tại
Quý sát đương thời bạc hạnh nhân.

Dịch nghĩa

Cưỡi ngựa rong ruổi đi sang xứ đất bắc phải xa
cách nhà vua.

(1) Kỳ đề : vó ngựa kỳ kỳ (thứ ngựa hay).

(2) Hồ tử : kinh Lễ « hồ tử chính khâu tử ». Cáo chết quay đầu về núi.

(3) Nguy khuyết : cửa nhà vua (theo Chu lễ, cửa nhà vua treo tác hiên pháp gọi là Tượng nguy).

(4) Nhâm tịch : chần chiếu, nôi về trong khuê phòng.

(5) Sơ cân : khăn xanh. Kinh Thi : « Cáo y cơ cân » áo vải khăn xanh, nói người vợ lúc hàn vi.

Mỗi khi nhớ nhà lại nhớ đến vua luôn.

Ngựa đang chạy, bỗng chồm vó, trên đường hoàng
hoa.

Cáo dẫu chết, vẫn quay đầu hướng về cửa khuyết.

Không phải vì quá thương vợ mà đến nỗi bỏ mình.

Chỉ là giữ nghĩa thủy chung mà ăn cần tặng áo.

Nghìn thu trung nghĩa đôi linh hồn ấy vẫn còn.

Đáng xấu hổ thay cho những người phụ tình bạc
nghĩa.

NGÔ LẬP CHI dịch

TRUYỆN NỮ THẦN Ở VÂN-CÁT

Thôn An-thái, xã Vân-cát là một làng nổi tiếng ở huyện Thiên-bản (1). Đất bằng phẳng, nước trong vắt, cây cối tươi tốt, phong tục chất phác. Trong làng ấy có Lê Thái-Công chăm làm điều thiện. Thường ngày đêm đốt hương phụng thờ Trời Phật, dẫu gặp khi bận việc, cũng không quên những việc lễ bái. Tính Công lại ham làm phúc. Năm 40 tuổi mới có một con gái. Khoảng năm niên hiệu Thiên hựu (2), bà vợ có mang đã quá kỳ sinh, tự nhiên mắc bệnh nặng, cả ngày không ăn uống gì cả, chỉ ưa hương hoa thơm mà thôi. Người nhà ngờ là yêu quái, liền mời thầy cúng lễ, nhưng bệnh bà lại càng tăng thêm. Một hôm gặp đêm trung thu, mặt trăng trong sáng như vẽ, ngoài cửa có một người khăn áo chỉnh tề nói có thuật làm cho bà chóng sinh, người coi cửa không cho vào. Người khách ấy phúi áo cười mà rằng: « Ta đây có kế lạ phục rờng trĩ hồ, xuống đất lên trời, làm sao lại khinh miệt ta quá như vậy. » Thái Công nghe nói, vội vàng mời vào, xem trong tay áo ông khách chỉ thấy có một

(1) Thiên bản: nay là huyện Vụ-bản (Nam-dịnh)

(2) Thiên-hựu: niên hiệu vua Anh-tôn đời Lê (1556 — 1573).

cái búa ngọc. Vị đạo nhân ấy bỏ xõa tóc lên đàn, trong miệng đọc thần chú, lấy tay ném búa ngọc xuống đất, Thái-Công liền bất tỉnh ngã ra thiếp đi. Trong mộng Công thấy mấy người lực sĩ dẫn ông đi, đi một tầng lại thấy cao lên một tầng, sắc trời lơ mờ như bóng trăng nhạt. Bỗng đến một nơi, thành vàng đứng sừng, cửa ngọc mở toang, người lực sĩ thay áo xong, cùng với ông đi qua chín lần cửa rồi đứng đợi dưới thềm; lúc ấy liếc trông lên đám hồng vân thấy có một vị vương giả đội mũ miện, hai bên có 6 người thị nữ mặc áo màu tía đỏ đứng hầu, lại có hằng trăm người cầm hốt cầm phách, tấu nhạc « quân thiều » (1), và múa điệu « nghệ thường » (2). Trên bàn lưu ly để quả đào Vương mẫu (3), trong bầu mã não đựng thuốc tiên « Lão quân » (4). Vua Diêm-la cồng cây báu; chúa Đông đình dâng ly châu (5), các thức vật kỳ lạ chốn nhân gian chưa từng có bao giờ. Bỗng thấy một vị nương tử mặc áo hồng nâng chén ngọc dâng thọ, nhờ tay đánh rơi mẻ mất một góc. Trong ban bên tả có một viên đứng ra, tay cầm quyền sở ngọc, biên mấy chục chữ. Một hồi lâu, nghe tiếng như sấm sét nói: « Nhà người chề nơi văn minh hay sao? » Sau đó hai viên sứ giả và một lũ thị nữ dẫn nương tử ấy do cửa nam đi ra, có người mang kim tự bài đi trước, trên các bài ấy là chữ « sắc giảng », trong có hai chữ « nam », dưới là chữ « khuyết ». Còn những chữ khác trông xa không rõ. Thái-Công hỏi người lực sĩ rằng: « Nương tử ấy là người nào? Duyên cớ làm sao? ». Lực sĩ nói: « Đó là

(1) Nhạc quân thiều : khúc nhạc ở trên trời (quân thiên)

(2) Nghệ thường vũ y : điệu múa ở Tiên Cung.

(3) Quả đào Vương mẫu : quả đào tiên.

(4) Lão quân : Thái thượng lão quân, tức là Đạo đức thiên tôn. Đời Hán mạt, Trương đạo Lăng lập Đạo giáo tôn Lão-tử làm tổ sư. Đạo giáo thiên về phù chú.

(5) Ly châu : ngọc châu ở dưới hàm con rồng đen.

Đệ nhị Tiên chủ Quỳnh-nương, chuyển này tất là bị trịch xuống trần gian vậy. » Khi ấy ở trong đó có một người đi ra, quở rằng: « Viên chức này ở đâu dám đến đây làm lộn nhộn chốn thiên cung? ». Lược sĩ trả lời rằng: « Tôi là Ngũ lôi thần binh (1) đứng chờ đây đợi lệnh ». Nói xong liền kéo ông ra. Ông về đến nhà dần dần hồi tỉnh thì bà vợ đã sinh một vị con gái rồi. Đêm ấy có hương lạ thơm nức ở trong nhà, diễm lành soi vào cửa sổ. Hồi đến vị đạo nhân thì đã biến dạng không thấy nữa. Cả nhà cho phép của đạo nhân là thiêng ai nấy đều cảm động. Thái-Công nghĩ rằng thần báo mộng là vị tiên nhân giáng sinh, bèn đặt tên là « Giáng tiên ». Đến khi lớn, da trắng như sáp đọng, tóc sáng như gương soi, mày cong như mặt trăng mới mọc, mắt long lanh như sóng mùa thu. Cỗ nhân có câu rằng: « Ví với hoa là hoa biết nói, ví với ngọc là ngọc có hương ». Câu ấy có thể hình dung sắc đẹp của Giáng tiên vậy. Hằng ngày « chúa tiên » ở một mình trong nhà, đọc sách tập chữ. Về nghề âm luật lại càng tinh thông, thổi ống tiêu gảy đàn không khác gì « Trương phi » (2) và « Lộng ngọc » (3). Trong những lúc nhàn hạ cảm thấy hoa xuân tươi tốt, oanh yến hù lo, cảnh hè sáng sữa, sen, lựu đua nở, mùa thu trăng sáng như gương, mùa đông tuyết trắng như thủy ngân, đối cảnh sinh tình nàng liền bút mực làm thành bài « từ » bốn mùa, phả vào đàn sáo để di dưỡng tinh tình.

Phiên âm

Kỳ nhất xuân từ:

Xuân tự hoa, ái khí vi, ái nhật tri.

Đào hoa hàm tiếu liễu thư my, điệp loan phi.

(1) Ngũ lôi thần binh : sử giả ngũ lôi có bùa thiêng.

(2) Trương phi : hai bà phi vua Thuần, khi mất làm thần sông Trương, thường hiện lên gảy đàn sắt Vân-hòa rất hay.

(3) Lộng Ngọc : con gái Tần Mục-công.

Tùng lý hoàng oanh hiền hoản, lương đầu tử yến
nam ni.

Hiệu đăng xuân khuê bất tự tri, chuyết tân kỳ.

Hữu-xuân quang diệu.

Dịch theo điệu từ

Một là bài từ về mùa xuân.

Mùa xuân cảnh như vẽ, bóng mặt trời sáng dọi (lờ mờ). Yêu ngày dài. Hoa đào ngậm cười, mây liễu đua tươi, bướm bướm bay hoài.

Chim yến hót liu lo trên xà nhà, con oanh vàng nói mĩa mai trong bụi cây.

Lại lảng về tình xuân, người ở trong buồng khuê không sao cầm lòng dặng viết ra bài từ mới này.

Đó là điệu « Xuân quang hảo ».

Phiên âm

Kỷ nhị hạ từ :

Càn khôn tăng trước uất áo, thảo lý thanh oa nào, chỉ dầu hàn thiên tảo, thanh thanh đổ vũ nào, á á hoàng ly lão tần tương cáo.

Xuân chủ kim quy hễ như hà hảo.

Giá ban cảnh sắc, thêm khởi nhất phiên liệu liệu.

Hạnh « Chúc dung » (1) quân cồ nhất khúc nam huân thảo, thân tống hà hương đáo, tiền phiên thương lăm tùy phong tận tảo.

Hữu điệu « cách phổ liên ».

Dịch điệu từ

Hai là bài từ về mùa hạ

(1) Chúc dung : thần lửa. Tháng tư đầu mùa hè, thần Chúc dung giữ mệnh lệnh.

Trời đất thêm phần nắng hanh. Éch kêu trong cỏ,
ve kêu trên cành, quốc quốc tiếng đồ vũ (1), riu rít
tiếng hoàng oanh. Đường bảo nhau : chùa xuân về rồi
luống sông tình ! cảnh sắc đường kia ngao ngán chỉ
trên mình. May sao thần Chúc dung gảy một khúc nam
huân (2), hương sen thoảng đến bất thình lình, một
trận gió quét sạch nỗi bất bình.

Đó là điệu « cách phổ liên ».

Phiên âm

Ký tam thu từ :

Thủy điện phù lam sơn tước ngọc
Kim phong tiên tiên xao hàn trúc
Lư hoa vạn lý bạch y y.
Thu sắc sương ngưng hồng nhiễm lục
Oánh triệt thiềm cung nga độc túc
Giao giai độc bộ thu hoài xúc
Bất như kính lai ly hạ cục
Hoa hương nhân tọa, phù hồ đàn nhất khúc,
Hữu từ bộ bộ thiềm.

Dịch điệu « từ »

Ba là bài từ về mùa thu :

Nước nổi màu lam núi dĩa ngọc.
Gió thu hiu hắt khua cụm trúc,
Lau lách trông xa trắng sáng ngời.
Cây đọng màu sương hồng chen lục.
Trắng sáng Hắng nga ngủ một mình,
Đạo bước thêm hoa tình thồn thức.
Sao bằng đến thẳng bên giậu cúc,
Thanh thoi hưởng hương thơm ngồi gảy đàn một khúc.
Đó là điệu « bộ bộ thiềm ».

(1) Đồ vũ : con quốc.

(2) Nam huân : gió nam mát mẻ.

Ký tứ đông từ:

Huyền minh (1) bá lệnh mẫn quan sơn
Hồng dĩ nam hoàn, nhạn dĩ nam hoàn
Sóc phong lâm liệt tuyết man man
Biển ỷ lan can, quỳên ỷ lan can
Ứng lô thượng nhĩ giác thanh nhạn
Tọa chầm năng an, ngọa chầm năng an
Khởi quan « cô dịch » (2) lạc trần gian
Hoa bất tri hàn, nhân bất tri hàn.
Hữu từ nhất tiên mai

Dịch điệu « từ »

Bốn là bài từ về mùa đông
Thần Huyền minh giữ lệnh mùa đông.
Về nam lũ lượt chim nhạn, chim hồng.
Gió bắc hiu hắt tuyết rờn rờn.
Đứng hiên chờ đợi, tựa hiên ngóng trông.
Sưởi lồng ấp còn lạnh như đồng, ngồi không yên
lòng, nằm không yên lòng.
Dậy xem hoa mai rụng khắp vùng.
Hoa chẳng lạnh lòng, người chẳng lạnh lòng.
Đó là điệu nhất tiên mai

Có một hôm, Thái-công đi qua trước sân vắng nghe tiếng đàn thanh tân nhưng đượm vẻ tiêu tao, ngỡ là duyên nợ chi đây. Thái công tỏ ý buồn phiền, liền cho con gái nhận Trần-công làm nghĩa phụ. Trần-công thuộc dòng dõi nhà Trần, về ở quê mẹ nên ngụ cư ở đó. Thái công làm một cái lầu ở trong vườn hoa của

(1) Huyền minh : Thủy thần, kinh Lễ, thiên Nguyệt lệnh : « đầu mùa đông, thần Huyền minh giữ mệnh lệnh.

(2) Cô dịch : tên núi, núi Cô dịch sản hoa mai. Đây Cô-dịch là nói hoa mai.

Trần-công, cho con gái sang ở bên ấy. Cách tường có một nhà quan, tuổi đã muộn mà chưa có con, một hôm khi đi bách bộ thường trăng ở trong vườn hoa, bỗng gặp một con trai nít ở dưới cây bích đào, đem về nhà nuôi và nhân đó đặt tên là Đào-lang đến nay đã lớn vào tuổi trưởng thành rồi. Thấy người con gái Thái-công nết nết na, tư chất khác thường, Đào-lang có ý xin làm rể. Hai ông cũng mừng là người đồng hương, bằng lòng gả cho nhau.

Khi đã làm lễ cưới rồi, Giàng-tiên về nhà chồng, thờ cha mẹ chồng rất hiếu, đối với chồng giữ lễ thừa thuận theo được như người thực nữ trong thơ « Quan thư » (1). Năm sau sinh con trai, năm sau nữa sinh con gái. Ngày tháng thắm thoắt đã ba năm rồi. Ngày mồng 3 tháng 3, tiên nữ tự nhiên không có bệnh gì mà mất, xuân xanh mới có 21 tuổi. Thái-công, Trần-công và nhà Đào lang rất thương buồn, tổng táng cẩn thận. Nói về tiên nữ, từ khi về châu trời, vì trần duyên chưa hết, tơ tình còn vương viu cho nên những khi thị phụng « Ngọc lâu » (2), hội yến « Dao tri » (3) thường thường chau mày, rỏ lệ; các nàng tiên động lòng ái ngại, tâu lên Thượng đế. Thượng đế phong làm Liễu Hạnh công chúa lại cho xuống trần gian. Tiên chúa về đến làng cũ thì đã đến ngày kỵ năm thứ hai rồi. Khi ấy Lão bà nhớ thương con, đến nơi phòng cũ của con, chỉ thấy gió cuốn rèm, bóng nắng soi vào cửa sổ, ống tiêu một nhấm, đàn ngọc nhện chằng, mảnh hóng phũ kín thơ đề vách, chuột già nhảy đồ chén trên bàn. Đồ dùng xưa còn đó, con thì ở đâu, càng trông càng nhớ đến người, Lão bà khóc lóc thảm thiết ngã vật xuống

(1) Quan thư: thơ Quan thư khen bà hậu phi vợ vua Văn-vương có đức tốt đáng sánh với Văn-vương.

(2) Ngọc lâu: lầu ngọc ở trên trời.

(3) Dao tri: nơi tiên ở trên trời.

đất. Tiên chúa vội vào ôm lấy mẹ mà rằng: « Con đây, mẹ đừng than khóc nữa! » Lão bà hồi tỉnh trừng mắt nói: « Con của mẹ ở đâu đến? Có lẽ con vẫn còn sống à? » Tiên chúa lắc đầu, nước mắt ròng ròng. Thái công, Trần công và người anh đều chạy đến, vừa sợ vừa mừng. Tiên chúa lay và khóc nói: « Con là người bất hiếu, làm lụy đến cha mẹ; không phải là con không muốn ở lại để hầu hạ cha mẹ, nhưng vì cơ trời khôn biết, số mệnh đã định. Xin ba vị cha mẹ nén lòng thương xót để cho con bớt được tội lỗi phần nào. » Tiên chúa lại ngoảnh lại dặn dò người anh trông nom bề thân, nói xong liền muốn từ biệt. Trần công, Thái công khóc giữ lại mà rằng: « Từ khi con bỏ trần gian, lũ ta thương phiền vô hạn, nay con lại về đây thì ở nguyên đây, sao lại từ biệt một cách vội vàng như thế? » Tiên chúa nói: « Con ở Đệ nhị tiên cung, vì có lỗi bị trích xuống trần, nay từ biệt kiếp trần, lại đến hầu nơi đế đình; chỉ vì nhớ công cha mẹ, tạm về thăm hỏi, dầu rằng ba hồn còn đó, nhưng chín phách không đần, thực là không thể nào thường thường ở luôn nơi nhân gian vậy. Cha mẹ có âm công, đã được ghi vào sổ tiên, sau này tất được đoàn tụ, xin đừng lo ngại. » Nói xong tiên chúa biến đi đâu mất.

Nay nói về Đào-sinh, từ khi vợ chết, chàng mang theo con vào Kinh đô, ở một mình trong phòng, bỏ cả việc học hành; lúc đứng lúc ngồi không lúc nào là không đeo nỗi u sầu. Một hôm, vào tiết đầu thu, cảnh sắc tiêu điều, giọt mưa rả rích, dưới thềm tiếng gió thổi vào lá chuối xào xạc, cảnh vật nơi đất khách quê người, nỗi niềm lại càng thêm bi thiết. Đào-sinh ôm con ngồi, ngâm hai bài thơ tứ tuyệt rằng:

Phiên âm

Ký nhái:

Trần kiếp ta hề lãng thử sinh

Tiền duyên âm tượng bất thăng tình

Đương niên Tư-mã cầu hoàng khúc
Biến tác ly loan biệt hạc thanh

Ký nhị:

Cô sầu khách dễ bất thành miên
Huống thị thê phong khổ vũ thiên
Thiên nhược hữu tình ưng niệm ngã
Mạo giao phong vũ quá song tiền

Dịch thơ

1—Trần kiếp than ôi luống những sầu
Duyên xưa nhớ lại nghĩ càng đau
Cầu hoàng (1) gãy khúc đàn Tư-mã
Hạc lánh loan chia (2) bởi tại đâu?

2—Buồn tênh quán trọ ngủ không yên
Gặp lúc mưa tuôn gió thổi phiền
Trời nếu có tình nên nghĩ lại
Đừng đưa mưa gió đến liên miên

Ngâm xong, con đã ngủ say. Sinh liền gọi người vú bế con đi ngủ. Xong rồi chàng ngồi xếp bằng tròn, suy nghĩ, lửa phiền như bốc cháy. Bỗng khi lạnh đầu đưa đến, ngọn đèn nửa sáng nửa mờ, chợt nghe có tiếng gõ ngoài cánh cửa rất kịp. Sinh mở cửa ra nhìn thì là Tiên chúa. Sinh vừa kéo áo vừa khóc, mà rằng: «Tiện sinh này có phúc được gặp tiên, sinh để con cái, gia đình sum họp, ngờ đâu giữa đường chia phôi, phương loan gãy cánh, chẵn đơn gối chiếc, tịch mịch nương nào, nay tiện sinh xin đi theo để thỏa tấm lòng khao khát.» Tiên chúa lấy tay áo che mặt nói: «Lang quân

(1) Cầu hoàng: Đời Hán, Tư-mã-tương-như gãy khúc đàn cầm «Cầu hoàng», nàng Trác Văn-Quân thông cảm khúc đàn ấy liền kết duyên vợ chồng với Tương-như.

(2) Loan chia hạc lánh: nói ví với tình duyên đôi lứa bị đứt quãng.

nói sai rồi, từ đời xưa, ai chẳng chung tình, nhưng không nên say đắm hồng trần mà quên chí thanh vân. Vả lại trên còn có cha mẹ, dưới còn có con thơ sẽ trông cậy vào đâu?» Sinh nói: «Tiện sinh không phải là không biết tự giữ gìn lấy hơi tàn, nhưng chỉ e vì buồn rầu về nỗi thương con nhớ vợ không chắc gì có sống ở đời được.» Tiên chúa nói: «Thiếp là tiên nữ trên thiên cung, chàng cũng là ngôi sao ở tòa thượng đế, duyên đôi lứa của chúng ta đều do tiền định, nhưng ân tình chưa trọn, ân ái chưa đầy, vài chục năm sau lại sẽ nối duyên cũ, chàng đừng nên quá thương tâm.» Nói xong, vợ chồng lên phòng ngủ. Tiên chúa hết lời khuyên chồng về đạo tu thân lễ gia. Đến gần canh năm, Tiên chúa dậy mặc áo, bảo Sinh rằng: «Cha mẹ thiếp ở nơi cổ hương rất có ý mong trông vào chàng, chàng nên thường tới thăm hỏi thay thiếp sớm chiều, không nên nhãng quên tình con rể.» Nói xong biến lên trên không đi mất. Từ đó tung tích như mây nổi lưng trời không nhất định ở đâu cả. Có khi giả làm gái đẹp thồi ống tiêu ở dưới trăng; có khi hóa làm bà già tựa gậy trúc ở bên đường; người nào dùng lời bốn cột tất bị tai vạ, người nào mang lễ cầu đảo tất được phúc lành. Tất cả các vật tiền bạc tơ lụa mà người ta dâng, đều mang về nhà cho cha mẹ dùng. Ít lâu cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi kế tiếp mất, năm sau Đào sinh cũng mất, con cái của Tiên chúa đã đến tuổi thành nhân. Trong lòng Tiên chúa không còn vướng vít gì, từ đó mới đi chu du thiên hạ, tìm nơi danh thắng, đem cảnh núi non làm cảnh tiên gia. Đến đất Lạng-sơn, thấy bên núi có một ngôi chùa phong cảnh hữu tình, hàng ngàn ngọn thông cao vút, nhiều khóm lan nhuộm tươi tốt um tùm, hạc ngâm hoa, vượn cúng quả, bia xanh rêu lấp, tượng Phật bụi mờ, ít có người đi lại vắng cảnh. Tiên chúa sau khi thăm chùa liền ngồi lên ghế đặt ở dưới gốc ba cây thông gầy đàn cầm hát rằng:

Phiên âm

Cô vân lai vãng hễ sơn thiều nghiêu
U điều xuất nhập hễ lâm yêu kiêu
Hoa khai mãn ngạn hễ hương phiêu phiêu
Tùng minh vạn bác hễ thanh tiêu tiêu
Tứ cố vô nhân hễ quỳnh trần hiêu
Phủ đàn trường khiêu hễ độc tiêu dao
Hu ta hê, sơn lâm chi lạc hê
Hạ giảm linh tiêu.

Dịch nghĩa

Đám mây bay đi bay lại chừ, núi cao ngất
Chim đàn lượn ra lượn vào chừ, rừng um tùm
Hoa nở đầy bờ chừ, hương thoang thoảng
Thông reo muôn hàng chừ, tiếng rào rào
Bốn mặt vắng tanh chừ, cách bụi trần
Gảy đàn ca hát chừ, tự ý tiêu dao.
Than ôi chừ, cái thú sơn lâm chừ, kém gì trên cung
mây.
Hát xong, chợt nghe ngoài đường có người xướng
rằng:

Dịch âm

« Tam mộc xâm đình, tọa trước hảo hê nữ tử ».
Tiên chúa đưa mắt lên nhìn, thấy một người chít
khăn nhà nho, mặc áo rộng, cưỡi con ngựa tốt, có mấy
chục người đi theo, có cờ tiết mao đi trước.
Chúa liền ứng thanh đối rằng:

Dịch âm

« Trùng sơn xuất lộ, tẩu lại sứ giả lại nhân ».
Người ấy xuống ngựa nói: « Nàng là người ở đầu
lại có tài thông minh như thế? » Tiên chúa tay trở vào

trong núi nói : « Tôi là người ở trong núi này ». Người
ấy lại xưng rằng :

Dịch âm

« Sơn nhân bằng nhất kỷ, mặc phi tiên nữ lâm phạm ».
Tiên chúa lại ứng khẩu đối rằng :

Dịch âm

« Văn tử đời trường cân, tất thị học sinh thị trường ».

Người ấy nghe xong, vội vàng vái chào, ngẩng đầu
lên thì chẳng thấy có ai nữa, tim lòng khắp cả trong chùa,
chẳng thấy tung tích gì, chỉ thấy cây gỗ « mộc » ngã
bên ngang đường, nhận kỹ ra có 4 chữ « mao khẩu công
chùa ». Trên cây « mộc » có lập một cái bảng treo lên
rằng : bảng mã dĩ tầu.

Người đi theo ông hỏi là ý nghĩa gì. Ông nói : Mao
khẩu công chùa lại thêm chữ mộc nghĩa là Liễu Hạnh
Công chúa vậy. Còn như chữ ghi bảng mã dĩ tầu nghĩa
là đợi ta họ Phùng (họ Phùng là Phùng khắc Khoan)
khởi công vậy (chấm « bảng » bên chữ mã là chữ
(Phùng), chữ « dĩ » ở trong chữ « tầu » là chữ « khởi »).

Mọi người đi theo nghe lời ông cắt nghĩa đều lè
lười lấy làm lạ. Ông liền gọi các phụ lão ở nơi sơn trang
ấy giao cho một khoản tiền để tu sửa nơi chùa ấy và
để một câu thơ ở hành lang bên tả rồi ra đi.

Thơ rằng :

Dịch âm

Tùng lâm tịch tịch phát nhân gia
(« nhân » đứng bên chữ « phát » là chữ « phật »).

Dịch nghĩa

(Rừng rậm tịch tịch có nhà Phật).
Bỗng nghe có người ở ngoài núi hát rằng :

Sở khúc nhiều văn nhân bất kiến
Mãn tiền sơn sắc bích ta nga.

Dịch nghĩa

« Mấy khúc ngừng mây » (1), người chẳng thấy.
Đầy trời sắc núi biếc xanh rì.

Từ đó về sau, Tiên chúa hành tung không định, lòng móm cười mây, chơi trăng cợt gió, tắt cả sông lớn, núi cao, chùa tháp danh thắng ở các nơi không chỗ nào là không có bút tích lưu đề. Sau lại có ý luyện mộ nơi phồn hoa, Tiên chúa trở về Đông kinh (2), thường đi lại đất « Trường-an » (3) như các chỗ « Hòe nhà » (a) « Báo thiên » (b) « Hoành đình » (c), « Đông tân » (d) v.v... không ngày nào là không lui tới, người thường không biết dân mà lường tung tích được.

Khi ấy quan Thị ngự họ Phùng đi sứ Bắc quốc mới về, giữ việc bộ lại. Việc quan bận rộn, giấy tờ chồng chất, suốt ngày không được lúc nào thư thái. Bỗng nhớ đến những nơi danh thắng mà khi sứ trình đã đi qua như hồ Động đình (4), lầu Hoàng hạc (5), lầu Nhạc dương (6), sông Xích bích (7) v.v... trước kia phóng khoáng như thế nào! ngày nay phiền nhiễu như thế nào! nhớ đến câu thơ của Sầm lâu tử nói:

(1) Mấy khúc ngừng mây : mấy khúc hát hay quá, đến đám mây đang bay ở trên trời cũng phải ngừng lại.

(2) Đông kinh : Hà-nội bây giờ.

(3) Trường-an : nơi để đô (Hà-nội bây giờ).

(a) (b) (c) (d) : đều là những thắng cảnh ở Hà-nội khi ấy.

(4) Hồ Động đình ở vào đất Hồ-nam Trung-quốc.

(5) Lầu Hoàng-hạc ở về huyện Vũ-xương tỉnh Hồ bắc Trung-quốc.

(6) Lầu Nhạc-dương ở về huyện Nhạc-dương tỉnh Hồ nam Trung-quốc.

(7) Sông Xích-bích ở về phía nam huyện Nhạc-dương. Núi Xích-bích ở về tỉnh Hồ bắc Trung-quốc.

Dịch âm

Xoa lạp duyên hồ vinh bội ấn
Tang ma hế dã thẳng phong hầu.

Dịch nghĩa

Mặc áo tơ đội nón dạo chơi xung quanh hồ, vinh
diện đeo ấn (cảnh làm quan).

Dâu gai mọc đầy ngoài đồng nội (cảnh điền viên)
găm thú vị ấy lại còn hơn được phong hầu.

Ngâm nghĩ câu thơ ấy liền nảy ra ý tưởng tìm một
cuộc nhàn du cho khuấy khỏa tinh thần. Phùng liên
đeo túi thơ mang bầu rượu cùng với hai bạn thiếu niên
là Cử nhân họ Ngô, Tú tài họ Lý đến Tây hồ đi tản
bộ. Hôm ấy gặp ngày đầu hè, sắc trời sáng sủa, ba
người đi qua một dải vườn « thượng lâm » (1), trải
nhiều nơi hoang đình thủy tạ, gió mát thoảng đưa
hương sen thơm nức, bỗng chốc đã đến bờ hồ Tây rồi.
Lý bảo Phùng rằng : « Ngài học giầu năm xe (2), tài
cao bảy bước (3), nay gặp lúc trời quang cảnh đẹp, lại
không thi hứng sao ? » Phùng liền ngâm rằng :

Phiên âm

Danh lợi bốn ba nhất phiến trần
Tây hồ thốn bộ hốt nhàn thân
Bồng lai phương trượng giai hư huyền
Thủy tín tiên phạm tổng tại nhân

(1) Thượng lâm : vườn của nhà vua.

(2) Học giầu năm xe : bởi chữ « ngũ xa thư » là nói học được
nhiều sách chất đầy năm xe, tượng trưng người học rộng.

(3) Tài cao bảy bước : bởi chữ « Thất bộ thành thi ». Đời Ngụy,
Tào Thục đi bảy bước đã làm xong bài thơ.

Dịch thơ

Danh lợi bon chen một cuộc đời
Tây hồ phóng bộ thành thời chơi
« Bồng lai » (1) « Phương trượng » (2) đều hư huyền
Tiên, tục chẳng qua chỉ ở người
Ngô nổi lời ngâm rằng :

Phiên âm

Oánh nhiên phương thốn (3) tục trần vô
Bao quát căn khôn nhất họa đồ.
Tế nguyệt quang phong tùy sai lạc
Mục trung hà xứ bất Tây hồ.

Dịch thơ

Trong lòng quét sạch bụi trần như
Bao quát căn khôn một họa đồ
Trắng sáng gió trong tùy hứng thú
Đâu đâu chẳng phải chốn Tây hồ ?
Lý cũng ngâm rằng :

Phiên âm

Hoa nghinh khách điểm liễu nghinh thuyền
Tân nhật Tây hồ tận túy miên
Tĩnh khởi thi đàm kinh tứ tọa (4)
Thử thân ưng thị trích thần tiên.

Dịch thơ

Hoa chào khách điểm liễu chào thuyền
Suốt tháng Tây hồ ngủ liên miên

(1) Bồng lai : nơi thần tiên ở (ngoài bể).

(2) a : nói diện tích vuông một trượng, nơi sư tăng trụ trì.
b : một ngọn núi ở ngoài bể.

(3) Cái bụng con người gọi là « phương thốn ».

(4) Bản sách in chữ « yến ». Xét ra không có nghĩa. Vậy tạm đổi
làm chữ « tọa ».

Tĩnh dậy bàn thơ, kinh khắp chốn
Thần này có lẽ tiểu thần tiên.

ên

Sau khi thưởng thức Phùng-công nói rằng: « Từ thơ của Ngô huynh thanh kỳ, từ thơ của Lý huynh phóng dật, khí tượng hai đại huynh đều có khác nhau, tóm lại đều là tuyệt diệu, thật là tiên tài vậy. » Ngô và Lý nói: « Từ thơ của lão đài thâm trầm lỗi lạc, chính là phong cách đại gia. Chúng tôi là hàng văn bối bất chước chưa nổi, chỉ thêm trò cười bán nước ở đầu sông mà thôi, có đâu xứng đáng với lời quá khen của ngài.

Dù vậy, « Cung Quảng » (1) dấu xa, cảnh quế thi gần, nàng Hằng-Nga có lẽ cũng đề bụng yêu đến kẻ si tình vậy ». Ba người nhìn nhau cười ầm lên, rồi lại cứ lần theo bờ hồ mà đi, nhìn xem phong cảnh, chợt thấy thấp thoáng dưới bóng rặng cây hòe ở đằng xa, lộ ra một tòa lầu lầu, làn hoa khướm khúc, trúc mọc lơ thơ, trước quán có treo cái biển đề bốn chữ (Tây hồ phong nguyệt) thật lớn, bên cửa viết hai câu đối đỏ rằng:

Hồ trung nhân nhật nguyệt
Thành hạ tiểu căn khôn.

(Ngày tháng tiên dao trong bầu rượu, Vòng trời đất nhỏ hẹp ở dưới thành). Trong cửa màn the lấp loáng, có một vị mỹ nhân tươi trẻ mặc áo đỏ, đứng tựa trước cửa sổ. Lý sinh tiến lên chào, hỏi rằng: « Lầu đài chốn này là lầu đài gì, bọn chúng tôi quá chân vào nhầm cõi Bồng lai, muốn nhờ quý trang mượn làm nơi thắng hội « Lan đình » (2), không biết chốn tiên cung có dung trần tục chăng? » Mỹ nhân nói: « Đây là quán hàng mới của Liễu nương vậy. Các ông đã là người thi tửu, ngồi chơi chốc lát có hại gì? » Nói xong liền sai thị nữ

(1) Cung Quảng · cung Quảng-hán ở trên mặt trăng

(2) Lan đình · nơi Vương-hy-Chi họp bạn uống rượu (Đời Tấn).

cuốn màn cửa sổ. Ba người nghiêm chỉnh bước vào, ngồi ở dưới cửa sổ phía nam, uống rượu nói chuyện, nhận thấy cảnh vật rất là trang nhã. Trước thềm chim anh vũ học nói, trong hồ đóa hoa sen thoảng thơm, trên tường có thơ đề và treo nhiều bức cổ họa. Lý sinh đưa mắt nhìn thấy phía tường bên đông có bài thơ tứ tuyệt đề rằng :

Phiên âm

« Điểm phương môn nội chiếu minh nguyệt.
Thời chính nhân bang lập thổ khuê
Khách hữu tam tinh câu nguyệt đới
Huệ nhiên nhất mộc lưỡng nhân đề »

Lý ngoảnh lại bảo Phùng rằng :

« Ông có rõ ý nghĩa câu thơ này chăng ? » Phùng ngẫm nghĩ làm như hình không hiểu. Lý bèn đem bốn câu tứ tuyệt ấy đoán chiết tự thành là chữ rằng :

Phiên âm : Điểm phương nhân

Dịch nghĩa : Điểm đương rồi

Phiên âm : Thời chính nhai

Dịch nghĩa : Thời rất tốt

Phiên âm : Khách hữu tâm

Dịch nghĩa : Khách có lòng

Phiên âm : Huệ nhiên lai

Dịch nghĩa : Mời đến chơi

Khi chiết tự xong, nhân lúc tửu hứng, Lý hướng vào trong bình phong nói to lên rằng : « Chủ nhân đã có lòng tốt mời khách đến chơi, nay khách quý đầy nhà, há lại không tặng cho chút vật gì à ? » Nói vừa dứt lời, đã thấy thị nữ mang một bức họa liền nói : « Chủ nhân tôi nghèo không có gì kính tặng, nay có đầu đề bài thơ đang đến, để giúp tửu hứng, nếu các quý khách không tiếc lời vàng ngọc thì cũng là một cuộc đàm

thoại hay nhân kỳ gặp gỡ này vậy.» Lý sinh vội vàng
tiếp lấy tờ hoa tiên ấy, xem ra là đầu đề thơ bài luật
«Tây hồ quan ngư». Lý liền ứng khẩu nói: « Xin vâng
mệnh, xin vâng mệnh.» Phùng nói tiếp: « Đã nhận nhĩ
ý của chủ nhân, chúng tôi xin lập tức liền ngâm, chỉ
hiềm tài mọn thơ kém, muốn có điệu « dương xuân » (1)
của chủ nhân dẫn đầu cho.» Thị nữ bước vào trong
nhà, liền lấy ra một câu rằng:

Tây hồ biệt chiếm nhất hồ thiên

Lý liền nối ngâm rằng:

Túng mục kiên khôn tận khoát nhiên
Cổ thu nhiều trang thanh mịch mịch

Phùng ngâm:

Kim ngư khoát thủy lục quyền quyền
Sinh nhai hà xứ sở gian ốc

Ngô ngâm:

Hoạt kế thủy gia nhất chích thuyền
Cách trúc sơ lý văn khuyến phệ

Lý ngâm:

Phanh trà bại bích thấu trừ yên
Khinh khinh quế trao thứ trung đẳng

Phùng ngâm:

Đoản đoản xoa y thân thương xuyên
Phảng phất Động đình du Phạm Lãi (2)

Ngô ngâm:

Y hy bích hàn phiếm Trương Khiên (3)
Thiên tâm hiệu đẳng am thâm thiền.

(1) Dương xuân: một khúc hát rất hay của người đời xưa. Tống-
Ngọc nói: « Khúc dương xuân, bạch tuyết không mấy người họa được »

(2) Phạm Lãi giúp Việt-vương Câu Tiễn phá được Ngô Phù-sai rồi
liền đi ẩn, thường bơi thuyền đi chơi hồ Động-dinh.

(3) Trương-Khiên về đời Hán Vũ đế, cưỡi thuyền đi khắp các
nước Nhục chi, Hung nô v.v... lập công nơi xa xôi, từ trước chưa có
gót chân ai đến các nơi ấy.

Lý ngâm:

Từ cổ vì mang diệt hậu tiên
Ái nãi vãng lai hồng liễu bạn

Phùng ngâm:

Ấu a xuất nhập bạch lư biên
Sa trung hiệp hỷ vọng cơ lộ

Ngô ngâm:

Vân ngoại nhân khan xuất tính diên
Kỷ khúc thương ca văn thủy quốc.

Lý ngâm:

Nhất song bạch nhãn ngạo trần huyền
Giao đầu đối thoại y hà cái (1)

Phùng ngâm:

Thân thủ tương chiêu hỷ khiếm tiền » (2)
Lập phong liên gian tàng thái nộn

Ngô ngâm:

Lam trần sao để dưỡng ngư tiên
Hoặc tương đàm tửu hoa tùng chúc.

Lý ngâm:

Thời chậm trường cao liễu ảnh miên
Túy hậu linh tinh (3) phao thủy diện

Phùng ngâm:

Dục dư hiệu liễu (4) bộc phong tiên
An hoa mục tử thân bằng kết.

Ngô ngâm:

Thượng uyển tiểu phu cự ước kiên
Bão tất từ ngô quan bạng thế

(1) Hà cái: lọng bằng lá sen.

(2) Khiếm tiền: tiền bằng lá sừng.

(3) Chữ « tinh » sách in nhầm đó là chữ « tỉnh ». Linh tinh là cái giỏ.

(4) Hiệu liễu: hiệu liễu là tiếng phương ngôn của đất Giang nam.
tức là cái quần đùi, bay là cái khố.

Lý ngâm:

Thâm hàm tiểu bị một long uyên
Vong sơ mỗi ty thế đồ hiêm

Phùng ngâm:

Câu trực tu tương lợi nhĩ huyền
Hàn chữ hạ lai do ái nhật

Ngô ngâm:

Trường an đông tận vị tri niên
Tam công khắng bả yên hà hoán

Lý ngâm:

Bán điểm ninh dung tục lự khiến
Vý thủy nhậm phù bản bá bốc

Phùng ngâm:

Đào nguyên hảo phổng Vũ lãng duyên
Văn chung sa giác tâm vi phật

Phùng ngâm chưa dứt lời, thấy trong lầu có người
ứng thanh ngâm rằng:

Đắc nguyệt ưng tri ngã thị tiên

Ba người đều khen rằng: « Thật là câu kết hay, thật
là câu kết hay. »

Dịch bài thơ « Tây hồ quan như » liên ngâm ở trên.

Hồ Tây riêng chiếm một bầu trời

Phong cảnh xa nhìn tự thành thơ

Cây cỏ quanh nhà lá xanh biếc

« Trâu vàng » (1) đầm vụng nước trắng ngời

Vài gian nhà lá đủ nường nấu

Một chiếc thuyền con tìm sinh nhai

Nấu trà vách nát khói nghi ngút

Cách giậu phen thưa chó sủa hoài

Chèo quế tay cầm nhẹ nhẹ dầy

(1) Xưa truyền rằng có con trâu vàng ở Trung-quốc lông sang
rừng vầy thành ra hồ Tây.

Áo tôi mình khoác thừa khoan thai
Vãn cảnh Đông đình kia Phạm-Lãi
Cưỡi bè Trương-Khiên vượt khắp nơi
Nghìn tầm mông mênh sáu nông rỗ
Bốn mặt mịt mờ chim nổi chơi vơi
Mái chèo đưa đầy lau lách lướt
Tiếng hát hồ khoan xú vẹt trôi
Bạn cùng cò cốc trong bãi cát
Nhìn xem điều hâu ngoài bể khơi
Mấy khúc hát hay vang mặt nước
Một đôi « mắt trắng » (1) ngạo người đời
Tiền bằng lá súng, hải lại hải
Lọng đội lá sen, lời nổi lời.
Thả nón mặt hồ rau chẳng héo
Dim giỏ dưới nước nuôi cá tươi
Chuốc rượu trong hoa say tùy lữ
Gối chèo bóng liễu nằm nghỉ ngơi.
Say rồi vút giỏ trên làn sóng
Tắm xong cỡi khố ra nắng phơi
Mục tử già kia là bạn hữu
Tiểu phu hẹn trước luống hôm mai
Móc hàm rồng, kẻ tham châu ngọc (2)
Ôm đầu gối, ta chờ cò trai (3)
Lưới trời thừa thế mà không sót
Lưới câu thẳng, nào chịu mắc mồi
Trời đã sang hè, nắng vẫn thích
Đông dù đã hết, năm còn dài
Phú quý sao bằng thú trắng gió
Thanh cao không nhuộm bụi trần ai

(1) Bời Tán, Nguyễn Tịch tiếp người hiền bằng con mắt xanh, tiếp người xấu bằng con mắt trắng.

(2) Câu này răn đời tham mồi phú quý thì sẽ nguy hiểm như là kẻ móc hàm rồng tìm ngọc.

(3) Con só con trai găng nhau, trai ngậm mỏ cò không nhả ra, Người đánh cá vò được cả đôi.

Sông Vỹ thủy không tin lời bói (1)
Bến Đào nguyên mong được trùng lai (2)
Chuông rung, bỗng tưởng lòng là phật
Trăng dọi, ta là tiên chứ ai?

Đương lúc cao hứng tán thưởng với nhau, chợt thấy ở ngoài lầu có một người ngư nhân, chân đi đất, đầu trần, quần cũ áo ngắn, tay cầm giỏ trúc trong có ba con cá lớn, trông về phía mặt trời lặn vừa đi vừa hát rằng:

Ngã chu trung hồ dậu hễ,
Nhĩ điểm trung tinh liễu hễ,
Thủy tri chiêm bốc đạo hễ.

Dịch

Bầu rượu ở trong thuyền ta chừ
Dò cá ở trong điểm nằng chừ
Nào ai biết phép bói toán chừ.

Phùng lắng nghe không hiểu ý ra sao. Lý sinh nói: « Có lẽ người kia có bí thuật "Quân-Bình" (3) chẳng? » Phùng còn đang nghi ngờ. Chợt thấy trong lầu có một thị nữ mặc áo xanh mang một hồ rượu đưa biểu ngư nhân, ngư nhân nhận lấy, không nói năng gì, treo cá ở ngoài lầu rồi đi. Thị nữ mang sáu cá ấy vào trong lầu, chưa đầy nửa khắc đã làm xong cá gỏi đem ra. Ba người đương thỏa thuê về hứng rượu ngon nhắm tốt, thì thấy một vị mỹ nhân mặc áo hồng dịu dàng tiến bước ra, chễm chệm ngồi xuống ghế nói: « Được các vị nhà văn quá bộ lại chơi, gọi là có một món ăn nhỏ mọn, tỏ lòng cảm tạ thịnh tình ». Ngô sinh nói:

(1) Chu Văn-vương xem hỏi tìm được Lã Vọng câu cá ở Vỹ thủy, đem về dùng làm Đại tướng.

(2) Đời Tấn, có người ở Vũ-lăng đi đánh cá lạc vào Đào nguyên là nơi tiên cảnh.

(3) Đời Hán, Nghiêm Quân-Bình là người nước Thục bói rất hay. Bói theo quẻ Kinh Dịch.

« Chúng tôi tự tiện đến chỗ tôn nghiêm này, rất lấy làm sợ hãi và hổ thẹn. » Lý sinh nói: « Khúc hát của ngư nhân rất là khó hiểu, xin mỹ nhân giải rõ ý nghĩa cho chúng tôi được biết. » Mỹ nhân cười mà rằng: « Câu hát ngông ấy có khó nghĩa gì đâu. Chữ « hồ dầu » là nói trong hồ đã hết rượu vậy, chữ « tinh liễu » là nói trong dỏ của ta không có cá vậy. Còn câu cuối có nói chữ « chiêm bặc » chỉ là ngu ý sự bói toán ở trong Kinh Dịch mà thôi. » Ba người nghe nói than rằng: « Nàng có lẽ là người trời chăng? Sao mà linh tuệ đến như thế! » Mỹ nhân nói: « Các ngài bụng chứa gấm vóc miệng phun châu ngọc, thật là đáng kinh sợ. Vừa rồi tôi ngẫu nhiên nghĩ ra một vế câu đối, xin các ngài đối cho. »

Đối xong, chào ba ông khách, trở vào nhà trong. Ba người liền nhân lúc có trăng ai về nhà ấy. Đến vài tháng sau lại đến chỗ cũ thì chỉ thấy nước hồ mênh mông, chẳng có lầu đài nhà cửa gì cả, to nhỏ chỉ nghe tiếng ve sầu kêu ve ve ở trên cây mà thôi. Ba người rải chiếu ở dưới bóng cây ngồi chơi, chợt thấy thân cây có hai hàng chữ triện rằng:

Phiên âm

Vàn tác y thường phong tác xa
Tiên du đầu xuất mộ yên hà
Thế nhân dục thử: ngô danh tinh.
« Nhất đại sơn nhân ngọc Quỳnh Hoa ».

chữ « nhất » và chữ « đại » tức là chữ « thiên » Chữ « nhân đứng » và chữ « sơn » tức là chữ « tiên ».

Dịch nghĩa

Lấy mây làm xiêm áo, lấy gió làm xe
Buổi sáng đi chơi vùng trời « đầu xuất » (1)

(1) Đầu xuất là vùng trời thứ tư (theo Phạm ngữ, Kinh Phật).

Buổi chiều ngao du nơi mây khói

Người đời nếu muốn biết họ tên của ta.

Ta đây là người tiên trên trời tên là Quỳnh Hoa.

Lý sinh nói: « Xem ý câu thơ này, khí cách không phải là người tầm thường, chuyển trước chúng ta được gặp gỡ chắc là thiên tiên, thật là hân hạnh lớn vậy. » Phùng công gạt đầu, nhân đem chuyện năm trước đi sử khi qua núi về mạn Lạng-sơn có gặp tiên nói cho hai bạn nghe. Ngô sinh ngậm ngùi nói: « Câu thơ của lão đài trước cho thần tiên là hư huyền. Nay mới tin việc « La Thập » (1), « Tăng-Nhu » (2) ngày xưa không phải là hoang đường. » Trò chuyện xong, ba người cùng về mang một ý tưởng tiếc rẻ và huyền vọng.

Lại nói về Tiên chúa khi đã dời hồ Tây, lại đến làng Sóc ở Nghệ-an. Về bên đông làng Sóc có một dải rừng đào, núi vòng phía nam, khe bọc phía bắc, có cảnh sơn thủy đẹp. Gặp cảnh mùa xuân tháng hai, cây nào cũng nở hoa, rất là đáng yêu. Tiên chúa ở dưới bóng cây lau, kê bên hòn đá trắng ngồi chơi, nhìn xem phong cảnh thấy hoa rơi mặt nước, nước biếc hoa hồng, ánh sáng lấp lánh không kém gì cảnh đẹp ở Đào Nguyên, chỉ thiếu có người ngư lang hỏi bến má thôi. Nhân đi bộ đến bên suối nhặt hoa chơi, thì bóng chiều đã xế, quạ già kêu vang. Bỗng thấy chân núi có một thư sinh trẻ tuổi, tư cách thanh kỳ, nghi dung nhàn nhã, đi sang phía thôn tây. Tiên chúa đứng xa bảo người thư sinh ấy rằng: « Thiếp nay nhân quá bước xem hoa, lạc đường, muốn đến trọ nhà ông một

(1) La-Thập : Thôi-la-Thập. Ở núi Trường bạch có mộ một vị phu nhân. Về đời Ngụy, Thôi-la-Thập đi qua chỗ ấy trong khi đêm tối. Vị phu nhân ở trong mộ hiện ra. Thập tặng vị phu nhân ấy một cái trân ngọc, phu nhân tặng lại một cái nhẫn ngọc và nói: « Mười năm sau sẽ lại trùng phùng ». Nói xong biến mất.

(2) Ngư-tăng-Nhu. Đời Đường Mục tôn làm đến chức Tề tướng, có làm bộ sách *U quái lục*.

đêm, xin đừng câu nệ thế tình». Người thư sinh ấy
ngờ là con gái trắng hoa, nên tảng lờ không nghe thấy,
rảo bước đi ra nơi khác. Té ra người thư sinh này
nguyên là chồng trước của Tiên chúa, chỉ vì khi trước
ôm sâu mà thác, nay lại thác sinh ở nơi này. Lúc ấy
thư sinh mới đến tuổi thành nhân, chỉ khi khác người,
có tài « tựa vào mình ngựa làm thơ » (1), có dáng đẹp
khiến gái yêu vứt quả (2). Nhưng không may cha mẹ
mất sớm, lại không có anh em, chưa lấy vợ, nghèo
cùng quá nổi. Ngày hôm ấy đi học về, chợt gặp Tiên
chúa. Thư sinh này bản tính vẫn nghiêm trang và lại
không rõ duyên ước kiếp trước, cho nên nghiêm nhiên
chống lại lời xin trợ của Tiên chúa.

Có một hôm, thư sinh đi chơi, thấy một cây đào ở
bên đường có bức hoa tiên đề một bài thơ rằng:

Phiên âm

Diễm chất thiên nhiên bất giả tài
Phương tâm trinh thủ kỷ niên lai
Khởi dung trần tục đẳng nhân kiến
Trực dải đồng quân thứ đệ khai
Tổ nữ tương tri trường ngã chiếu
Phong di truyền tin vị thủy môi
Tảo tri lưu thủy vô tình luyến
Mạc khiến phi hồng trục khách bồi

Dịch thơ

Chất tốt thiên nhiên chẳng phải trồng
Lòng trinh gìn giữ đã bao đông

(1) Hoàn Tuyền-vũ đi đánh phương bắc (tên tự Hoàn Ôn) gọi Viên Hồ thảo tứ hịch. Viên Hồ đứng tựa vào mình ngựa thảo xong ngay-vân viết hay (Thế thuyết).

(2) Phan Nhạc tuổi trẻ người đẹp, mỗi khi đi ra đường, con gái đua nhau ném hoa quả vào Nhạc, tỏ ý yêu mến (Tấn thư).

Người phàm xá kể nơi trần tục
Hoa nở còn chờ ngọn gió đông (A)
Tổ nữ (1) biết nhau soi bụng rõ
Phong di (2) đưa mỗi với ai cùng
Sớm hay nước chảy không lưu luyến
Chẳng đề hương bay bén chén đồng (3)

Thư sinh xem xong, càng thêm trọng nghĩa mến tài
thở than mà rằng: « Sức bút đều đặn, lời thơ tươi đẹp,
không ngờ trong thế gian lại có tài nữ dường này! Dầu
« Di-an » (4) và « Thục-chân » (5) sống lại, cũng chưa
chắc là ai hơn ai kém vậy. » Nói xong, liền họa vắn, đề
ngay bên bài thơ trước rằng:

Phiên âm

Tạc kiến dao tri diện ngoại tài
Như hà tiên chủng lạc trần lai
Mãn tiền phàm thảo nhân vô ngữ
Độc bạng u lan không tự khai
Huyền quân phong quang ưng thủ tiểu
Chu môn (6) cường lãng cảm thông môi

(A) Gió đông : gió xuân.

(1) Tên một người thần nữ. Theo sách Sử ký trời sai Tổ nữ gầy
đàn sắt 50 dây, tiếng rất bi ai, trời ngăn không được, liền phá đàn
đi lấy chỉ để lại 25 dây.

(2) Phong di : di gió, nhờ sức gió đưa đi để làm mối giới.

(3) Chén đồng : chén rượu hẹn ước. « Tưởng người dưới nguyệt
chén đồng, Tin sương luống những rày trông mai chờ. » (truyện Kiều).

(4) Di-an cư sĩ là tên hiệu của Lý Thanh Chiếu, nàng là vợ Triệu
Minh Thành, cô tài thi văn, nổi tiếng về « từ ». Nàng là một nhà văn
lứa đời Tống.

(5) Thục chân : Chu thụ Chân người con gái ở Tiền đường (Trung-
quốc) rất giỏi về thơ và từ, tác giả « Đoạn trường thập » (đời Tống).

(6) Chu môn : cửa đỏ tức là cửa nhà phú quý.

Tương phùng lâm hạ táng trù trưởng
Dục túy la phù (1) nhất tửu bôi.

Dịch nghĩa

Vừa rồi tôi được hân hạnh trông thấy cây đào tiên
trồng ở ngoài đền Dao tri.
Không rõ sao thồ sản trên cung tiên mà lại lạc xuống
trần gian.
Thứ đào qui bầu ấy không hề kết bạn với loài cây
cổ tầm thường.
Sao chỉ nở hoa một cách tự nhiên bên cây lan mọc
nơi bóng tối.
Thẹn mình là thư sinh tài kém, e bị bậc cao minh
chê cười.
Cò đâu dám điên cuồng mà đường đột gửi lời mời
lái đến cửa thần tiên.
Gặp nhau ở dưới rừng lại càng thêm gọi mời sâu.
Nay tôi cả gan muốn được uống say một chén rượu
la phù.

Thư sinh đề thơ xong, mơ màng như trong giấc mộng,
muốn vào rừng tìm bạn tri kỷ, lại e có ý đường đột,
bất đắc dĩ chàng ngồi ở dưới bóng cây, bàng hoàng
nhìn quanh, mãi đến bóng đã xế chiều mới miễn cưỡng
trở về nhà. Lúc ấy gặp kỳ mưa xuân liên miên mấy
ngày, cảnh gọi thêm sầu chàng liền nghĩ một bài
« từ » rằng :

Phiên âm

Tài hà nhai, tình hà hảo, nhất phiến tài tình liêu
khách nào.
Khách nào kỷ thời tiêu, tương tầm bất pha dao.
Phong hốt khởi, vũ hốt chí, thâm ta chi xích thành
thiên lý.

(1) La phù : tên núi, chỗ tiên ở. Rượu la phù : rượu tiên.

Vũ bá phong di thái bạc tình.
Xuân sâu liên tịch hộ thường quy nh.
Kỷ hồi mộng nhiều đào nguyên lý.
Dục bá thiên kim mãi nhất tình.

Dịch bài « từ »

Tài tốt đẹp nhường nào ! tình nồng nàn nhường nào
một mảnh tài tình trên người xiết bao !

Gió thổi bùng lên, mưa tuôn sập đến, khiến cho cách
nhau chỉ tắc thước mà hóa ra xa nghìn dặm. Gió gió
mưa mưa luống gọi phiền. Xuân sâu vắng đặc cửa gài
then. Đào nguyên chan chứa lòng mơ tưởng. Trời tạnh,
dầu mưa chẳng tiếc tiền.

Ngày hôm sau, khi trời quang tạnh, vừa đi vừa
tưởng tượng rằng : « Bài thơ mà ta đề mấy hôm trước,
có lẽ bị mưa gió làm rách nát, chả biết có được mỹ
nhân thưởng thức đến chăng ? » Khi thư sinh đến nơi
thì hoa đào vẫn tươi tốt, nét mực còn y nguyên. Chỉ
có mỹ nhân thì không thấy tăm hơi đâu cả. Đứng ngâm
đọc lại bài thơ của mỹ nhân, lòng thêm áy náy, thư
sinh lại họa rằng :

Phiên âm

Vạn chủng tương tư thận nhất tài
Tâm phương nhĩn phụ thử trùng lai
Sở hàng cầm tự nhân như tại
Nhất trận xuân phong hoa chính khai
Thủy cổ trùng mộng quán hữu ý
Khiên kỷ thác hận ngã vô mồi
Hu ta kỳ ngộ thành ô hữu
Sầu hải mang mang lãng (1) độ bồi.

(1) Câu thứ 8, chữ thứ 5 trong sách in không rõ, nêu tạm đổi
là chữ « lãng ».

Dịch nghĩa

Hàng ngày trông muôn mầm tương tử.

Tim hoa dâu nữ đề phũ phàng đến lần thứ hai này.

Vài hàng chữ gấm còn kia, tưởng tượng như là
giai nhân vẫn ở đó.

Một trận gió xuân đưa đến, khiến cho hoa đào
mim cười đua nở.

Hân hạnh được giai nhân lại có nhã ý hạ cố

Phân nân cho tiểu sinh sai hẹn không tìm mối manh.

Than ôi duyên kỳ ngộ thành ra không đâu.

Bề sâu mộng mệnh lại lãng gửi vào chén rượu.

Thư sinh đề thơ xong, xa nghe trong rừng có tiếng
nói rằng: « Người quân tử lại đến đây à? » Thư sinh
trông rõ là Tiên chúa, mừng rỡ vô cùng, đến trước
mặt chào nói: « Trước kia được mỹ nhân đề ý đến,
lòng luống cảm động, tự nghĩ tài mọn không xứng
đáng, ai ngờ hân tình nhã ý, quyến luyến không quên,
cho đến kẻ thư sinh này dám cả gan họa lại. Tự nghĩ học
trò nghèo, duyên phận mỏng, nay được gặp tiên, chính
kẻ thư sinh này cũng không biết kiếp tu từ bao giờ
mà ngày nay có kỳ ngộ này vậy. » Tiên chúa mời thư
sinh cùng ngồi lên hòn đá và nói: « Thiếp là con nhà
quan ở huyện bên kia, cha mẹ mất sớm, nhà cửa tiêu
diêu, có ý muốn kén chồng, nhưng e nhiều kẻ trên
gheo. Vừa rồi, thiếp xa lánh nơi phồn hoa, vào nơi
rừng núi, nhận thấy lang quân là người nho sĩ phong
nhã, cho nên có lòng quyến luyến. Nếu người quân tử
không hẹp hòi câu nệ, kết nghĩa tóc tơ, có lẽ cũng là
duyên ước hương lửa ba sinh vậy. Thư sinh cả mừng
nói: « Cảm tạ tấm lòng, sẽ xin cậy người làm mối. »
Tiên chúa cười nói: « Người trượng phu làm việc không
cần câu chấp lễ nghi lặt vặt. Kia xem nàng Văn-quân (1),

(1) Văn-quân: nàng Trác Văn-quân cảm tiếng đàn của Tư-mã Tương
như là người có tài liền tự do đi theo kết làm vợ chồng (Hán sử).

nàng Hồng-phật (1), đời sau cũng chẳng ai chê là trái lẽ mà chỉ khen là biết yêu tài. Thiếp với lang quân, trên không có cha mẹ, dưới không có thân thích, tri kỷ gặp nhau, một lời như vàng đá, còn cần gì phải mối lái làm gì. » (Hai bên liền xướng họa) (2)

Khi xướng họa xong, hai người đi thông thả cùng về. Về đến nhà, trông mặt trăng đỉnh ước, hương lên trời lay tạ. Từ đó sắt cầm hòa hợp. Kinh yêu lẫn nhau. Sinh do đó quyến luyến nơi xuân khuê, biếng nhãng chốn « cửa tuyết » (3). Có một đêm, tiên chúa còn đang ngồi dệt cửi, sinh nhân lúc đêm trăng ở trường học về nhà, liền ngồi xuống trước sân, đốt hương cùng uống rượu, sinh thừa tửu hứng nói: « Sắc thu sáng, mặt trăng trong, hai mươi tám ngôi sao phân minh, ái khanh (4), ái khanh, đối với đêm thanh này tình sao? » Tiên chúa nhận thấy sinh có ý lả lơ, liền nhân lời sinh vừa nói, lấy tên 28 ngôi sao (5) viết thành một luật thơ rằng:

Phiên âm

Nữ nhan thủy vị viên thư phòng
Tất bả nguy tâm định chủ trường

(1) Hồng-phật : tên là Ưng-Trần, là kỹ nữ của Dương-Tổ, rất đẹp, biết chữ. Khi Lý-Tĩnh vào yết kiến Dương-Tổ, nàng cầm cái phất trần đỏ đứng hầu, nhận biết Tĩnh là người có tài, đang đêm liền trốn đến nhà trọ với Tĩnh nói: « Thiếp là kẻ cầm phất-trần đỏ buổi sáng đây » liền kết làm vợ chồng (Đường sử).

(2) Chúng tôi lược đi 2 bài thơ xướng họa vì không có từ gì mới

(3) Hời chữ Hàn: « Tuyết môn », vì có điển Trình môn lập tuyết. Hời Tống, Dương-Thị đến học Trình-Di, gặp mùa đông lạnh có tuyết, Thị vẫn đứng hầu thầy.

(4) Ái khanh là tiếng vợ chồng gọi nhau, tỏ tình thân ái.

(5) Hai bài xướng họa đều vận dụng tên 28 ngôi sao chính trời. Các ngôi sao khác đều phụ thuộc vào 28 sao này. Nhà thơ mượn ý nghĩa để nói việc học.

Lân chấn thất hư phân bích diễm
Nguyệt đề mao giác tá lâu quang
Liều văn tinh bình tu tham cứu
Cơ phó ngư mao yếu tỉnh tường
Chủy thổ khuê hàn tranh quý đầu (1)
Vũ môn dục vĩ sản dương cang.

Dịch nghĩa đại ý

Ai bảo quyền luyện về nữ sắc mà xa lánh phòng
đọc sách.

Nên hết sức đề tâm vào việc học, đừng phóng
tùng buông tuồng.

Nhờ các ngôi sao sáng chiếu vào vách để làm đèn.

Mượn ánh mặt trăng soi vào lầu để đọc sách

Phải khảo cứu vào văn chương

Nên nhận rõ về đạo học

Nhả ngọc phun châu tranh chiếm bằng vàng.

Thừa dịp thành niên vượt cửa « Vũ môn » (2).

Sinh nhận thấy thơ của Tiên chúa có ý khuyên sự
chăm học, liền họa ngược vần lại rằng:

Phiên âm

Thôn ngư quật tỉnh chí phương cang

Cơ (3) thụ sâm (4) truyền dĩ tất tường

(1) Chữ « quý » hợp với chữ « đầu » thành chữ « Khôi » ý nói phải
đầu đầu các kỳ thi

(2) Cửa Vũ môn : Long môn, núi này ở vào địa giới hai tỉnh
Thiểm-tây, Sơn-tây, hai bên bờ sông Hoàng Hà, ngày xưa vua Đại
Vũ đào cửa ấy. Theo Tam-Tần Ký: hàng năm đến tháng tám, các cá
chép lớn tụ cả dưới cửa Long Môn, con nào nhảy qua cửa ấy thì
hóa ra rồng. Đời sau vì người đi thi đỗ tiến sĩ cũng như cá vượt
cửa Vũ môn hóa rồng.

(Cả bài thơ đều có ý khuyến khích việc học hành).

(4) Cơ : là sao Cơ } tác giả mượn tên 2 ngôi sao ấy để chỉ Cơ-

(5) Sâm : là sao Sâm } tử và Tăng-tử truyền đạo học cho hậu thế.

Đầu thất bích đề kinh quý đảm
Nguy lâu khuê vịnh động tinh quang
Giác tài thùy vị dề Đường Liễu (1)
Dực mao đa tâm vĩ Hán Trương (2)
Tổ nữ thanh hư ưng chần ngã
Quế chi (3) nguyệt chủy tổng văn phòng.

Dịch nghĩa (dại ý)

Nuốt sao Ngưu, đào giếng nước, chí khi rất hăng
hái (nói vì sự chăm học).

Đạo học truyền lại đã thấu rõ và tỏ tường hết.
Đề chữ vào vách làm cho quý thần kinh hồn (văn giỏi)
Ngâm thơ trên lầu lay động cả đến trăng sao (thơ
hay)

Tài không chịu kém Liễu tôn Nguyên đời Đường.
Học đã theo kịp Trương-tử-Phòng đời Hán.

Nàng tiên Tổ nữ ở nơi thanh vắng nên nghĩ đến ta.
Đem cảnh quế ở trên cung trăng vào văn phòng cho ta.

Tiên chúa xem thơ bảo sinh rằng : « Đã gọi là « nho », học thì phải hành, trước đầu lấy văn chương tiến thân, sau phải đem tài kinh luân giúp đời. Nếu chỉ dẽo gọt từng câu, từng chữ, sinh lạ khoe tài để ăn trộm cái hư danh của nho giả thì không đáng quý vậy. » Sinh ân cần từ tạ nói : « Tiểu sinh này trước kia tự phụ chút tài nhỏ mọn, có ý cuồng phóng. Nay được nghe lời vàng ngọc xin ghi trong lòng, không dám phóng túng như trước nữa. » Tiên chúa nghe lời sinh nói, lấy làm bằng lòng, vợ chồng cùng ngồi chuyện trò vui vẻ, đến khuya mới đi ngủ. Sau đó một năm, sinh được một con trai, rất thông minh. Lại sang năm sau sinh thi đỗ,

(1) Liễu-Tôn-Nguyên là nhà đại văn học đời Đường.

(2) Trương Lương là một trong tam kiệt đời Hán Cao-tổ.

(3) Ngày xưa nói thi đỗ Tiên sĩ như bề cảnh quế ở trên cung trăng.

được bổ vào Viên Hàn Lâm, công việc ít thường cùng với Tiên chúa xường họa làm vui. Có một đêm về cuối mùa xuân, hai vợ chồng cùng ngồi bên lò đốt hương. Bỗng nhiên Tiên chúa chảy nước mắt khóc, sinh lấy làm kinh ngạc, liền hỏi duyên cớ. Tiên chúa nói: « Thiếp không phải là người nhân gian, thiếp chính là tiên trên thượng giới, chỉ vì đánh rơi chén ngọc, bị tam trịch xuống trần, cùng với chàng kết tình cầm sắt là do duyên ước từ trước. Nay trịch kỷ đã đủ, thiếp lại phải lên cung tiên. Nghĩ đến chồng con, dầu đầy lòng thương cảm cũng không làm sao được ! » Sinh nghe nói đau buồn hết sức không nói nên lời, hai hàng nước mắt chảy ròng ròng. Tiên chúa vội cầm tay chồng như hình không nỡ rời nhau. Bỗng chốc tiếng xe loan đeo ngọc đã vắng vắng ở cửa ngoài, chỉ thấy cơn gió thơm thoảng qua đám mây lạnh họp lại, không biết người tiên đã biến đi đâu mất rồi ! Sinh từ đó trong lòng sầu cảm, không để ý đến công việc quan, gặp những lúc hoa sớm trăng đêm, miễn cưỡng tựa đầu lon gửi tình vào bút mực, lời ai oán không thể nào kể xiết...(1). Thường thường tự than rằng : « Người ta đặt thân vào quan trường, trước là để phò nước giúp dân, sau là để nuôi cha mẹ vợ con. Nay như ta tài hèn sức mọn, việc nhà lại không chút to vương vậy thì còn trôi buộc ở trong trường danh lợi làm gì ? » Chàng bèn tâng thư xin cáo quan, về làng làm nhà ở nơi rừng Đào cũ, suốt đời không lấy vợ nữa, chăm việc dạy con, lúc nhàn hạ gửi hứng vào khói mây, thơ rượu mà thôi.

Lại nói về Tiên chúa, sau khi lên Cung tiên, đã mãn hạn năm năm công cán, lại nhớ đến duyên ước ba sinh, liền tâu với thượng đế rằng : « Xin lại giáng sinh xuống cõi trần, cho được thỏa nguyện sinh hóa không thường, ngao du tùy thích. » Thượng đế y cho lời tâu ấy. Tiên chúa

(1) Lược đi một bài thơ trường thiên của Đào sinh ý và lời đã trùng ở trên

liền đem theo hai cô nương Quế và Thị, thẳng trở đất *Phổ Cát Thanh-hóa* từ trên không mà bay xuống. Địa phương ấy núi non xinh đẹp, cây cỏ xanh tươi, có suối trong nước chảy suốt ngày đêm, có đường lớn đi qua nam bắc. Tiên chúa thường hiển linh, người lành được phúc, kẻ ác bị tai vạ. Thấy thế dân ở vùng ấy sợ hãi, cùng nhau lập ngôi đền phụng thờ. Về đời « Cảnh trị » (1), triều đình nghe tin đồn, tưởng là yêu quái, sai quân Vũ-lâm cùng với thuật sĩ đến nơi tiêu trừ. Nào là voi ngựa thét vang, nào là chuông trống khua động, người bắn cung, kẻ bắn súng như sấm như sét; người vút ấn, kẻ dấn bùa như gió như mưa; trong chốc lát, một tòa đền đã biến thành khói tan! Biết đâu oai vua đâu đáng sợ, nhưng phép tiên lại thần diệu hơn. Sau đó ít lâu, vùng đó sinh bệnh dịch lây cả đến loài lục súc. Nhân dân ở nơi ấy hoảng sợ, lập đàn cầu đảo. Bỗng nhiên trong đám đông người có một người nhảy ra vọt lên trên đàn ba lạng quát to lên rằng: « Ta là tiên nữ trên trời, hiển thánh xuống trần, lũ chúng người phải xin phép triều đình làm lại đền mới, ta sẽ trừ tai, cho phúc, chuyển vạ làm lành. Nếu không nghe lời thì một vùng này không ai sống sót nữa. » Nhân dân theo như lời thần đã nói, cùng kéo nhau đến cửa khuyết kêu xin... Triều đình cho là thiêng liêng và lạ lùng, lập tức hạ lệnh cho phép sửa sang làm lại đền mới ở trong núi *Phổ Cát*, sắc phong « *Mã hoàng công chúa* ». Nhân dân ở phương ấy cầu phúc đều thấy báo ứng ngay. Đến sau, quân nhà vua đi tiêu trừ giặc, Tiên chúa thường có công giúp sức. Triều đình gia tặng là « *Chế thắng Hòa diệu Đại vương* » được ghi vào *lư điện*, cho đến nay mọi nhà khắc tượng, các nơi làm đền thờ phụng một cách tôn nghiêm kính cẩn, khói hương nghi ngút ngàn thu.

NGÔ LẬP CHI dịch

(1) Cảnh-trị niên hiệu Huyền-tôn đời Lê (1663 — 1671).

CUỘC GẶP GỠ KỶ LA Ở BÍCH-CẦU

Phường Bích-cầu ở phía tây nam thành Thăng-long (phường này thuộc huyện Quảng-đức, phủ Phụng-thiên, trong đô thành), có cái gò Kim-quy (gò này ở bên hữu nhà Quốc-tử-giám bên cạnh có cái ao hình cánh phượng, thường gọi là Phượng-trì, nay gọi là hồ Tú-uyên), non sông bao bọc, cây cỏ xanh tươi, đã lâu không có người ở.

Về đời Hồng-đức (Lê Thánh-tông) (1), có một người học trò họ Trần, tên là Uyên, tự là Vưu-Ban, vốn là con nhà phúc hậu, trọng thi lễ. Ông thân sinh ra Tú-Uyên làm quan huyện. Nhà có âm đức nên mãi về tuổi già mới sinh ra Uyên. Tú-Uyên thiên tư đỉnh ngộ, thần tính thông minh. Chú bé này vừa được một năm đã thích chơi sách vở, lên 6 tuổi đã hiểu luật làm thơ, được cha mẹ yêu quý cho là kỳ-dồng (2). Khi lên 10 tuổi, Tú Uyên theo học Lương tiên sinh, nhân chỗ gò Kim-quy, dựng ngôi nhà gianh làm nơi đọc sách. Năm 15 tuổi, cha mẹ mất cả, nhà nghèo phải nhờ người chu cấp, nhưng tính chăm học, tay không rời quyển sách, lúc nào cũng chỉ nghĩ sao nói được chí của cha, học sao cho giỏi về thi ca, hạ bút thành văn, văn không ai thêm vào chữ nào được, Tú-Uyên thường có làm nhiều thơ (3).

Lúc trẻ tuổi, Tú-Uyên là người hào hiệp, ngày ngày dắt bạn đi chơi, tìm những nơi cổ tích u nhã, đề hoa

(1) Lê Thánh-tông có hai niên hiệu: 1 — Quang-thuận (1460—1469), 2 — Hồng-đức (1470—1497).

(2) Trẻ con lạ thường

(3) Trong số thơ này, bản chữ Hán có ghi 4 bài: 1 — Ngôn chí thi, 2 — Gò Kim-quy, 3 — Sông Nhị hà, 4 — Hồ Tây. Nhưng 4 bài ấy, chúng tôi thấy văn từ ngữc ngắc, có lẽ một là bản in sai, chưa đính chính nổi, một là do chữ viết sai nên khó hiểu, chúng tôi tưởng không nên dịch.

vịnh nguyệt, khi ngồi trong vườn, khi ra đình sở, khi chơi chùa khi dạo quán, gặp cảnh nên thơ là làm thơ, bài ngắn bài dài không thể biên chép hết được...

Tất cả các nơi đi qua, Tú-Uyên đều có đề thơ, mà thơ thì ít người họa nổi nên được gọi là «tướng làm thơ». Duy Tú-Uyên không tin có thần tiên, thường làm thơ bài bác:

Phiên âm

Bất tín thần tiên

Lưu thủy phù vân lưỡng điều mang,
Bất tri hà xứ thị tiên hương?
Hư truyền Bồng-đảo can khôn biệt,
Lãng trụ Đào-nguyên nhật nguyệt trường.
Sở quán bạc tử hoàn mộng huyền,
Thiên thai, Lạc phổ tổng hoang đường,
Đương niên Tần, Hán thành hà sự
Cô trùng, hàn lãng chỉ tịch dương

Dịch nghĩa

Không tin thần tiên

Nước chảy lại mây dùn mờ mịt
Cảnh thần tiên ai biết nơi nao?
Non Bồng giới đất thế nào,
Nguồn Đào ngày tháng cứ sao lại dài?
Chỗ quán Sở đến dài mơ mộng,
Bến Thiên-thai chuyện cũng hoang đường.
Hán, Tần một kiếp tang thương,
Mồ tro gác bóng tịch dương trên cồn.

Năm giáp-thân có vị sư ni (họ Ngô) ở chùa Ngọc-hồ mở hội Vô-già. Bấy giờ thiên hạ thái bình, khi gặp cảnh xuân, từ thành thị đến thôn quê, người thiện tín,

khách thanh tao, từ bốn phương kéo đến xem hội. Chàng Tú-Uyên cũng ăn mặc lối nhà nho, theo bạn trẻ đi chơi. Đến đám hội, chỗ nào quang cảnh đẹp đều đi xem qua. Xem chán, cùng nhau đứng chân dưới một gốc cây um tùm, chàng chợt thấy một cái lá bay đến; đằng sau lá có một bài thơ, nhưng chữ viết lối triện, lơ mờ không thể biểu hết được, chỉ nhớ được bốn câu cuối, như sau:

Phiên âm

Vịnh ngọc hồ tự, vô già đại hội

Liêu lục đào hồng tam nguyệt thiên,
Thanh loan phi hạ phạm hoa biên.
Lam kiều lộ ngoại nhân như nghĩ,
Thủy thức thần tiên tại nhân tiền?

Dịch nghĩa

Vịnh hội vô già chùa Ngọc hồ

Tháng ba liễu thắm đào tươi,
Xe loan bay xuống cạnh nơi cửa Già.
Cầu Lam đông khách đi qua,
Tiên ngay trước mắt người đã biết chưa?

Chàng xem xong bốn câu thơ ấy lấy làm lạ, than rằng: « Ta vốn là tướng làng thơ », gặp giặc thì đánh, bài thơ này ai làm ra? Quái lạ, sao lại đưa đến trước mặt mình, tiếc không được gặp người làm bài thơ ấy. Suy nghĩ một hồi, chàng phát nguyện: « Đức Như-lai có thiêng, xin chủ trương cho việc này, có thể đem cái lá đó để làm người mối. » Đang lúc tưởng nguyện, chợt cảm thấy hương thơm gió đưa thoảng lại, chàng ngẩng đầu lên trông, thì thấy một bọn năm, sáu người mặc áo đỏ từ trong chùa đi ra, nhón nhơ ở dưới cây

du, vừa trẻ vừa xinh đều là quốc sắc. Trong bọn đó có một người trạc độ mười bảy, mười tám tuổi, mày lá liễu, má hoa đào, ăn mặc rất gọn gàng. Chàng vừa doái nhìn, thì cốt cách như ngọc, da dẻ trắng ngần có vẻ rung động, một chút xuân tình đều để ở trên mình mỹ nhân. Mỹ nhân thấy chàng có ý quyến luyến, cũng đưa mắt luôn như có thái độ yêu mến. Chàng mừng thầm, chạy đến trước mặt vái và nói rằng «Tôi đi chơi đánh đu, tình cờ lạc bước, nhờ xúc phạm đến mặt hoa, xin đừng trách là suồng sã.» Mỹ nhân khép nép thưa rằng: «Vườn Kỳ (1) rộng rãi có trách chi một sự nhầm lẫn» chàng thấy nàng vui vẻ, nói năng hòa nhã, bèn nói luôn ngay:

«Vườn Kỳ rộng rãi xin hãy mở cửa phương tiện.»

Nàng thấy chàng nói hơi ngạo, thông thả thưa rằng:

«Bể giác từ bi, quỷ si mô không bao giờ độ đến.»

— Chàng nói:

«Vô già mở hội, sao lại nhiều nhân ngã luân vương (2)

— Nàng nói:

«Pháp thân tự tại, đâu có phải giáo chủ phong hoa.»

(Đại ý nói: Đức Phật không phải là ông Tơ).

— Chàng nói:

«Cây bồ đề đó, đâu là xứ sở giống ra?»

— Nàng nói:

«Hoa bát nhã kia, chỉ có phúc duyên mới được.»

(1) Vườn Kỳ là vườn của Cấp-cô-độc và cây của Kỳ-dà cúng cho Phật làm tịnh xá, đây là nơi cảnh chùa.

(2) Nhân ngã luân vương là chữ nhà Phật, nguyên văn là «Nhân ngã luân chuyển vương». Nhân ngã, nghĩa là: Nhân là người khác, là khách quan, là hòa hợp giả tạo; ngã là chính mình, là chủ quan là tác dụng của chùa tề chủ thể mình. Chuyển luân vương là danh hiệu một vị thiên thần có đủ 32 sắc tướng, thọ mệnh vô cùng. Tóm lại: nhân ngã luân vương ở đây chỉ có ý nghĩa: chúng ta cùng đối xử cùng nhau đã ý hợp sao lại còn khách khí thế.

— Nàng lại mỉm cười nói:

« Hoa đàm rực rỡ, không ngờ hồ điệp liệng quanh »

— Chàng nói:

« Cảnh Phật trang nghiêm, hẳn cho phượng hoàng tới đậu » Hai bên đối thoại, bất giác mặt trời đã xế, ngậm gương non đoài, người xem hội dần dần về đấy, nàng cũng nhẹ cất gót sen hơi có ý thẹn, từ trong chùa đi ra. Chàng đi theo, đến Quảng-văn-đình, vừa đi vừa ngậm răng:

« Tinh thần dưới nguyệt nơi nào hiện. »

Nàng quay lại đọc nối theo:

Sắc tướng trước mắt vốn là không.

Nàng nói xong liền mất không thấy người đâu nữa. Chàng vốn trọng phong tình, lại có can đảm, cũng không lấy làm lạ chỉ nói rằng:

« Phật chẳng, quỷ chẳng, hay là mộng chẳng? »

Thế rồi đêm hôm ấy đốt đèn ngồi một mình, suốt đêm không ngủ, làm một khúc từ « Ưc Tần nga » và mười bài thơ « hoài xuân » để gửi hết tâm tình thắm kín của mình vào đấy.

Ưc Tần nga từ:

Phiên âm

Ưc Tần nga từ

Sắc dạng trang, giá Kiều nương,
Hựu thị Quan âm huyền đạo trường.
Nhược giao thiết thạch quả đồ khiêu trường.
Thư phòng hảo bạn thanh quang.
Nhân gian vạn nguyện tổng tâm thường.
Hà thời dữ hội, minh nguyệt Tây sương.

Dịch nghĩa

Nhớ lại Tần nga

Vẻ Kiều nương khéo khéo diễm trang,
Không khác gì đức Phật hiện thân trên một đàn tràng.

Mặc dầu ai là sắt đá,
Cũng phải xiêu xiêu tấm lòng vàng.
Phòng văn tắc gang,
Ước gì được gần gũi dung quang,
Thì muôn nghìn điều mong muốn,
Hết thấy đều là xoàng !
Biết bao mái Tây-sương
Được bóng nguyệt soi sang?

MƯỜI BÀI THƠ « HOÀI XUÂN » :

Phiên âm

Hoài xuân thập vịnh (1)

Kỷ nhất

Dương liễu tùy phong đảo thượng phương,
Thiên gian suy hạ phần chi vương.
Sơ sơ tiểu tảo thanh mi đạm
Nhiều nhiều vân thu thủy mãn trường.
Nhan mạo đã ưng đăng tử các,
Phong lưu chỉ hợp phối tài lang.
Hà dương tịch tịch thư song tịch
Lưu ban thanh quang tứ bảo phương.

Kỷ tam

Hoa nhan quái kiến huyền mao trường,
Sảo vị thanh niên tổng đoạn trường.
Vô cổ sạ phùng hoàn sa biệt
Giao nhân như túy bửu như cuồng.
Tầm phương lộ trở tam xuân thu.
Thương ngộ hung điền bách cảm tương.
Dạ tỉnh canh tàn nhân độc tọa
Nguyệt di hoa ảnh quá đông tường.

(1) Cũng như đã nói ở trên, 10 bài « hoài xuân » chỉ xin trích dịch 6 bài : 1, 3, 5, 6, 7, 10.

Kỳ ngũ

Nhân sinh nan ngộ giả thuyền quyền,
An đắc hoàng kim hoán tức duyên,
Tĩnh cảnh vô đoan không đoạ ngọc,
Trần tâm tự tín vị năng thiền.
Si hồn thử dạ khiến khâm bạn,
Hảo ái hà thời tịnh chằm biên?
Phong bá nhược tri ngâm tử khổ
Xuyên hoa suy đáo mỹ nhân tiền

Kỳ lục

Lưu xuân vô nại khứ hung hung,
Hồi thú tao phùng nhất mộng trung.
Oán cảnh hữu hoài thương lẫn điệp,
Phương tâm vô xứ thác chinh hồng.
Lương tiêu tịch tịch cô đăng nguyệt,
Thu dạ thể lương bán chằm phong.
Mặc mặc kỷ hồi thi tứ bãi,
Tham hoành do tự ý ngâm song

Kỳ thất

Thùy tri nguyệt hạ ngộ khuynh thành,
Doanh đắc dụng si biệt hậu tình.
Phù thể từng năng hải tức nguyện,
Thử duyên thệ bất phụ kim sinh.
Biệt thời hối vị tuần hương khúc,
Khử xứ nghi do hương bội quỳnh
Nguyệt lạc nhân sầu tiêu bất mị
Mộ triều hưởng phục đồ quyền thanh.

Kỳ thập

Phong lưu giải cấu cổ lai đa,
Đề sự như hà lưu khảm kha?
Đối muộn thư hoài dung dị lẫn,
Thời sầu xuân lậu đẳng nhân qua.

Trần tâm mạn bả tương tư yển,
Hào khí không thành biệt hận ma.
Tối thị quan hoài nan khiến xứ,
Lâm thời nhất chuyển dạng thu ba.

Dịch nghĩa

Mười bài hoài xuân

- (1) Gió tung bông liễu lên không,
Gió đưa người ngọc trên cung xuống trần,
Mây ngai đượm vẻ thanh tân,
Tóc mây mơn mớn mười phần thắm tươi.
Già đành gác tia thánh thời,
Lửa đôi xứng đáng với người tài hoa.
Phòng vắng vắng vẻ bóng tà
Ước mong sao được vẽ nga bàn hoàn.
- (3) Bông nga thấp thoáng bên thềm
Khiến người niên thiếu tránh niềm thương đau.
Gặp nhau bỗng lại xa nhau,
Tương tư dễ nặng mối sầu say mê.
Tìm hoa cách trở sơn khê
Tiếc xuân tay dốc chén thề băng khuâng.
Canh tàn ngồi tựa dưới trăng,
Trăng tà xoay bóng hoa đông bên tường.
- (5) Đòi người khó gặp khách thuyền quyền,
Dễ có vàng châu đổi được duyên.
Viên ngọc bỗng rụng rơi cảnh vắng,
Lòng trần khôn đã bén mùi thiền.
Mơ màng cũng muốn chẵn uyên đắp,
Gần gũi bao giờ gối điệp yên?
Di gió biết ta thương xót nỗi,
Rẽ hoa thời đến trước người tiên.
- (6) Xuân đi vùn vụt giữ không xong,
Gặp gỡ người trong một giấc nồng.

Cảnh khéo buồn rầu thương cái bướm
Đã thêm khắc khoải gửi chim hồng.
Ngọn đèn buổi vắng trăng mờ tỏ,
Chiếc gối đêm thâu gió lạnh lòng.
Nhiều lúc ngâm xong ngòi lặng lẽ,
Một mình nghiêng ngửa chốn thư phòng.

(7) Dưới trăng bỗng gặp người tiên,
Nỗi niềm canh cánh nửa phiên nửa ngày.
Vội chẳng phận đẹp duyên may,
Thề không để phụ kiếp này dở dang.
Chia tay chưa kịp hỏi tường,
Ra đi còn lắng tiếng vang ngọc quỳnh.
Sầu riêng trần trọc thâu canh
Lại thêm tiếng quốc kêu quanh sớm, chiều.

10) Người xưa kỳ ngộ cũng nhiều
Sao nay ta lại gặp điều khó khăn?
Ngại buồn tắc dạ băn khoăn,
Ôm sầu luống để đêm xuân bóng tà.
Nhớ ai con én bay xa,
Giận ai như giận con ma trêu mình.
Một điều không nỡ dứt tình
Là khi chia bước mắt xanh đưa chào.

Từ đó, lúc đi, lúc ngồi luôn luôn tưởng nhớ, bỏ cả ngủ, bỏ cả ăn, tinh thần bải hoải, chân tay mệt mỏi nên cất nhắc khó khăn. Trong hơn một tháng không đến nhà học. Có một người bạn họ Hà đến thăm, chàng bảo thực cho bạn biết chuyện mình. Bạn đã nói: «Đó chắc là người tiên, trước đây 15 năm, vua Thánh-tông Thuần Hoàng-đế đi chơi qua đó, kiệu vua đi qua cửa chùa Ngọc-hồ (1) thấy một người đẹp ở chỗ gác chuông ngâm thơ rằng:

(1) Chùa Ngọc-hồ ở thôn Bá Ngô, nay là chùa Tiên-tích, ở trên đường Nam-bộ.

Kệ đọc dưới gác chuông chùa Ngọc hồ

« Ở đây mển cảnh mển thầy

« Tuy vui đạo Phật chưa khuấy lòng người. »

Vua yêu qui tài trí của mỹ nhân muốn cùng xướng họa thơ từ, mỹ nhân xin vua làm trước, vua đòi đề mục, mỹ nhân lấy câu ngâm trước làm mạnh đề. Vua làm bài thơ rằng:

Thơ làm ở chùa Ngọc hồ

của Lê Thành-tông

« Ngâm sự trần duyên khéo nực cười,

Tuy vui đạo Phật chưa khuấy người.

Chầy kinh mấy khắc tan niềm tục

Hồn bướm ba canh lần sự đời

Bể thăm muôn tằm mong tăt cạn

Sông ân nghìn trượng dễ khơi vơi.

Nào nào cực lạc là đâu tá

Cực lạc là đây chín rõ mười. »

Mỹ nhân xem xong, phê bình rằng: « Câu trên « thiếu ý tả cảnh », đổi bốn chữ « chay kinh mấy khắc » làm « gió xuân đưa kệ » đổi chữ « ba canh » làm chữ « mơ tiên », chữ « thăm » làm « khổ », chữ « sông » làm chữ « nguồn » (1). Thấy thế vua rất tán thưởng, đưa về cung cấm. Khi cùng đi xe với vua về đến cửa điện, nàng biến lên giới mất. Vua biết là tiên, mới làm một cái lầu ở bên ngoài cửa điện để trông ngóng tiên nương. Lầu

(1) Cả bài chữa lại như sau :

« Ngâm sự trần duyên khéo nực cười

Tuy vui đạo Phật chưa khuấy người

Gió xuân đưa kệ tan niềm tục

Hồn bướm mơ tiên lần sự đời

Bể khổ muôn tằm mong tăt cạn

Nguồn ân nghìn trượng dễ khơi vơi.

Nào nào cực lạc là đâu tá

Cực lạc là đây chín rõ mười.

ấy nay là lầu Vọng-tiên ở trước cửa Đại-hưng trước điện đó. Nguyên bác lúc bình nhật hay bài bác thần tiên cho là hoang đường, biết đâu người làm thơ kia chả có khi đến đây để mở đường chường ngại cho bác hay sao? Chàng ngẫm nghĩ rồi nói: « Bài thơ đề ở trên chiếc lá tắt là của người ấy. » Nói thế nhưng vẫn còn ngờ. Hà-lang nói: « Tiên có thể gặp được nhưng khó cầu được, rừng quỳnh vườn hạnh là cảnh Bồng-lai ở trên đời, tiên tài như bác tắt ở vào ngọn núi cao nhất. Vả lại ngay ở trong sách có sẵn gái đẹp, kèm gì cần chèn Phi-Quỳnh ở sông Ngân-lân, việc gì mà sầu khổ vô ích, chỉ khổ cho khoảng mộng mênh mông mịt kia cười ta là hoang đường đó thôi. » Chàng nghe nói, gượng dậy đi đến nhà học, nhưng nét mặt vẫn rầu rầu, thần hồn lúc nào cũng ở bên người bạn. Chàng nghe đồn đồn Bạch-mã rất thiêng, thân đến mặt đảo, xin quẻ bói thẻ, được quẻ thứ tư tốt lắm. Quẻ ấy là diềm mượn gió đi thuyền. Tán rằng:

Bạch mã từ đệ tứ cát tiêm thi

Lao tâm lao lực dục thành công,
Chỉ dải hoa khai nhất trận phong
Đa tạ đông quan khinh xuất lực
Vọng xuân biệt hữu nhất chi hồng

Thơ quẻ thẻ thứ tư xin được ở đền Bạch-mã

Muốn nên việc nhọc nhằn tâm lực,
Chờ hoa khai lại đợi phong sinh.
Nên ra nhờ sức ông xanh
Trông xuân riêng có một cảnhn thắm tươi.

Đêm hôm ấy nhàn cầu mộng ở đền, đến cuối canh ba, nằm mộng thấy một ông già, mặc áo hoa, đội mũ nhà tu, tay cầm cái hốt vàng, đứng ở giữa sân, gọi

rằng: «Chàng mê sắc kia, ngày mai chàng đợi ta ở
hàng tranh vẽ trên bến Động-tân, ta sẽ đưa đến cho
một tin tức rất tốt.» Tỉnh dậy sáng ngày chàng ra đi
tìm không thấy gì cả, tự bảo thầm, bến Động-tân xưa
nay làm gì có hàng tranh vẽ, lại đó làm gì? À thần
Long-đồ đây riêu ta rồi. Ngần ngại chàng muốn ra về,
chợt thấy một ông già tay cầm bức tranh truyền thần,
vội vàng đi đến, hỏi ra thì là bức tranh tổ nữ. Chàng
cầm lấy xem đi xem lại, trăm chiều phong thái giống
như người mà mình đã gặp. Chàng vui vẽ khăn khăn
xin mua, cuộn lại đem về phòng văn, treo trên vách,
bên cạnh chỗ ngồi, mỗi khi gió sáng giăng chiều trông
nhớ xa xăm thì mượn tranh ấy để tiêu sầu, nhân đề
thơ:

Đề mỹ nhân đồ

Nguyệt hoa cốt cách ngọc tinh thần.
Kim ốc chu lâu dị thể thân.
Kiếm lân hiền trang nhung thủy tuyết.
Mấn tu sơ chỉnh tự phao vân.
Bất khinh nhất bộ di khuê thất,
Khẳng vị thiên kim dị tiểu lân.
Hà nhật thu ba tương ý chuyển,
Nhôn tiên phong tống hữu tình nhân.

Đề bức họa mỹ nhân

Hoa cốt cách, ngọc tinh thần,
Nhà vàng phủ tía chân thân đời nào?
Phấn không mà vẫn trắng phau,
Lược không, tóc vẫn đượm màu mây đen.
Cửa phòng chẳng động gót sen,
Nụ cười một chút nghĩa vàng khôn mua.
Bao giờ làn sóng mùa thu
Gió đưa trước mắt đến cho bạn tình?

Từ đó, lòng buồn của chàng hơi thư, tinh thần lưu luyến. Mỗi bữa cơm, chàng đặt hai đôi đĩa, khăn rồi mới ăn. Thường thường ngày nào cũng thế, được hơn một tháng, gặp buổi đầu thu, gió mát mưa tanh, chàng thần sắc ử rữ, miệng đọc một bài thơ rằng :

Thu sơ khâu chiêm

Kim phong suy lạc tỉnh biên ngô,
Tàn thử quan hà nhập tổ thu,
Khiếp lão sơn dung trình sáu tước
Sơ hoan liễu sắc giảm kiều nhu.
Thiên biên hàn tin lai hồng nhận
Tinh chữ giai kỳ cận nữ ngư.
Tả vấn thử thời châm chữ dạ
Thùy lân thư quán lệ sru sru.

Thơ cảm đầu thu

Gió vàng (1), giếng rung lá ngô,
Tan bệ quang cảnh sang thu tiết rồi.
Ngẩng ngưu núi diềm da mồi,
H vui liệu kềm sinh tươi vài phần.
Bên gòir tin nhận đưa gần,
Vợ chồng Ngâu cũng sông Ngân đến kỳ.
Cái đêm đập vải (2) đêm gì?
Thương người đọc sách lệ thì chứa chan.

(1) Kim phong: nghĩa đen là «gió vàng», tức là gió mùa thu. Theo thuyết xưa: ngũ hành tức là thủy, hỏa, mộc, kim, thổ, ta thường gọi là «năm hành» có liên quan với tất cả sự vật trên đời, đem ngũ hành phối hợp đối với bốn mùa trong một năm, thì xuân thuộc mộc, hạ thuộc hỏa, thu thuộc kim, đông thuộc thủy, nên gió thu gọi là kim phong hay gió vàng.

(2) Đập vải, dịch chữ đào y. Người xưa đập sợi vải ngâm để dệt vải cũng gọi là đập vải, cũng dùng cái chằm chữ, tức như cái chày dùng đập nó khi giặt áo. Thơ cổ có câu: Chằm chữ vấn từ lân (tiếng chày đập vải vang cả bên phía láng giềng) (Tứ hải, trang 963).

Nhân ngắm nghĩa mỹ nhân trong bức tranh mà phản nản: «Tôi từ thuở trẻ cô đơn hẳn hân, cần cù học tập, trong nhà chưa có người chủ trương nội trợ, dưới nhà thiếu người sai khiến. Từ khi gặp nàng đến nay, tình hoài muôn trạng, nếu nàng không nghĩ đến tình nhân thì thôi, nhưng tình nhân vẫn nghĩ đến nàng thì sao? Không thuốc nào chữa được, sao lại lạnh nhũn đến thế, chỉ để cho ai ôm mỗi phiên nào.» Nói xong mỹ nhân trong bức tranh má phấn đỏ bừng, như có ý thẹn. Chàng tuy rất ngỡ lấy làm lạ, nhưng trong bụng cho đó là một mối nhân duyên lạ đời, làm bốn bài thơ:

Phiên âm

Cổ đồ trung mỹ nhân (bốn bài)

Ký nhất:

Bất ngôn, bất ngữ, hốt tinh thần,
Nhất đoạn phong tình dị nịnh nhân.
Diệp dễ hoa do hàm ngọc nhị,
Thiên gian, nguyệt dục phóng băng luân.
Thủy tri dân viết hoài vân cữu
Mặc giả dân thanh biến thái tân
Nhược thị hữu tình lân tịch mịch,
Hà phương nhất hiện tác chân thân

Ký nhị:

Vô tình thủy liễu hữu tình lân,
Sạ vị bí thu tiện tổ vân
Vị phát chân từ thông tiểu ngữ,
Tiên tương hoa trạc kiến tinh thần,
Nhân tuy tương đối như thiên lý
Ý dĩ tiềm đầu đảo cửu phân,
Hi xứ nhược văn đề thuyết đạo,
Thế gian hà giả bất thành chân

Kỷ tam :

Tiền sơ thiên khí bức hộc giai
Suy động giai nhân bất ngữ hoai,
Não vị vô thanh hàm liên sắc,
Kiều tông hảo tử thương đào tai.
Cang hiềm hoa sự không nhưng sắc
Lãng thiên oanh hồn hỉ cánh sai.
Nhược sử lai thi xuân phóng tận,
Vàng hồng ưng đáng nhất chi mai

Kỷ tứ :

Kỷ hồi lãnh đạm bạng thư trai,
Kim nhật tình nhan nhược bán khai.
Sắc tướng nghị tông Kim quyết đáng,
Tinh thần giác tự Ngọc-hồ lai.
Hàm tu hảo não vô ngôn xứ
Mặc tướng kham si hữu cảm hoai.
Thử khứ tam sinh duyên lộ cận,
Phân minh chắm bạn thị Thiên-thai.

Dịch nghĩa

Ngắm mỹ nhân trong tranh

Bài 1 :

Tinh thần đó không rằng không nói,
Đoạn phong tình dễ đuối đắm nhau!
Hoa ôm nhị ngọc còn lâu,
Lưng trời trắng muốn trá cầu xe bằng! (1)
Khách đàn việt đã từng bạn cũ?
Mời mượn màu xanh đỏ tô tranh.
Nếu thương đến nỗi buồn tanh.
Sao không hiển hiện chân hình ra cho?

(1) Xe bằng dịch nghĩa đen chữ « Bằng luân », cái bánh xe bằng bằng. Thi nhân dùng hình ảnh bánh xe trở mặt trắng, vừa tròn lại vừa trong trắng.

Bài 2:

Ngờ đâu đã có tình thương đến
Vi bi thu nên tiện hỏi mây.
Nói cười chưa tỏ cho hay,
Trước đem tranh vẽ thấy ngay tinh thần
Người đối diện xa gần nghìn dặm,
Ý ngầm đưa đã đậm chín phần,
Nếu nghe thấy nói năng dần,
Việc đời ảo cũng thành chân khó gì?

Bài 3:

Thêm hộc bức khí trời hiu quạnh,
Không nói năng như chạnh niềm tây
Liều dung im tiếng buồn thay,
Sinh tươi ý tốt, hiện ngay tại đào
Hiềm hoa sự « không » sao vẫn « sắc »
Mượn hồn oanh, mừng chắc lại nghi!
Rời ra xuân phóng hết đi,
Vững hồng ưng đáng một chi mai gầy!

Bài 4:

Bên phòng sách bao phen lãnh đạm,
Đến ngày nay nhường tạm khai nhan.
Sắc từ trời xuống trần gian,
Tinh thần biết tự tam quan Ngọc-hồ
Chỗ không nói thẹn thò thiếu nảo.
Gợi cảm tình lặng khéo như ngây.
Ba sinh duyên lộ gần đây,
Rõ ràng tiên cảnh ở ngay bên mình!

Một hôm chàng đi học sớm, đến bữa cơm trưa về nhà
thấy ở trên giường bày sẵn sàng một mâm cơm, chàng
mở ra xem thức ngon vật lạ không thiếu gì cả. Chàng
lấy làm lạ: quái, cửa vẫn khóa nguyên, hay là giờ thời
gió đưa cơm đến, à xem kỹ trong buồng trong bếp,
không có dấu tích gì, chỉ có bức tranh tổ nữ treo

trên vách, có cái trâm cài đầu hơi sai đi một chút. Bấy giờ chàng chưa ăn cơm sáng, bèn lấy ra ăn, mùi thơm sức nức, vừa ăn vừa ngâm thơ:

Tiên trừ phạm

« Cù triền vô địa sản, Tổng thực hữu thiên trừ »

Bữa cơm tiên nấu

« Cháo đây không đất nấu,

« Ăn đó tự giới đưa »

Chàng nhìn ngắm bức tranh, bảo mỹ nhân rằng: « Có phải năng thương Vương-Tôn (1) mà cho ăn không? » Nhân cất chén rượu nói: « Đã có lòng thương nhau, sao không cùng uống chén này cho cạn? »

Từ đó mỗi khi đi học về, đã thấy bữa cơm trưa bày biện tươm tất, chàng nửa ngờ nửa mừng, không hiểu ra sao. Một hôm giả cách đi học, nửa đường quay về, nấp ở ngoài cửa sổ, dòm vào thấy mỹ nhân ở trong tranh bước ra, ăn mặc mộc mạc, không son phấn gì, kéo đám mây đen lên đi xuống bếp làm cơm. Chàng nhân lúc không ngờ, đẩy cửa thẳng vào, vội vàng kêu to: nương tử, nương tử, đợi ơn chiếu cố đã nhiều, ngày nay mới được bái tạ! Nàng se sẽ thưa: « Thiếp đã lạc vào nhà chàng, đâu dám không vâng mệnh ». Chàng qui xuống, nàng vội nâng dậy. Chàng nhân hỏi cho biết họ tên. Nàng nói: « Thiếp là một nàng tiên ở núi Nam-nhạc, tên gọi là Hà Giang-Kiều, trước nhân gặp gỡ nên phải giáng xuống trần gian cũng là duyên cũ xưa, nay cùng chàng lại kết nghĩa để đền bù cái nợ chưa trả hết. » Chàng nói: « Không biết có phải nàng là người khi ở chùa Ngọc-hồ đã cùng tiểu sinh đối

(1) Vương Tôn là Hàn Tín, khi còn hàn vi được Phiến mẫu cho ăn cơm.

thoại từng câu đố không? » — Nàng cười, trả lời rằng phải. Chàng nói: « Tiểu sinh đứt ruột vì nàng đã lâu, nay lại nấu hình ở chỗ này ư? » — Nàng nói: « Trước kia ở chùa Ngọc-hồ mở hội (công quả) lớn, nhân theo chị em đi xem hội, thiếp thấy chàng không tin tiên giao, muốn nói vài lời để đánh thức chàng. Không ngờ nói buột miệng ra, thành một đoạn tại tình. Từ biệt vội vàng để phiền lòng quân tử. Mới đây nhân Chân-quân ở đền Bạch-mã tàu lên Thượng đế, thương chàng không có gia thất, sợ đẩy đoạ vào chỗ trần duyên, thường muốn khiến thiếp đầu thai xuống trần cùng chàng tác hợp, nhưng thiếp là ngọc chất ở chỗ toàn cung (1) một khi thác sinh vào nhà người ta, thì nguyên chân đã thay đổi, phải chờ đợi năm, tháng thì tuổi lại sai lệch, cho nên xin vẽ tranh, muốn giữ trọn chân thân để cùng chàng kết làm đôi lứa. Đó là mối nhân duyên xưa; nay sửa túi nàng khăn mong đại lượng đoái thương cho, đừng để sau này thiếp có di hận. » Chàng tức thì chỉ tay lên trời, thề rằng: « Nếu có phụ ước xin cam chịu búa rìu. » — Nàng tạ rằng: « Những lời vàng đá của chàng xin ghi vào phế phủ. » — Chàng thấy thái độ và lời lẽ của nàng như thế, nổi mừng khôn xiết, nhân hỏi rằng: « Muốn thành thân sớm thì sao? Sao lại lần lữa đến nay? » — Nàng nói cho biết rằng: « Nàng thời Oanh-Oanh (2) vì khinh thường đem dâng thân ngọc, nên không đến được cuộc vui hồng hạnh (3). Nàng Kim-Anh (4) theo chiều gió để dải, rồi trọn mang

(1) Toàn cung là cung tiên

(2) Truyện Tây-sương-ký có ghi chuyện Thôi Oanh-Oanh có duyên gặp Trương-quân-Thủy một cách dễ dàng nên sau không đoan viên với nhau được.

(3) Có câu thơ cổ: « Hồng hạnh chi đầu xuân ý nào », nghĩa là đầu cảnh hồng hạnh xuân ý nào nhiệt (Tứ hải, trang 1031)

(4) Kim-Anh là tên một tiên nữ.

cải hạn thanh mai (1). Cho nên việc gì dễ được thì lại dễ bỏ, nên phải đợi thời, thừ thả hàng năm, hàng tháng, mong chàng biết duyên hội ngộ là khó mà đem lòng mến tiếc. Vậy xin chàng đừng lấy làm lạ. »

Chàng nói: «Thân phàm ở nơi lều tranh nhà cỏ, được sánh đôi với khách cung tiên đã là việc nghìn năm mới có một lần, vui mừng khôn xiết chỉ muốn chung chấn gối, đề cùng vui cuộc sống trăm năm, không phiền đến nàng phải lo lắng quá xa. » Nàng liền vẽ cái cảnh hoa vẽ ở trong bức tranh, biến ra thành hai thị nữ, sai sửa soạn cơm nước đề cùng nhau làm lễ giao bài. Chàng ngắm nghĩa Giáng-Kiều, không định tình được, muốn lấy lời nói khêu gợi, nàng liền nói: «Tình chàng nóng quá, thiếp đã bước chân xuống trần thế, lẽ nào lại không có tâm ý như người đời? Nhưng, thiếp trước kia cùng các bạn tiên đi chơi, khi chia tay chưa có lời tự tạ, nay xin mở một tiệc mừng đề tiện từ tạ các bạn tiên »; thấy thế chàng vui lòng nghe theo.

Buổi chiều hôm ấy bày tiệc rượu đủ các hoa quả, rải chiếu giữa sân, nàng ăn vận lễ chỉnh cùng chàng ngồi xem trăng. Chợt trông vào chỗ vách, chàng thấy cung, các, nhà cửa đều như gấm, như ngọc, hảnh đồ đào tười, cảnh giới khác nơi trần thế, mai vàng mạn tía, phong quang như ở cõi trời. Một lát sau thấy Tiên-Dung công chúa (2) và Ngụy Giáng-Hương (3) từ trên mây đến, các tiên tiếp tục đến sau, có đến hơn một trăm vị, đều có vẻ cá

(1) Thanh mai có câu thơ của Lý Bạch: «Lang ky trúc mã lai, nhiều sáng lộng thanh mai, nghĩa là chàng cưỡi ngựa trúc đến, quanh giương chơi quả thanh mai. Chữ thanh mai trúc mã chỉ tình quen biết của con trai con gái từ khi còn nhỏ tuổi (Tư Hải, trang 1462).

(2) Theo truyền thuyết, Tiên Dung công chúa cùng với Chử Đồng-tử sau khi kết nghĩa cùng hóa tiên bay lên trời.

(3) Ngụy Giáng-Hương cũng là người tiên có nhân duyên gặp Từ Thúc (xem thêm Từ Thúc).

chim nhận lạc, trắng nâu hoa đưa. Nàng ăn vận chỉnh
lề, vài chào đón rước, chàng cũng đứng đó để thi lễ.
Chủ khách ngồi yên đầu đây, nàng mới kể nhân duyên
gặp gỡ cho các tiên nghe. Nàng Tiên-Dung và nàng
Giáng-Hương cùng nói đùa rằng: « Chúng ta thân ở
dền vàng đã lâu, xa cách dục giới, ai ngờ ngọc nữ ở
trong ban đó ngày nay lại có chồng. » — Giáng Kiều
nói: « Xưa nay tiên nữ cũng đã có nhiều kết nghĩa với
nhân gian, hai chị là người đã trước tiên dựng cờ đồ
về việc nhân duyên; chỉ hiềm hai anh Chử (1) và Từ
(2) nay không có mặt trong đám tiệc này ». Nàng vừa
dứt lời, cử tọa đều vui vẻ vỗ tay cười ầm lên, rồi mở
đầu khai tiệc, tấu khúc nhạc quân thiên (3). Bữa tiệc
thật to, nem lân chả phượng, đủ món ăn ngon, lưởi
yến hầu oanh hết vui tiếng hát. Tiệc tan, các tiên quay
lại bảo chàng rằng: « Nhân duyên hòa hảo, hôm nay
thực là một hội trên đời hiếm có, xin chàng đừng cho
thần tiên là hư huyền. Chàng tạ lỗi và trả lời: « Chúng
tôi người trần chất tục, không được đến chỗ cảnh tiên,
nay may được gặp gỡ, mới biết cái việc của Tăng-Như,
của Văn-Tiên, thực là có trời bí mật không phải là hư
huyền. » Chuyện trò xong các tiên đều giải tán, chàng
cùng nàng tiễn chân khách ra tận cửa. Khi quay về thì
những quang cảnh bài trí trong đêm hôm đều biến
đan cả. Chàng cùng nàng đem rượu vào phòng: thật
rõ là một đóa danh hoa, chưa qua hạt mưa buổi sớm,
mười phần xuân sắc thấy đều đầm ấm như trời gió
đông, duyên kỳ ngộ, chốn tiên cung, cảnh rất vui trong
đời người, không thể hình dung tả rõ bằng lời nói
được. Nàng bảo chàng: « Đoạn nhân duyên năm trăm

(1) Chử là Chử Đồng-tử

(2) Từ là Từ Thức

(3) Quân thiên nhạc là khúc nhạc trời, do dương cầm ầm ở khoảng
không gian.

năm này, từ nay định ước cùng chàng. » Ngày hôm sau chàng ngồi cạnh chỗ nàng ngồi, chàng nhìn đi nhìn lại, thấy cảnh không khác gì nàng tiên ở cung Quảng-hân (1) Phật Quan-âm ở trong « trắng giá » (2), chàng vui mừng ngâm ba bài thơ:

Phiên âm

Mỹ nhân hiện thân

Kỳ nhất:

Tổ-nga trang liễu xuất Dao-cung,
Ngân trúc quang trung tiếp ngọc dung.
Kính mục tân kiều hoa ảnh lộng,
Xứng hoài biến thể tuyết ky phong.
Tiên nguyên tổ tạn tam canh nguyệt,
Phạm cốt thanh lai nhất dạ phong.
Tòng thử bình sinh tâm nguyện túc,
Bất lao vãn vũ mộng Vu-phong.

Kỳ nhị:

Ngọc nhuận băng điều xuất diễm thai,
Hư hoàng khuất dáng bạn thư trai
Mạn ngôn Tam đảo thần tiên viễn,
Kim nhật đan thanh họa lý lai.

Kỳ tam:

Khoảng thể tao phùng khoảng thể duyên,
Thử thân chủng phúc hệ sinh tiên.
Tòng kim bảo khân Hà nương tử
Thủy tin nhân hoàn hữu trích tiên!

Dịch nghĩa

Mỹ nhân hiện thân

Bài 1:

Tổ-nga từ ở Dao-cung,
Đuốc hoa sáng tỏ ngọc dung tiếp gần.

(1) Quảng hân là cung giăng

(2) « Trắng giá » bởi chữ băng luân nghĩa là bình tròn như bánh xe, trong trắng như băng giá, ước là mặt trăng.

Mặt nhìn bóng dáng giai nhân,
Thiên nhiên vừa ý, mười phần đậm đà.
Trăng khuya hỏi chuyện tiên già
Thân phàm thoảng đón gió hòa đêm thanh.
Từ nay mãi nguyện sinh bình,
Mây mưa không đợi Bồng, Doanh mơ màng!

Bài 2:

Vẽ chi bằng ngọc xinh tươi
Từ trên trời xuống tận nơi thư phòng!
Ai rằng tiên cảnh xa trông?
Ngày nay xanh đỏ vẽ lòng nên tranh.

Bài 3:

Nhân duyên gặp gỡ lạ đời,
Thân trông cây phúc tự nơi sinh tiền.
Nay không khao khát Hà-tiên,
Mời hay tiên giáng xuống miền nhân gian.

Một hôm ăn cơm sáng xong, chàng bảo nàng rằng:
« Chúng ta từ gặp nhau ở chùa Ngọc-hồ, một ngày
đằng đẳng coi bằng ba thu, nay sao trời cũng chiều
người, nỗi mừng vượt quá tưởng tượng: ước hẹn trăm
năm bắt đầu từ đây quên thế nào được! Nhời đẹp
văn hay của nàng, tôi không thể kịp, trước đã thấy: ở
thư từ, từ khi duyên ulla cá nước đến nay không thể
không có một nhời nói đề ghi chép sự thực. » Nàng từ
chối: « Việc giấy mực không phải phận sự đàn bà. »

Chàng nói: « Nay, về nàng Ban-cơ (1) xưa, chúng
ta đã được nghe tiếng là người giỏi văn thơ. Lại còn
nàng Đạo-Uần (2) đến nay ta cũng còn thấy có dấu ghi.
Đó chẳng phải đàn bà là gì? »

Chàng nài ép mãi đến hai ba lần, nàng mới theo
gương, nhường chàng xướng trước rồi nàng họa sau,
bài thơ gồm có 60 vắn.

(1) Ban-cơ là nàng Văn-cơ họ Thái, tài nữ đời cổ

(2) Đạo-Uần: nàng Đạo-Uần họ Tạ, tài nữ đời cổ

Phiên âm

Định tình thi (Lục thập vận)

Tạc dạ dạ (1) hà ky
Ngân-hà hoành thước chữ,
Ký (2) đặc đảo hoa nhật

Phương tâm nan tự ức
Tài xung Phan dong mỹ
Tam sinh hoài ký biệt,
Tình trọng thần năng cảm.
Thiên niên đề hảo hội
Tự tích tông tiên lữ
Chỉ duyên thương sắc giới,
Trần nguyện thông quỳnh vũ

Giảng tinh từ bối quyết
Hoan hội lâm phương tịch,
Bật phi lai Lạc-phố
Nhạc lạc xuy tiêu nữ
Quân thiên điều thánh nhạc

Ngọc dẫn điều xương ngẫu

Trần tu cang thủy lục,
Lượng đại bối truyền cấp
Tiểu nghiên dung khả cục
Thái khúc hàm ca chỉnh
Kiều đăng từ ký túy

Dạ tinh phong xuy lã

xuân khai cầm tú vi.
băng giám chiếu nga mi.
tương phùng phạm uyên thi.

đảo thiết mạn tương tri.
tư kiêm Tạ từ kỳ.
thập vịnh ký tương ti.
thời lai vận diệc tùy
tam đảo dáng châu ky.
du phạm đảo địa di.
bất giác đoạ tâm ky.

hồ song khuất ngọc ky.
họa trục thác hồng ty.
tiên duyên tác hảo kỳ.
vương-mẫu hạ Dao-tri.
cầu đăng cổ sắt phi.
vân dịch tuyết linh mi.

kim bàn tiến bảo mi.

đi khi thác châu ky
bầu thanh khúc độ tri
thái viễn ý nan khuy.
cung hải não khách đi
bội tặng chúc vu quy

thiên cao nguyệt phong huy

(1) Trong sách in viết là chữ «Nhược» nhưng nhược thì tối nghĩa, xin theo chữ sách chữa lại là «dạ»

(2) Sách viết là chữ «Thác», nhưng sợ thợ khắc sai, xin sửa lại là «ký» cho có nghĩa hơn.

Dao đai ngâm vị bãi
Tửu tử hoàng hoa chúc,
Liên kim hương ngữ hoạt
Tịch thượng thi tương
quyển

Lương tiêu nan lãng độ
Sắc đắm đại như dầu,

Lưu dăng thủy tử mạc
Khoái huê song ngọc thủ
Vô lực kiều kham họa
Hàm tu dè tuyết mao
Thất bảo đai trung dạng
Lệ dong sinh bất ngẫu
Khả điệp hoa tâm trắc
Đồng tâm liên phi thủy
Yên Vũ hoa chi chiên
Hải đường phong cốt thấu
Hưng tư thời loạn đàm
Ô vân từng mấn cái
Sở quán dè tương chủ
Khâm trung nan khẩu đạo
Thiên giả song thê dực
Thê lương lân chức nữ
Oa cổ hữu tần súc,
Tâm hoan mi tế lộ
Ngô-ni chân Nguyệt-lão
Nguyên vận tương vi bội
(ngổ)

Vịnh phụng khuê phòng
thác

Thiếp trung đo mộ vũ
Triển chuyển miên nan
tự,

tử nhục tọa tương khi.
trà hồ xích cước ty.
luyện ngọc khát hoài si.
hoa trung nhị dục phi.

hảo sự khởi chung vi
phương tình cam nhược
di.

thiên sa nhiệt kim nghệ.
hoan nhập nhũ hoa duy
đa tình động nhược suy
đối noãn giải la y.
thiên kim ốc lý ti.
tục nhãn kiến ưng hi.
nghe oanh liễu cốt di
đối huyết thổ tường vi
phong hàm ngọc xuyên di.
thước được lộ châu si
xuân cuồng phát thủy vi
thanh hãn thấp yên chi
tần đai lậu thẩm nhi
châm thượng chỉ tâm tri
nhân nghi tịnh lý chi
tịch mịch tiểu quỳnh di.
kê thanh mạc tảo đề
nhĩ chúc thiết thanh đề
bach-mã thị minh si.
trường giao niệm biệt ly

tương tòng chi bút hi.

song ngoại khiếm triều hi.
lưu liên lạc bất chi.

Thanh trang do nhiễm thể
Lan thang canh phần đại
Đình dao thiêm tán thậm
Cơ phu tông thử nhuận
Tích mộng kim chân hĩ
Liên kiều khan bất yếm
Thường liễu phong lưu
trái,

Từ tình giai khăn thiết

hiếu thái khả y cơ
chi lũng diêm yêu chi
tu tâm đối tạc phi.
đình chũng nhậm lang ti
tâm kỳ thân đắc chi.
đào trĩ ái niên suy
Truyền kỳ vịnh thử thi

triều tịch nguyện tình
duy.

Thơ định tình sáu mươi vần (1)

I

Từ khi gặp ở chùa đến lúc Giáng kiều hiện hình

Đêm qua chừng mấy giờ khuya
Tung bừng màn gấm mở chia khóa xuân
Dịp cầu Thước, sông Ngân vừa bắc
Vẽ mây ngai gương bạc soi cao.
Nhờ từ tiết nở hoa đào
Lân la cửa Phật, ra vào gặp nhau.
Muốn đề nỗi thương đau chẳng được
Muốn chống điều ngang ngược khôn hay
Chàng Phan tài mạo tốt thay
Mong cùng ả Tạ sánh bầy lứa đôi.
Ba sinh đã ngậm ngùi ly biệt
Khúc tương tư mượn viết mười bài

(1) Nguyên bài thơ này có 60 vần, nhưng đọc kỹ chúng tôi thấy có nhiều câu trùng điệp, có vẻ khi thừa và hơi vắn dài quá khiến đọc giả khi đọc phải dụng công chú ý theo dõi mới nắm được toàn bộ. Vì vậy chúng tôi tạm chia cả bài làm 4 đoạn để đọc giả đỡ lộn công mà dễ hiểu. Đoạn nào có câu trùng điệp như đã nói trên thì chúng tôi mạo phép xin lược bớt đi mấy câu để tránh sự phức tạp. Tất cả chỉ còn độ 40 vần. Tuy vậy việc chia đoạn và lược bớt không làm tổn gì đến nghĩa chính và các vần liên tục liền nhau.

Cảm thông vì mỗi tình dài
May ra thời vận tương lai còn chờ
Nghìn năm sẽ có cơ hội tốt
Trên đỉnh non mai một gặp liền
Từ xưa nhường có nhân duyên
Mà nay tạm trịch xuống miền trần gian.
Vì sắc trời còn dan díu nợ
Nên tâm cơ thêm nhỡ nhàng duyên
Lòng trần thấu đến cung tiên
Bức tranh thực nữ đời truyền thần ra.

II

Quần tiên xuống làm lễ cưới

Phòng tiên mở tiệc hoa vui vẻ
Hội quần tiên làm lễ hợp hoan
Bát-phi, Vương-mẫu quây màn
Hằng-nga thổi sáo dạo đàn góp vui
Thực phẩm đủ mọi mùi quý báu
Bếp thiên trù đun nấu sẵn sàng
Ngọc ngà gấm vóc điểm trang,
San hô mã não bạc vàng trăn châu
Rượu vô lượng trăm bầu cùng giốc
Ca hữu tình muôn khúc đều tấu
Nói cười lẫn lửa canh thân,
Đủ điều phong nhã có câu khôi hài
Khách say trở gót hài từ giã
Giống xe loan, giục giã hầu bay
Giở quà tặng hảo trao tay,
Đoàn viên vui chúc tiệc ngày vu quy.

III

Cảnh vui trong lúc định tình

Gió thổi sáo vi vu cảnh vắng,
Nguyệt treo gương vắng vắng trời cao

Ngâm chưa dứt khúc Quỳnh-dao,
Đếm thêu cùng đón ngời vào lân la.
Chung chén rượu Hoàng-hà nguyên ước,
Gạn ấm chè Xích-cước truy hoan.
Thung dung nổi sấp rủ màn
Đỉnh nghề vàng lại thâm than đốt trầm.
Đôi tay ngọc sẽ cầm nhè nhẹ
Còn then thùng e lệ bóng nga.
Cúi đầu cỏi vạt áo là
Sổ sàng cho bướm biết hoa tỏ tường.
Qua giấc mộng Trương-vương mê mệt
Chỉ một mình, mình biết mình hay.
Mừng thầm giải cẩu duyên may
Như chim chấp cánh như cây liền cành.
Thương Chức-nữ một mình vong vóng
Cười Hằng-nga chếch bóng lẻ loi.

IV

Chuyện trò sau khi định tỉnh

Tan canh gà đã gáy dồn,
Nỉ non bên gối còn vui chuyện trò.
Nhờ bà Nguyệt chùa Ngô giống giả,
Ơn đức thần Bạch mã thiêng liêng
Nguyệt xin giữ vững mối riêng,
Chẳng hề ngang trái ngã nghiêng chia lìa
Trong khuê các, sớm khuya xường họa
Bàn bút nghiên phong nhã tiêu dao.
Nhưng là rầy ước mai ao,
Xưa kia là giấc chiêm bao mơ màng.
Mà nay đã rõ ràng trông thấy,
Khéo ước sao được vậy mọi điều.
Đăm đăm ngăm vẻ Liên-kiều
Nhị đào càng thắm tằm yêu càng nồng.

Phong lưu đã trả xong gốc lã
Mấy vần thơ để lại truyền kỳ.
Thiết tha một mối tình ghi
Xin cùng suy nghĩ trong khi sớm chiều.

Thơ làm xong, nàng rải tấm lụa vân cầm, cầm bút viết lối vũ kiếm (múa gươm) như rồng múa phượng bay, ánh lóe sao sáng. Thấy thế chàng lấy làm lạ, cho là của rất quý, đem treo lên trên vách, không ai đọc được, vì gấm như mây, mực như thần, biến hóa không có hình tích, không muốn để cho người ngoài biết.

Nàng từ sau tiệc vui hoa đuốc, phụng thờ gia tiên rất hiền, trông nom việc nhà rất chăm, nàng niu khấn lược, cung phụng cấp dưỡng, không chỗ nào chàng không vừa ý. Cho đến khi tân bằng yến hội, không đợi cất đặt gọi đến là đưa ra, cỗ bàn tinh khiết, đều là những thứ trên đời không có. Nơi xa chốn gần, ai cũng đều mừng cho chàng. Chàng cũng thêm phần yêu quý nàng. Thì giờ thấm thoát, dần dà đã đến ba năm. Biết đâu thế sự đương hay phần nhiều sinh ra dở, đến nỗi nhàm nhỡ cả giai kỳ. Chỉ vì tính chàng thích uống rượu, hàng ngày sống trong cảnh phấn hương là lượt, khề khà làm vui, thường muốn ép nàng cùng uống rượu. Nàng thường đem câu chuyện lấy hai cái búa chặt một cây đứng trơ, để khuyên răn, luôn luôn hết lời can ngăn thì chỉ như nước dội xuống đá. Nàng liền làm bài thơ để khuyên chàng, thơ rằng:

Phiên âm
Phúng tửu

Khuyến quân tu ái thiếu niên thân,
Mạc hương hàn bôi lãng độ xuân
Chi sĩ mỗi nhân đa ẩm dăng,
Phủ ông tăng hội mãi hoan bần

Hà-dông bãi khử duyên tảo xù,
Thái-thạch vong quy vị khúc thần
Bất tín tửu vì cường ngộ được
Tình thì thí khán tùy thì nhân.

Dịch nghĩa

Can ngăn uống rượu

Chàng nên quý tấm thân tuổi trẻ,
Đừng say sưa bỏ phí xuân quang
Rượu thì tình cũng loang toảng
Rượu thì giàu cũng tan hoang cửa nhà
Hà-dông bỏ cũng là hơi bã,
Thái-thạch quên vì bã men say.
Rượu là thuốc độc không hay
Tình rồi coi lại người say thế nào.

Chàng cũng hoa đề cự lại :

Phiên âm

Cự phúng tửu

Tri tha thủy thị bách niên thân
Tửu lạc tu đương cập tảo xuân
Giải muộn tam bôi năng tác khí
Nghinh hoan nhất dẫn tiện vong bần.
Đoạn Tần xà trách phương tri thánh,
Dục Hán Hồng môn thủy giáo thần.
Tự cổ túy ông sâu tận thích,
Khả lân duy thị độc tình nhân !

Dịch nghĩa

Cự lại lời can ngăn uống rượu

Ai đã biết ai là trăm tuổi,
Rượu làm vui gặp buổi đương xuân

Giải buồn ba chén sinh thần
Mua vui một đấu cảnh bần cũng quên
Chém rắn chẳng nổi lên Phong, Bái,
Phò Hán-vương, Phàn-Khoái, Hồng-môn.
Người say tan mỗi sầu tuôn,
Thương thay có kẻ vẫn còn chưa say!

Từ đó về sau, chàng cứ rượu chè bữa bãi, những nhời thệ hải minh sơn đều bị cơn ma men làm cho quên hết. Một hôm chàng đi đâu về, say rượu thất điên bát đảo, nằng vặc vào rồi khuyên can. Chàng phát ý muốn đi, bị nằng hai ba lần ngăn giữ lại. Nằng ngậm ngùi khấn đầu tạ rằng:

« Thiếp vốn phong tư vàng ngọc, cảm hậu tình của chàng về hầu hạ buồng the, ba năm trọn phận xương tủy, không có chỗ nào làm lỡ, chỉ mong đôi lứa vẹn tròn, không phụ lời ước trăng tròn. Phương chi, chàng tuổi trẻ tài cao, đường mây gần đến, thế mà ngày đêm say đắm, không tiếc đến tấm thân nghìn vàng, đường ngang ở trước chén rượu, sợ đến nổi ngã nghiêng, tấm lòng thành thực xin bắt chước đường can như cò nhân chặt máy khung cửi (1). Không ngờ nói khó làm trái ý chàng, thiếp không phụ chàng, chàng sao phụ thiếp? Người đàn bà đã bị ruồng bỏ còn nói gì được nữa! Thiếp hầu chàng lâu năm, trần duyên đã hết từ đây xin về. Gió xuân hơi độc, chàng nên gìn giữ tấm thân, đừng nghĩ gì đến thiếp ». Nói xong lấy vạt áo lau nước mắt, bái từ mà đi. Quay đi quay lại nằng đã biến dạng mất.

Bấy giờ chàng ở trong cảnh mê, tưởng là nằng lách đi chỗ nào, đợi chàng nguôi cơn giận lại về, ngờ đâu nằng đã đi lên trời rồi. Chàng tắt đèn đi nằm, nhưng trong lòng sợ hãi, nằm cũng không ngủ được. Đến khi tỉnh

(1) Bà mẹ ông Mạnh-tử, vì con không chịu đi học, bà đang dệt vải liền chặt máy khung cửi để khuyên bảo con.

lại, gọi hỏi thi nữ, mới biết không phải lỗi ở nàng, đốt đèn đi tìm, không thấy có tung tích gì. Lúc đó chàng tuy thương cảm muôn phần, nhưng hỏi lại không kịp. Chốc lát sau, thi nữ cũng đi. Chàng trong lúc ấy như hồn lìa xác, rời rã chân tay, đến coi người vẽ trong tranh, thì thấy nhan sắc phai mờ. Chàng lúc đó nước mắt tuôn xuống như mưa, mấy lần chết đi sống lại, bỏ ăn bỏ ngủ đến một tháng. Xóm giềng bạn bè đưa cơm cháo lại cho, chàng lại đem đặt ở trước bức tranh mỹ nhân, khóc lóc kêu ca. Hơn một tháng chàng đóng cửa không ra đến ngoài. Người bạn cũ là họ Hà đến hỏi thăm. Chàng mừng, nhậu lưu lại nghỉ đêm. Hà-lang trước đã vì chàng bàn việc thần tiên, đến sau nhân duyên gặp gỡ, chàng dẫu không thổ lộ, cho nên Hà-lang đi lại chơi bời, chỉ biết chàng có giai ngẫu không biết vợ chàng là tiên. Khi nghe biết lai lịch trước sau của chàng, những việc khi tan khi hợp và thấy nét mặt chàng biểu lộ nỗi đau thương, Hà-lang bảo chàng rằng: «Đền Bạch-mã đã là chỗ linh ứng, sao không đến mà kêu cầu xem sao?» Chàng liền nghe lời Hà-lang, thân hành đến đền, soạn bài sớ văn, đốt hương khấn cầu... (1)

Khấn xong ra về, vừa đi vừa than thở rằng: «Ta nay nhớ đến câu: Tỉnh rồi coi lại lúc người say trong bài thơ nàng còn ở đây làm đề khuyên ta. Thế mới biết, rượu là thứ thuốc làm cho người ta điên cuồng lắm lần, uay tỉnh ngộ, việc đã như thế này, biết làm thế nào?» Từ khi lễ đền về, qua hết một tuần (mười ngày) non tiên gong tặc, không thấy tăm hơi. Thường khi trước đèn dưới giăng, đối cảnh sinh tình, nong nỗi chàng được tỏ ra trong các bài thơ, từ điệu ai oán. Tiếc không thể chép hết được, sau đây chỉ thuật lại dăm ba bài đề lại cho thừe giả xem.

(1) Lược đi bài văn khấn trước đền Bạch-mã.

Đạo Bạch mã từ tiên, hồi hậu cảm tác (1)

Kỳ nhất:

Thôi sâu thiên ngoại lạc cương phong,
Suy đoan tình duyên nhất túy trung
Lục dã vị kham tiêu lục lự,
Thái loạn tất cánh phụ kỳ phùng.
Đồng tâm la đời do hương vị,
Tế ngữ sa trừ uyển ngọc dung.
Đào động bông song kim vạn lý
Thử sinh hà xứ hữu tương phùng

Kỳ nhị:

Ngộ bả phủ sinh lục túy hương,
Thương tâm để sự nại hà nương.
Kiêu tà Ngân-hán tam canh đoan,
Thủy cách Bồng-lai nhất lộ trường.
Khởi vị trình kỳ hoàn trích giảng,
Dã ưng khế khoát liệu điền cuồng.
Trung tông túng hữu khai dương lệ,
Bất nhãn tiền duyên đạo nhất trường.

Kỳ bát:

Kim lò hương lãnh lệ ngân tiêu,
Cò quần phong thanh bán tịch liêu.
Nhân thế sâu lai tuyền lộ cận,
Thần tiên hưng khứ ngọc kinh dao.
Tam sinh hốt giác Vu-phong mộng,
Thất tịch tư liên Chức-nữ kiều.
Ai tổ khả lân cô yếu tại,
Lương gian mộ mộ cánh triều triều.

(1) Nguyên văn có 10 bài vì ý tứ trùng điệp nên chỉ xin phiên âm và dịch nghĩa năm bài: 1, 2, 8, 9, và 10.

Ký cửu:

Thuy dư phong phát biến đường lê.
Muộn ý vân lan khước lãn đề
Thường-Uyển thu hồi thương nhận quá,
Vũ-lăng xuân tận tuất oanh đề.
Tâm tiên bất đãi thuận bới nhiệt
Cốt sấu nan kham vân khí thể;
Chứng chùng u sấu thối vị kiệt,
Mộ chung thanh đoạn hựu thần kê.

Ký thập:

Tương thân tương ái mạc tương quyền
Tằng dĩ dương niên chúc nhĩ ngôn
Vãng sự nhất trường giai mộng lý,
Khát hoài cá nguyệt mỗi vân biên.
Lưỡng trần từng cách kim sinh hận,
Bách ức tu đề tái thế duyên.
Phó giữ tam thanh lai hạc giá
Đặng tiền tổ thử đoạn trường thiên.

Dịch nghĩa

**Thơ làm sau khi cúng khấn
ở đền Bạch - mã ra về**

1. Cơn buồn bã ngoài trời gió giục,
Dứt tơ tình trong lúc là đà.
Lòng trần còn nặng vì hoa.
Duyên tiền may mắn sao mà dở dang!
Dải đồng còn đượm mùi hương
Cửa không còn bóng Kiều nương ra vào.
Song sa xa cách động đảo,
Kiếp này biết có nơi nào gặp nhau?
2. Phù sinh trôi vị say nhầm,
Tình làm sao nổi thương tâm hồi nằng

Sông Ngòi nhớ dịp cầu ngang,
Non Bồng cách trở dặm đàng xa xôi.
Đọa đầy dù hết hạn rồi,
Thì đem nhờ hên làm mối thuốc diên.
Trùng phùng bằng có nhân duyên,
Ngâm ngùi không nỡ than phiền cùng ai.

8. Hương tàn, giọt ngọc nhỏ tuôn,
Quán trọ hiu quanh gió lượn thổi qua.
Người buồn, những muốn gần ma,
Thần tiên vui thú cách xa non Bồng.
Núi Vu chợt tỉnh giấc nồng,
Mong sao nổi kịp cầu sông Ngân-hà.
Lẻ loi con én rang ca,
Sớm chiều trên quăng rường nhà, thương thay!

9. Thức giấc dậy nghe cây gào gió,
Biếng ngâm thơ vò võ mình ngồi.
Nhạn về, hầu hết thu rồi,
Oanh già sẽ lại lần hồi xuân qua.
Ruột nóng chẳng lọ là rượu dôi
Xương gầy không chịu nổi sương pha.
Mỗi tình đòi đoạn xót xa,
Hồi chuông chiều vắng, tiếng gà canh khuya.

10. Yêu nhau đừng vội xa nhau
Rỉ tai còn nhớ những câu ngày nào?
Việc qua như giấc chiêm bao,
Bên giới mong đợi, luống khao khát lòng.
Nay dù cách mỗi tình chung
Kiếp sau đề chữ tương phùng làm duyên.
Dám phiền cánh hạc động tiên,
Trước đèn gửi tới một thiên đoan trường!

Mỗi khi làm thơ xong, chàng ngâm vịnh hai ba lần,
khóc nức nở, không bao lâu thành bệnh. Hà-lang
thương xót, đưa thuốc men đến cho chàng, sợ chàng
vì nhớ nàng, lỡ hại đến tính mạng. Hà khuyên giải

nhiều đường vẫn không được. Hà mới nói bịa ra rằng: « Ôi, bác làm đã lâu rồi! » — Chàng hỏi sao thế? Hà-lang nói: « Trước kia bác bài bác thần tiên, sau khi gặp gỡ ở chùa Ngọc-hồ, bác mới tin mà ham muốn, khiến cho ma quỷ nhân đồ đến tác quái. Nếu không biết liệu sớm, tất sẽ mắc họa phi thường. Vả lại, đêm hôm qua, vào khoảng canh ba, tôi ở phòng sách, đọc sách mệt rồi tựa gối ngủ, mộng thấy con lão hồ tinh quanh quẩn ở bên cạnh bác, hút hết cả huyết tủy. Nay bác quả phiền bị bệnh, tất là hồ tinh hóa phép làm ra những sự quái gỡ để mê hoặc lòng người, nó muốn dùng bác làm « như ý quân » đó. (Đời nhà Đường có hai chị em con hồ tinh, thường dụ dỗ những con trai trẻ tuổi, vào hang sâu, tha hồ dâm dục, để hút lấy tinh khí, người nào vừa ý thì nó giữ lại, gọi là *Như ý quân*). Tôi xin bác tự trọng tâm thần, đừng mê hoặc vào cái yêu quái hoa nguyệt để tổn hại cả chí khí sinh bình. » Chàng nói: « Sống chết có mệnh trời, mộng mị không lấy gì làm bằng cứ, tôi có chút thông minh, người quân tử há lẽ sống ở đời không có ý nghĩa, vả lại nương tử tôi thái độ khác thường, trình thuần hơn ai, những công việc ở chỗ buông thả, đời này ít người được như thế. Từ khi đẹp duyên đôi lứa, tôi được tinh thần như sáng, thân thể nhẹ nhàng, như sinh lông mọc cánh, nếu phải là yêu quái nay sao tôi còn được ở đây? » — Hà-lang nói: « Qui nương nếu là thiên tiên, nay đi lâu rồi ân ái đã tuyệt, bác có tài như Lý, Đỗ (1) há lẽ không sánh đôi được người như Tạ, Chu (2) hay sao? Dày đàn đứt rồi lại nối là cái lẽ thường, việc

(1) Lý-Bạch, Đỗ phủ, hai nhà thi hào nổi tiếng đời Đường.

(2) Tạ Đạo Uẩn, một tài nữ đời xưa, Chu Thúc Chân, người con gái ở đất Tiên dương về đời nhà Tống, tự hiệu là U-thê cư-sĩ, thích đọc sách hay làm thơ, vì nhân duyên không được vừa ý, thường sinh oán hận (Tứ Hải, trang 669).

gì mà khổ như thế? Phương chi, thề phách tôn nghiêm để lại chỉ có một mình bác, há lẽ vì tình chẵn chiều, để hai đến nghiệp cơ cừu! » — Chàng nói: « Tôi không phải không nghĩ, nhưng cái tình dắm thắm, cái chi cảm thông, không làm sao quên đi được, vạn nhất Trương-công (1) thất vọng, Đỗ-thị (2) không giở về, tôi cũng không nỡ lấy người khác ». Hà-lang nói không lọt tai, phẩy áo đứng lên đi, chàng nhớ đến câu thơ cổ:

« Ninh nhĩ tử tương kiến
Bất nhân sinh biệt ly! »

Dịch nghĩa

« Thà rằng chết gặp mặt,
Không nỡ sống biệt ly »,

Chàng than rằng, câu thơ này chính là cảnh ngộ của ta ngày nay đó. Nói rồi, lấy cái dải khăn là của nàng để lại từ trước vẫn vắt ở xà nhà, chàng muốn tự ải; chợt thấy một trận gió thoảng đưa hương thơm đến. Ngay trước cửa sổ thấy rơi xuống một chuỗi hoa. Chàng vội vàng coi xem, thì thấy hai thị nữ đỡ nàng đến, chàng vừa thương vừa mừng ôm lấy nàng khóc, nói rằng: « Nếu hôm nay nương tử không đến, nương tử sẽ tìm thấy tôi ở nơi chín suối ». — Nàng nói: « Thiếp vẫn ở đây khi nào để chàng đến nổi thế! Khi ly biệt đi mười bước có đến chín lần quay đầu lại, nhưng không đi thì không cảm động được lòng chàng, cho nên miễn cưỡng tạm xa nhau, để mà can gián chàng. Chàng thực là người

(1) Trương Công là Trương Quân Thụy gặp Thôi Oanh Oanh, nhưng rồi không lấy được nhau (Truyện Tây Sương).

(2) Đỗ thị: Đỗ Thu nương là một người con gái ở quận Kim-lăng đời Đường làm thơ rất hay, trước là nàng hầu Tiết-dộ-sứ Lý Kỳ, sau Lý bị tội, Thu nương phải vào cung vua làm bảo mẫu cho thái tử, sau mới được cho về (Tứ Hải, trang 674).

cao nghĩa, nghe những tình ý trong thơ từ, câu nào cũng là sắt đá, thiếp bụng dạ nào lại nổi vội bỏ mà đi! —
Chàng nói : « Việc trước đã qua không đành sao được nữa, việc sau sắp tới vẫn có thể theo dõi được, từ nay về sau, xin theo như ý của nàng .. » (1) bèn làm thơ để yên ủi nhau :

Phiên âm

Tái hợp hậu phu phụ tương úy cảm tác

Nhất tự vân giai trở ngọc nhan,
Hồi đầu bất nhân đối hoa khan,
Mỗi thương hóa kiếm chung nan hợp,
Khởi ý di châu hựu tái hoàn.
Tắc hận khinh tùy kim dạ vũ,
Tàn minh trùng chỉ cựu thời san,
Kỷ ngôn dài thượng tư thiên khách
Mạc bả canh trừ hoan lạn can.

Dịch nghĩa

Vợ chồng cùng yên ủi nhau sau khi tái hợp

Từ khi mặt ngọc cách xa,
Một mình sao nổi xem hoa vui vầy?
Chạnh niềm gươm hóa rỗng bay
Ngờ đầu Hợp-phố châu nay lại về!
Trận mưa rửa sạch hờn xưa,
Chỉ non xanh nổi nhời thề từ đây.
Nhấn người giữ thề đêm nay,
Trông canh xin chờ đổi thay vội vàng.

Nàng họa lại để yên ủi chàng :

Phiên âm

Thiếu thiếu nhất dạ lưỡng bi hoan,
Bả cựu tân từ thức lệ khan.

(1) Lược đi vài câu kể chuyện đến lễ dền Bạch-mã.

Thiên cồ tông lai tinh nghị trọng,
Nhất triều phản tác biệt ly nan.
Phúc lưu tự cổ thu ưng hãn,
Minh kính như kim phá phục hoàn.
Tông thử vĩnh hải loan phượng lữ,
Nhậm tương hảo từ tục quan quan.

Dịch nghĩa

Đêm nay vừa tẻ vừa vui,
Thơ từ mới cũ ngâm ngùi xem qua.
Nghìn năm tinh nặng chúng ta
Chia phối nở để xảy ra một ngày
Bát nước đồ, bốc khôn đầy
Mảnh gương hầu vỡ mừng nay lại lành.
Phượng loan kết bạn chung tình,
Thơ «quan quan» cũ chúng mình nối theo!

Từ đó tình ái ngày càng khăng khít, việc gì phải
cũng thuận theo. Ở với nhau được một năm, sinh hạ
con trai đặt tên là Trần.

Khi ấy chàng nghĩ đến việc thi cử, chăm chỉ học
hành, suốt ngày đêm không lúc nào trễ nải. Nàng nói:
«Danh phận tuy là trọng, nhưng trần tục cũng đáng
khinh, đại để người ta sinh ra ở khoảng trời đất, chỉ
là bốn chất: đất, nước, gió, lửa, giả hợp lại mà thành,
trên không bám vào cây nào, dưới không có gốc rễ
nào giữ lại. Bóng quang âm đi qua vùn vụt, sinh ra
rồi lại chết đi, ví như bọt nước, sương ở đầu ngọn cỏ,
chốc lại thành không. Chàng chẳng thấy đấy ư? Từ
muôn thuở tới đây, non sông có đứng vững ở chỗ
nào? Giàu sang có quy hãn vào chỗ nào? Tươi héo nổi
chìm, nghìn hình muôn trạng. Nếu thân đàn ông có hơn
đời, tài khí có hơn người, tâm trí được thỏa mãn, cao
chẳng qua sống được bảy tám mươi năm, thấp chẳng

qua sống được năm sáu mươi tuổi. Tuy những buổi công danh ít gặp, đầu tóc vàng phớt chốc mây xanh; nhưng trong khi năm tháng đưa thoi, má hây đỏ hồng rụng tóc bạc. Khoảng đời phủ quý trăm năm trên cõi trần, cũng chỉ bằng cảnh thanh nhàn một ngày đêm trên cõi tiên. Người đời không biết, sắc thân là mộng, nắm chặt lấy khối thịt túi da nhận là của ta, so sánh vắn dài, phân tách sống mái. Đâu có biết thương thân lao tứ, đều là con đường hai thân; ham sướng sướng vui, cũng chỉ trong lò hồng tiêu mạng. Trước mắt kia, đèn đài mây móc, lộng lẫy nguy nga, xưa nay cũng đã biến hình còn đâu! Ngoài vùng núi động hang vàng, thừa thãi trước sau, cũng chỉ còn tro gò đất. Cớ sao từ xưa đến nay đâu cả? Những bậc anh hùng trước kia, ngày nay đâu cả? Vả lại khi buồn khi vui, khi tan khi hợp là sự thường của người đời. Trong thời tuổi xanh, chính chàng đã lịch duyệt cả. Kệ có câu rằng:

« Nhân sinh như điều đồng làm tức,
Đại hạn lai thì các tự phi! »

Dịch nghĩa

« Người như chim đậu cùng rừng,
Đến khi đại hạn liệu chừng bay đi! »

Đến thế thì, dù có xe đẹp ngựa tốt, có thể dùng mãi trong cảnh giới ngăn ngủ vội vã của người đời được không? Không gì bằng, bỏ dút bảy tình, tẩy trừ sáu dục, sớm chơi nơi ba Bồng-đảo, chiều lên chỗ chín tầng trời. Hứng gió trăng chốn non Bồng, rửa trần ai nơi nước Nhược. Trời đất xuân không lão, vui sướng chừng nào; ngày tháng bỗng thêm dài, phong quang vô hạn. Xin chàng nghĩ kỹ, để ta thoát khỏi vòng trần ». Chàng nghe nói hình như có vẻ ngần ngại. Nàng tiếp: « Tất cả cái mà người đời cho là việc khó làm, chỉ có trên

thờ cha mẹ, dưới nuôi vợ con là có quyền luyện hệ luy đó thôi. Nay chàng đã không có hệ luy thân quyến, thiếp cũng không có cần cạnh giàu sang, sao lại lấy sự bỏ xuýt của đời người mà tự buộc tấm thân vào trong vòng khổ não. » Chàng nghe nói, tỉnh ngộ ngay và nói : « Nếu không có nàng chỉ rõ nẻo mê, dẫn vào đường giác, thì đời tôi sẽ đọa vào cái lưới của trần gian. Nhưng đạo tiên có thể học được à ? » Nàng nói : « Lấy đạo cầu tiên, tiên cũng rất dễ, cốt ở sự tu tri của ta thế nào đó thôi. Phương chi, tên chàng đã có trong sổ các tiên, lại có thiếp biến hóa, thật không lấy gì làm khó ! »

Nhân chàng hỏi đến phép thuật, nàng trao cho một bi quyết, chàng liền dò tìm linh hội, nhận việc đã qua biết việc sẽ đến, thông lẽ huyền diệu đến chỗ nhiệm màu, hàng long phục hồ khôn lường cơ thần, rút đất cưỡi mây, tỏ ra tay pháp. Một hôm mây mọc bện quăn ngay giữa sân nhà, trong đám mây ấy có một hạc trắng ngậm thư bay xuống, chàng cùng con là Trần, và Giáng-kiền đều cưỡi hạc bay đi, không biết đi đâu.

Sau Hà-lang từ chỗ làm quan xa đến thăm hỏi chàng, khi đến nơi thì đầy thêm rêu phủ, cây cỏ oanh kêu, hỏi người hàng xóm, đều bảo là nhà ấy cửa đóng đã một năm. Hà-lang cho là Trần-công đắc đạo, mới đem chuyện nói cùng mọi người, không ai không chép miệng khen là kỳ diệu.

Sau có người phường Bích-câu chơi thuyền ở Hồ-Tây, ban đêm được gặp Trần công, nhận biết được tường tận, cùng với lời nói của Hà-lang không sai. Từ đó câu chuyện truyền đi suốt kinh thành, ai cũng biết.

Sau khi chàng Tú-Uyên đã bỏ nhà cũ, trải bao năm tháng, vườn hoa tượng liễu, phong vật y nguyên, người ngoài vào chơi cảm thấy hương khí đầy nhà, đêm đến thường có tiếng thiên nhạc, người ta đều cho là thần,

cầu đảo thấy linh ứng. Một hôm có một con chim to phương tây nam bay lại, đỗ ở trên nóc nhà, một lát lại trông thấy mây bay đi, thả xuống một tờ giấy có sơn đỏ, đề rằng :

Phiên âm

Đăng tiên hậu cảm tác

« Ly hợp nhân gia nhất đại khối
Linh chi dĩ hoán tục cân hải.
Ngọc kinh phong nguyệt thường xuân sắc,
Bối quyết yên hoa ngoại vọng đôi.
Đắc đạo đồng cư Hoa-cái động,
Sinh thân kim tác ngọc tinh khôi.
Phân phân phù thể vô nhân thức,
Đán nhật chiêu nguyên hạc hựu lai ».

Dịch nghĩa

Sau khi lên tiên

« Vững to tan hợp một nhà,
Hình hải thể tục đổi là linh huân (1).
Cung tiên giăng gió thương xuân,
Khói hoa để nguyệt trông gần nơi xa.
Tu đắc đạo ở Hoa-cái động,
Tấm thân này là giống Ngọc-tinh.
Đời người ai kẻ biết mình?
Ngày nguyên đán, chim hạc hiện hình lại đây ».

Thực giả nói, đây là Trần tiên sinh đắc đạo thành tiên, nay lại về đó. Người trong phường càng cho là lạ, lập đèn quanh năm hương lửa phụng thờ.

Niên hiệu Vĩnh hựu năm dậu (1735) có một người Tú-tài (2) ở Nam-châu, vì đi thi, đêm đến đèn cầu mộng.

(1) Linh huân, có người đọc là linh khuôn, hay linh khuôn tức là linh chi, là tử chi, là cái nắm móc ở đất lên như hình cái lọng.

(2) Tú-tài đầu nghĩa là người có tài giỏi, người đủ tài đi thi, không phải nghĩa như tú tài, cử nhân ta hiểu hiện nay.

Người Tú-tài cầu mộng thấy có người lai dẫn đến một nơi, cửa vân gác lộ rất là lộng lẫy, bốn mặt toàn thủy tinh, trong bức rèm treo có đặt một tấm bình phong vân mẫu, có màn vóc thêu, hương thơm sực, vẻ choáng váng cả mắt. Người Tú-tài xóc áo tề chỉnh đi vào, thấy có một vị đầu đội mũ vân hồng, mình mặc áo vàng xam, ngồi ở phía trong bình phong. Bên chỗ ngồi ấy, có các con gái đẹp trẻ tuổi và đồng tử thị nhi, đứng chung quanh tả hữu, người cầm cái quạt che cán bằng vàng, người cầm đôi giấy thêu cánh chim thúy, người bưng mâm ngọc, người cầm long hoa, oai vệ như một vị đế vương. Một lát, nghe thấy có tiếng ở trên đèn nói: « Cho ngồi » rồi bảo rằng: « Chàng có biết sở dĩ tìm chàng đến đây có ý gì không? ». Người Tú-tài thưa: « Tôi là tiện sĩ giang hồ, niềm tuc dễ mê, nay bước chân đến chốn Dao-cung, thật là ba sinh có duyên may mắn, nhưng không biết đây là nơi nào? Và quý nhân tìm tôi đến có ý gì? » Vị ấy bảo: « Đây là cung Tử-thanh ở trên tầng trời, cách nhân gian 80 vạn dặm, nếu không có duyên xưa sao đến đây được. Vì chàng cao tài hậu nghĩa, ta muốn đem một việc nhờ chàng truyền thuyết ở trần thế đó thôi ». Nhân kể lai lịch trước sau, bảo người Tú-tài rằng: « Ta là Trần-Uyên tự Vưu-Ban về triều vua Thánh-tông nhà Lê, người ở phường Bích-câu, huyện Quảng-đức, vì tiền nhân ta có âm đức nên được Thượng-đế thương ta. Ta lúc tuổi trẻ cơ bản. Người sai một nàng tiên xuống trần để kết nghĩa sánh đôi, đôi tình ân ái cung kính lẫn nhau. Vào khoảng nửa chừng, tuy ta có vì uống rượu, xui nên tạm thời chia rẽ, nhưng lại đoàn tụ như xưa, đuốc hoa lại sáng, gương ngọc lại tròn, ở với nhau được một năm, sinh con trai là Trần. Sau vâng mệnh đức Thượng-đế cùng lên ở cung tiên, giữ việc sở tấu, nay tiêu dao tiến phủ theo đôi trên trời không lạc xuống cõi trần dầu bề nữa.

Không ngờ ngu dân hạ giới, quen thói khinh bạc muốn
đặt ra những lời dối trá hão huyền, cho vợ chồng ta là
kẻ thù của giới tiên, lại truyền nói với nhau, do ta có
tính uống rượu sinh điên cuồng, thường phạm đến
nương tử, gây thành oan trái cho nên Thượng-đế nghĩ
xử cho Uyên này thân sau đầu thai ở phường An-hoa,
huyện Quảng-dức, làm con gái nhà tiểu dân họ Nguyễn;
nương tử thì thân sau đầu thai ở phường Kim-hoa,
huyện Thọ-xương, làm con trai quan Thượng-thư họ
Trần, đảo đi đảo lại chồng làm vợ, vợ làm chồng để
báo phục lẫn nhau. Những lời gièm pha thêu dệt như
thế không có bằng chứng gì, để cho người đời cái bia
miệng nói liêu, thậm chí viết cả ra tờ chữ có kẻ gọi là:

« Khả lân sân hỏa khởi;
Tiện bả ái lâm thiên. »

Dịch nghĩa

Đang thương lửa nóng bùng lên vội,
Đem cả rừng yêu nọ đốt đi.

Lại có kẻ nói:

« Táo tri tương hỏa hôi duyên lạnh,
Hận bất di tương tùy tịch phần,
Chỉ kim phong vũ hồ trung lãng,
Do vị tiên thù khởi nộ sân! »

Dịch nghĩa

Nếu biết sớm lửa duyên lạnh buổi
Sao sồ say không đốt ra gio?
Đến nay mưa gió giữa hồ,
Còn vì câu chuyện tiên thù sinh sân!

Những loại như thế kể ra không xiết. Ôi, văn chương
thông cảm tạo hóa, sĩ quân tử cầm bút viết, nói ra lời

nếu muốn truyền chép chuyện lạ trần thế, há không có lời lẽ khoải hoạt, việc gì phải gièm pha đến chỗ cao minh, chế cả thượng giới, cầu đề mê hoặc người đời, chỉ là mình lại dối mình. Vả lại việc xưa không có mà nay bịa ra làm có, đặc tội với cổ nhân nhiều lắm. Chàng, đường mây rộng rãi, nay sắp đến lúc đặc chí, việc vui của nhân thế tất được hưởng trước người ta, ngày khác sẽ cùng ta ngao du, nay may mắn tới đây, xin giải tỏ đôi lời đề vì đời mà nói giải những sự mê hoặc, đừng để cho ngọc bích trắng trong đắm mây xanh phải đeo những vết xấu như tiếng ruồi tiếng nhặng. »

Người tú-tài nghe nói, gửi lời dạ dạ. Nhân hỏi đến tiền trình, vị ấy bảo đến ngày khác sẽ biết, cơ vi của tạo hóa không thể tiết lộ được. Nói xong vị ấy truyền lệnh cho ăn yến rồi tiến về. Người tú-tài bái từ mà ra. Khi tỉnh dậy đem việc ấy hỏi những sư ở các chùa. Bấy giờ có một nhà sư người họ Bùi, vàng sắc điệp nhà vua, ở chùa An-quốc đã trải ba đời, có thể nói chuyện được những việc về đời Hồng-đức (1470 — 1497), đều âm hợp với chuyện trong mộng, bèn đem chép ra chuyện này.

TRẦN VĂN GIÁP dịch

MỤC LỤC

	Trang
Lời giới thiệu	2
1. Đọc «Truyện kỳ tân phá»	3
2. Đền thiêng ở cửa bể	6
3. Truyện người liệt nữ ở An-ấp	42
4. Truyện thần nữ ở Vân-cát	66
5. Cuộc gặp gỡ kỳ lạ ở Bích-câu	10
6. Mục lục	144

ĐÍNH CHÍNH

Trang	Dòng	In sai	Đọc là
6	17 đến 23	in nhỏ (sai)	in to bằng các dòng dưới đó.
18	giữa 13 và 14	in liền hai dòng 13 và 14	cách nhau một dòng
43	3	tự ý thêm ăng	tự ý thêm sang
103	12	nhằm nhỡ» chẳng thấy	nhằm nhỡ». Chẳng thấy
144	8dl	muốn tra cầu xe bằng!	muốn trả cầu xe bằng!

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

In tại nhà in Báo Thủ đô Hà-nội
Đồng sách Hợp tác xã Kiến thiết
Số XB. 41/ĐHTH

In 2.000 cuốn. Xong ngày 15-9-1962
